

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI &
KỸ THUẬT SAP

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Xuân Hiệp

Sinh viên thực hiện : Trần Thị Anh

MSSV : 2254010105

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Trần Thị Anh
- Chuyên ngành : Kế toán
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: Số liệu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

4. Các bảng biểu: Hệ thống các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Nguyễn Xuân Hiệp

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH1

1.1 Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....1

1.1.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh1

1.1.1.1 Các khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu1

1.1.1.2 Khái niệm về chi phí2

1.1.1.3 Khái niệm về kết quả hoạt động kinh doanh2

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...2

1.1.3 Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh3

1.2 Kế toán doanh thu và thu nhập khác3

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ3

1.2.1.1 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.....3

1.2.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu3

1.2.1.3 Các phương thức bán hàng và thanh toán4

1.2.1.4 Chứng từ sử dụng5

1.2.1.5 Tài khoản sử dụng6

1.2.1.6 Phương pháp hạch toán7

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu8

1.2.2.1 Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu8

1.2.2.2 Chứng từ sử dụng9

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng9

1.2.2.4 Phương pháp kế toán.....9

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính10

1.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....10

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng10

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng11

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán11

1.2.4 Kế toán thu nhập khác12

1.2.4.1 Nội dung thu nhập khác.....	12
1.2.4.2 Chứng từ sử dụng	12
1.2.4.3 Tài khoản sử dụng	13
1.2.4.4 Phương pháp hạch toán	13
1.3 Kế toán chi phí	14
1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán	14
1.3.1.1 Nội dung giá vốn hàng bán	14
1.3.1.2 Các phương pháp xác định giá vốn.....	14
1.3.1.3 Chứng từ sử dụng	15
1.3.1.4 Tài khoản sử dụng	15
1.3.1.5 Phương pháp hạch toán	16
1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	17
1.3.2.1 Nội dung chi phí hoạt động tài chính	17
1.3.2.2 Chứng từ sử dụng	18
1.3.2.3 Tài khoản sử dụng	18
1.3.2.4 Phương pháp hạch toán	19
1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	19
1.3.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh	19
1.3.3.2 Chứng từ sử dụng	20
1.3.3.3 Tài khoản sử dụng	20
1.3.3.4 Phương pháp hạch toán	21
1.3.4 Kế toán chi phí khác.....	21
1.3.4.1 Nội dung chi phí khác.....	21
1.3.4.2 Chứng từ sử dụng	22
1.3.4.3 Tài khoản sử dụng	22
1.3.4.4 Phương pháp hạch toán	22
1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	23
1.3.5.1 Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23
1.3.5.2 Chứng từ sử dụng	24
1.3.5.3 Tài khoản sử dụng	24
1.3.5.4 Phương pháp hạch toán	25
1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.4.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh	25
1.4.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh	25
1.4.3 Tài khoản sử dụng	26
1.4.4 Phương pháp hạch toán	27

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH.....	28
THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP	28
2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	28
2.1.1 Thông tin khái quát về đơn vị	28
2.1.2 Quá trình hình thành phát triển tại đơn vị	28
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	29
<i>2.1.3.1 Chức năng của Công ty</i>	<i>29</i>
<i>2.1.3.2 Nhiệm vụ của Công ty.....</i>	<i>29</i>
2.1.4 Đặc điểm tổ chức sản xuất tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.....	30
2.1.5 Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	30
<i>2.1.5.1 Khái quát bộ máy quản lý tại Công ty.....</i>	<i>30</i>
<i>2.1.5.2 Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận.....</i>	<i>31</i>
2.1.6 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	31
<i>2.1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....</i>	<i>32</i>
<i>2.1.6.2 Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận.....</i>	<i>32</i>
2.1.7 Hình thức kế toán tại Công ty	32
2.1.8 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán	34
2.2 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.....	35
2.2.1 Đặc điểm quá trình kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....	35
2.2.2 Kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.....	37
<i>2.2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP</i>	<i>37</i>
<i>2.2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty</i>	<i>47</i>
<i>2.2.2.3 Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP</i>	<i>51</i>
2.2.3 Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	51
<i>2.2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.....</i>	<i>51</i>
<i>2.2.3.2 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty.....</i>	<i>63</i>
<i>2.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.....</i>	<i>64</i>
<i>2.2.3.4 Kế toán chi phí khác tại Công ty</i>	<i>78</i>
<i>2.2.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....</i>	<i>82</i>
2.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.....	89
<i>2.2.4.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>89</i>

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng	89
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng	89
2.2.4.4 Sổ sách sử dụng	89
2.2.4.5 Trình tự ghi sổ.....	89
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP	99
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công Ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.....	99
3.1.1 Ưu điểm	99
3.1.2 Nhược Điểm.....	100
3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.....	101
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa của từ viết tắt
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCDC	Công cụ dụng cụ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXC	Sản xuất chung
GGHB	Giảm giá hàng bán
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
CCDV	Cung cấp dịch vụ
VAT	Thuế giá trị gia tăng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
NVL	Nguyên vật liệu
QLKD	Quản lý kinh doanh
BPBH	Bộ phận bán hàng
BPQLDN	Bộ phận quản lý doanh nghiệp
GTCL	Giá trị còn lại
HMLK	Hao mòn lũy kế
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
KC	Kết chuyển

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Bảng một số tên hàng hóa được trích từ kho hàng hóa.....	36
Bảng 2.2: Sổ chi tiết TK 5111	45
Bảng 2.3: Sổ chi tiết TK 5113	46
Bảng 2.4: Sổ cái TK 511.....	47
Bảng 2.5: Sổ chi tiết TK 515	50
Bảng 2.6: Sổ cái TK 515	51
Bảng 2.7: Sổ tổng hợp và chi tiết hàng hóa đầu báo khởi	54
Bảng 2.8: Sổ chi tiết TK 632	57
Bảng 2.9: Bảng thanh toán tiền lương bộ phận kỹ thuật tháng 5/2025	58
Bảng 2.10: Bảng trích chi phí chờ phân bổ	61
Bảng 2.11: Sổ chi tiết TK 154	62
Bảng 2.12: Sổ cái TK 632	63
Bảng 2.13: Sổ chi tiết TK 6421	67
Bảng 2.14: Bảng trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2025	71
Bảng 2.15: Bảng thanh toán lương tháng 12/2025	73
Bảng 2.16: Sổ chi tiết TK 6422	77
Bảng 2.17: Sổ cái TK 642	78
Bảng 2.18: Sổ chi tiết TK 811	81
Bảng 2.19: Sổ cái TK 811.....	82
Bảng 2.20: Sổ chi tiết TK 821	88
Bảng 2.21: Sổ cái TK 821	88
Bảng 2.22: Sổ chi tiết TK 911	91
Bảng 2.23: Sổ cái TK 911.....	92
Bảng 3.1: Sổ chi tiết TK 821	102
Bảng 3.2: Bảng thanh toán tiền lương tháng 05/2025	105

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Smart Pro.....	33
Hình 2.2: Giao diện đăng nhập M-invoice	38
Hình 2.3: Giao diện lập hóa đơn tại M-invoice	39
Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 182 ngày 08/12/2025	40
Hình 2.5: Giao diện hạch toán hóa đơn bán hàng số 182 ngày 08/12/2025.....	41
Hình 2.6: Chứng từ ngân hàng theo HĐ số 182	41
Hình 2.7: Hoá đơn GTGT số 60 ngày 22/05/2025	42
Hình 2.8: Giao diện hạch toán hóa đơn bán hàng số 60 ngày 22/05/2025.....	43
Hình 2.9: Giao diện hạch toán hóa đơn số 35 ngày 23/12/2025	44
Hình 2.10: Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi ngày 25/11/2025.....	49
Hình 2.11: Chứng từ ngân hàng ngày 25/11/2025.....	49
Hình 2.12: Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm SmartPro	52
Hình 2.13: Phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT số 182	53
Hình 2.14: Giao diện xử lý đơn giá của phiếu nhập kho hàng trả lại.....	55
Hình 2.15: Giao diện xử lý đơn giá của phiếu nhập kho hàng trả lại.....	55
Hình 2.16: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại theo HĐ số 35	56
Hình 2.17: Giao diện hạch toán lương bộ phận kỹ thuật.....	59
Hình 2.18: Giao diện hạch toán chi đồng phục bộ phận kỹ thuật.....	59
Hình 2.19: Giao diện chi phí chờ phân bổ thuê kho 2025.....	60
Hình 2.20: Giao diện xử lý chi phí chờ phân bổ	61
Hình 2.21: Giao diện hạch toán chi phí theo hóa đơn số 14804	65
Hình 2.22: Giao diện hạch toán hóa đơn số 3847 ngày 11/11/2025.....	66
Hình 2.23: Phiếu chi HĐ số 3847 ngày 11/11/2025	66
Hình 2.24: Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT số 57066 ngày 08/12/2025.....	66
Hình 2.25: Phiếu chi tiền dịch vụ ăn uống theo HĐ số 57066	69
Hình 2.26: Giao diện nhập TSCĐ trên phần mềm	70
Hình 2.27: Giao diện trích khấu hao trên phần mềm	71
Hình 2.28: Giao diện nhập chi phí chờ phân bổ trên phần mềm.....	72
Hình 2.29: Giao diện hạch toán lương tháng 12/2025	74
Hình 2.30: Giao diện hạch toán tiền thưởng cuối năm.....	74
Hình 2.31: Phiếu kế toán trích nộp BHXH	75
Hình 2.32: Phiếu kế toán trích nộp BHYT	76
Hình 2.33: Phiếu kế toán trích nộp BHTN	76
Hình 2.34: Giao diện hạch toán tiền phạt chậm nộp thuế GTGT.....	80

Hình 2.35: Chứng từ ngân hàng nộp tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	80
Hình 2.36: Giao diện nhập liệu chi phí thuế TNDN.....	83
Hình 2.37: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025	83
Hình 2.38: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	87
Hình 2.39: Giao diện kết chuyển số dư các tài khoản cuối kỳ	90
Hình 2.40: Giao diện xem phiếu kết chuyển trên phần mềm	90
Hình 2.41: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.....	93
Hình 3.1: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	103
Hình 3.2: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	104

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp.....	7
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý	8
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý	8
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán hàng bán bị trả lại	10
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan	10
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự kế toán hoạt động tài chính.....	12
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên...	17
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính	19
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	21
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác	22
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN.....	25
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức của Công ty	30
Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán.....	33
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán trên phần mềm kế toán Smart Pro	34
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển hàng hóa	35
Sơ đồ 2.6: Quy trình bảo trì hệ thống báo cháy.....	37

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin được bày tỏ lòng tri ân sâu sắc nhất đến quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đặc biệt là các thầy cô trong Khoa Kinh tế, những người đã tận tụy truyền lửa đam mê và trang bị cho em nền tảng tri thức vững chắc. Những bài học không chỉ nằm trong trang sách mà còn là những giá trị đạo đức nghề nghiệp quý báu mà em sẽ mang theo suốt hành trình sự nghiệp sau này. Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP” không chỉ là cột mốc khép lại hành trình giảng đường, mà còn là thành quả từ sự tận tâm chỉ dạy của thầy cô và sự hỗ trợ nhiệt thành từ các tổ chức, cá nhân.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Thầy Nguyễn Xuân Hiệp – Giảng viên hướng dẫn. Em thực sự may mắn khi được thầy trực tiếp dẫn dắt. Chính sự kiên nhẫn, những định hướng khoa học sắc bén cùng những lời động viên kịp thời của thầy đã giúp em vượt qua những bờ ngõ ban đầu để hoàn thiện đề tài một cách trọn vẹn nhất.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo cùng các anh, chị tại phòng Kế toán – Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP. Cảm ơn các anh chị đã mở lòng đón nhận, tận tình chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn quý giá và tạo mọi điều kiện tốt nhất để em được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế sinh động.

Dù đã dành nhiều tâm huyết và nỗ lực để hoàn thành khóa luận, song do kiến thức và kinh nghiệm thực tế của bản thân còn hạn chế, bài viết chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để kiến thức của em ngày càng được hoàn thiện và vững vàng hơn.

Cuối cùng, em xin chúc quý thầy, cô và ban lãnh đạo công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sức khỏe và thành công trong sự nghiệp giảng dạy, đạt được nhiều thành công trong công việc của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay, mục tiêu hàng đầu và quyết định sự sống còn của mọi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chính là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, các doanh nghiệp không chỉ cần có chiến lược kinh doanh đúng đắn mà còn phải kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu kinh tế, đặc biệt là doanh thu và chi phí.

Nhận thấy được vai trò to lớn trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên em đã chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP” làm nội dung nghiên cứu cho khoá luận này. Thông qua đề tài, em mong muốn phân tích thực trạng kế toán tại doanh nghiệp để từ đó tìm ra được những ưu điểm, hạn chế và đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện hơn hệ thống kế toán trong lĩnh vực này.

Khoá luận không chỉ là cơ hội để em hệ thống hóa những kiến thức đã học mà còn là dịp để áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, từ đó nâng cao kỹ năng chuyên môn và chuẩn bị tốt hơn cho công việc sau này.

Thông qua khoá luận này, em xin cảm ơn sâu sắc tới thầy giáo ThS. Nguyễn Xuân Hiệp- Giảng viên trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tận tình cho em ngay từ lúc bắt đầu cho đến khi hoàn thành khoá luận. Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng cùng các thầy cô giáo khoa Kinh tế, những người đã trực tiếp giảng dạy em trong quá trình học tập.

Em xin gửi lời cảm ơn tới ban lãnh đạo Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP cùng các anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện tốt nhất giúp em tìm hiểu hoạt động của công ty và thu thập số liệu cần thiết liên quan đến khoá luận của mình.

Nội dung khoá luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1 Các khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

Theo điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định:

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) – “Doanh thu và thu nhập khác”

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu hoạt động tài chính: là khoản thu được từ việc thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: Là khoản góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

+ Chiết khấu thương mại: Là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.1.1.2 Khái niệm về chi phí

Theo điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.1.3 Khái niệm về kết quả kinh doanh

Theo điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định:

Dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi nhận và phản ánh ghi chép đầy đủ tình hình hiện tại và sự biến động về mặt số lượng, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Theo dõi, ghi nhận và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi, ghi nhận đầy đủ, chính xác giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động liên quan.

- Theo dõi, chi tiết các khoản phải thu, chi cho từng hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Ghi nhận, tổng hợp số liệu kế toán để phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính. Định kỳ, phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đưa ra lời khuyên cho ban lãnh đạo đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ cốt lõi của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là đảm bảo cung cấp thông tin tài chính một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động doanh nghiệp. Từ đó, nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định chiến lược đúng đắn cho doanh nghiệp.

1.1.3 Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Việc tổ chức, triển khai hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Cung cấp "bản đồ tài chính" để hoạch định chiến lược và điều hành kinh doanh.

- Đối với nhà đầu tư & tổ chức tín dụng: Là căn cứ then chốt để đánh giá khả năng sinh lời, năng lực tài chính trước khi quyết định rót vốn hoặc cho vay.

- Đối với nhà cung cấp: Cơ sở để thiết lập niềm tin trong hợp tác và lựa chọn phương thức thanh toán, hạn chế rủi ro nợ xấu.

- Đối với nhà nước: Căn cứ pháp lý để xác định nghĩa vụ thuế, đảm bảo tính minh bạch và đóng góp vào ngân sách quốc gia.

1.2 Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá từ người bán sang người mua hoặc khi người mua thanh toán hay chấp nhận nghĩa vụ thanh toán hàng hoá mà người bán đã chuyển giao.

1.2.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3 Các phương thức bán hàng và thanh toán

1.2.1.3.1 Các phương thức bán hàng

a) Phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

Bán buôn: Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán.

Bán buôn gồm 2 phương thức: Bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ Phương thức bán buôn hàng hóa qua kho: Là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Phương thức bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: Là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng, doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

Bán lẻ: Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

b) Phương thức bán hàng thông qua đại lý

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (gọi là bên đại lý) để bán. Số hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

c) Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

1.2.1.3.2 Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hóa chỉ được ghi nhận vào sổ sách kế toán khi doanh nghiệp đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua và có bằng chứng chắc chắn rằng sẽ thu được tiền. Nói cách khác, doanh nghiệp phải thu được tiền bán hàng hoặc được khách hàng cam kết thanh toán một cách đáng tin cậy thì mới được ghi nhận trên sổ sách kế toán.

a) Phương thức thanh toán bằng tiền mặt

+ Là việc sử dụng tiền mặt trực tiếp để thanh toán cho các giao dịch hàng hóa, dịch vụ.

b) Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt

+ Thanh toán chuyển khoản.

+ Bù trừ công nợ.

+ Trả chậm, trả góp.

+ Ủy quyền thanh toán thông qua bên thứ ba.

1.2.1.4 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu xuất kho.
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.

1.2.1.5 Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC:

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm.
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác.

❖ Kết cấu tài khoản

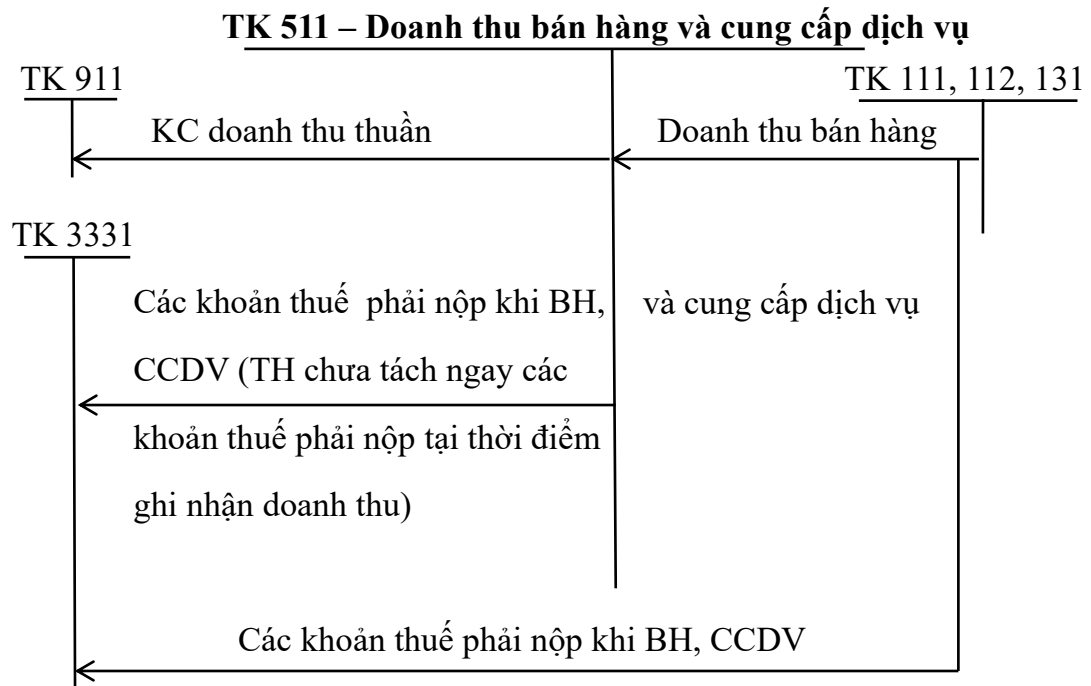
Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.



Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

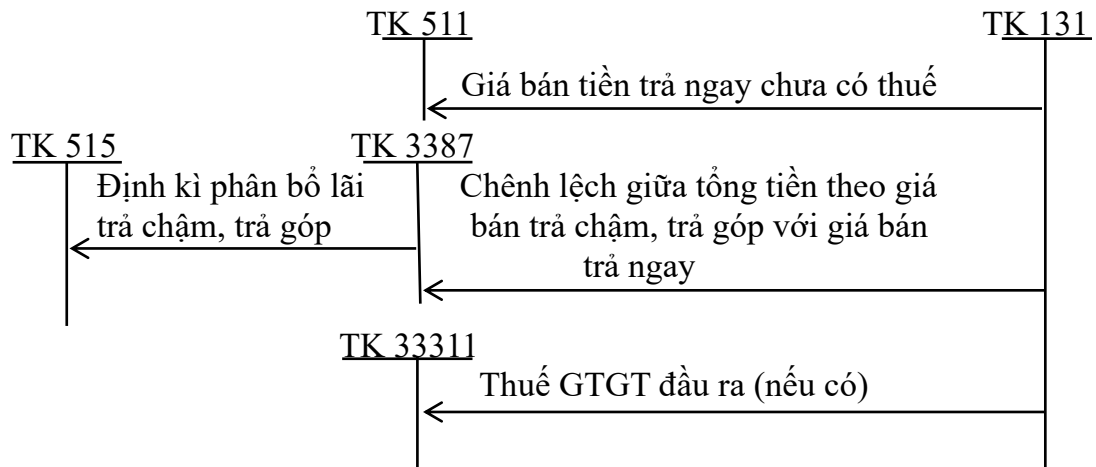
1.2.1.6 Phương pháp hạch toán

- ❖ Trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

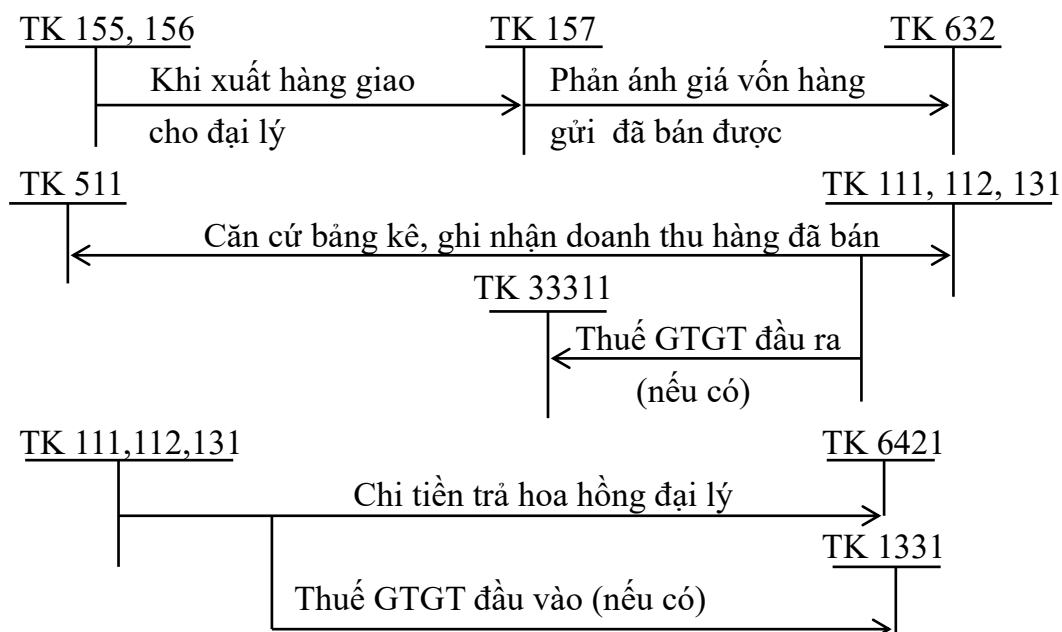
- ❖ Trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp

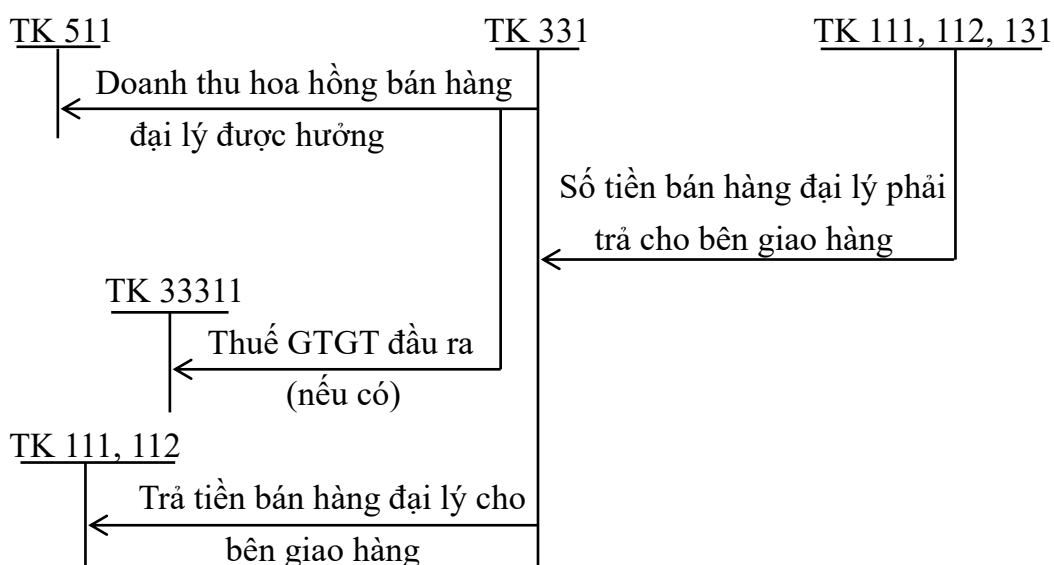
❖ Trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

➤ **Tại đơn vị giao hàng đại lý**



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý

➤ **Tại đơn vị nhận làm đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- Giảm giá hàng bán: khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: hàng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.2.2.2 Chứng từ sử dụng

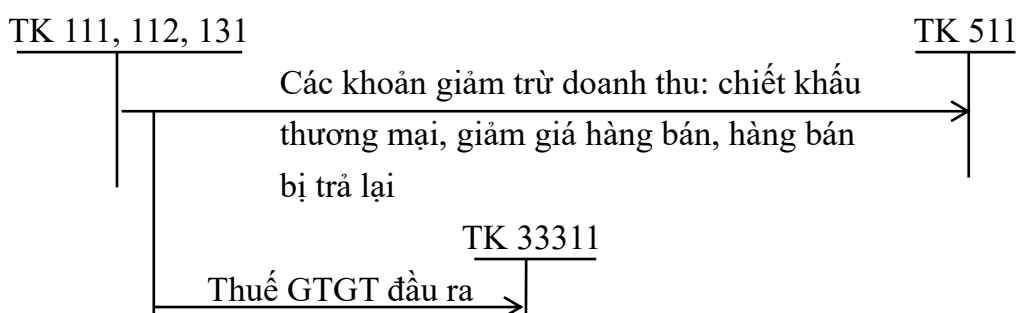
- Biên bản chiết khấu thương mại.
- Biên bản giảm giá hàng bán.
- Biên bản trả lại hàng bán.
- Hoá đơn GTGT, Giấy báo nợ ngân hàng, Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan,...

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

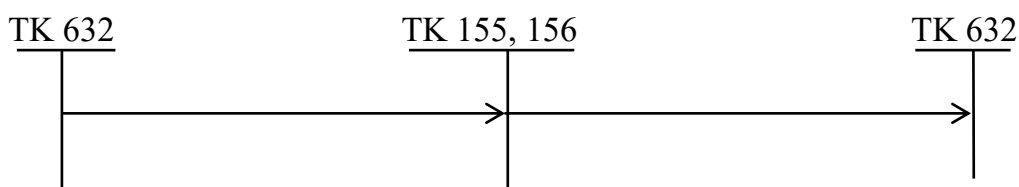
1.2.2.4 Phương pháp kế toán

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán ghi giảm giá vốn khi nhận lại sản phẩm, hàng hóa

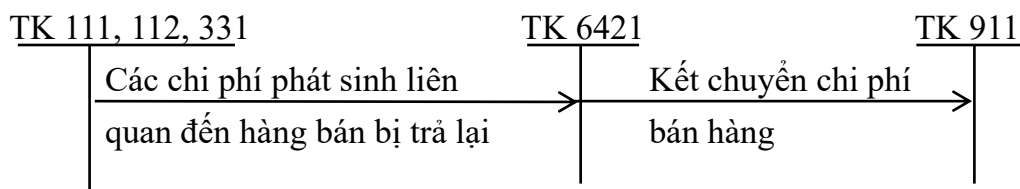


Hàng bán bị trả lại
nhập kho

Giá trị thành phẩm, hàng hóa
dịch vụ đã bán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán hàng bán bị trả lại

- Chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi sản phẩm, hàng hóa.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Theo điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có ngân hàng.

- Sổ phụ ngân hàng.

- Phiếu thu.

- Phiếu tính lãi.

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 515
“Doanh thu hoạt động tài chính”.

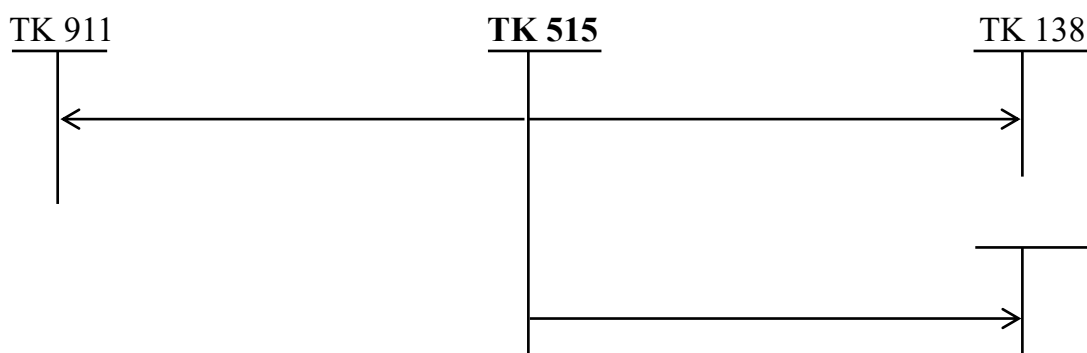
❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		



Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán



Kết chuyển doanh thu hoạt hoạt động tài chính	Cổ tức, lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư	TK 331
	Chiết khấu thanh toán mua hàng được hưởng	
	TK 1112, 1122	TK 1111, 1121
	Bán ngoại tệ	
	Lãi bán ngoại tệ	
	TK 121, 228	
	Nhượng bán, thu hồi các khoản đầu tư tài chính	
	Lãi các khoản đầu tư	
TK 1112, 1122	TK 152, 156, 211, 642	TK 3387
Mua vật tư, HH, TS, DV thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ	Phân bổ lãi do bán hàng trả chậm, lãi trả trước	TK 413
	K/C lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	
Lãi tỷ giá		

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự kế toán hoạt động tài chính

1.2.4 Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1 Nội dung thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu nhập góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, doanh thu bao gồm thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, thu nhập quà biếu, quà tặng ...

1.2.4.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ.

- Giấy báo có ngân hàng, Phiếu thu.
- Biên bản vi phạm hợp đồng.

1.2.4.3 Tài khoản sử dụng

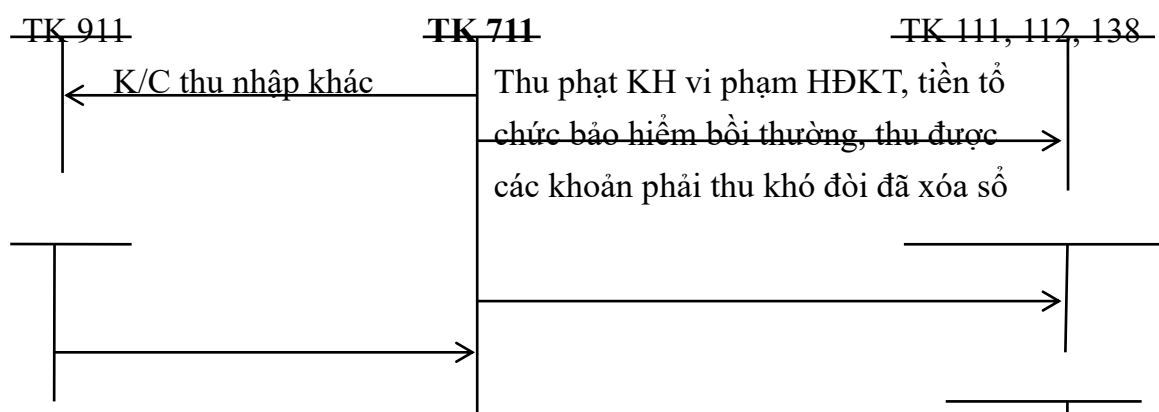
Đề hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 “*Thu nhập khác*”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4 Phương pháp hạch toán



TK 333	TK 152, 156, 211
Các khoản thuế trừ vào thu nhập khác (nếu có)	Nhận tài trợ, biếu tặng vật tư, HH, TS
	TK 331, 338
	Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
	TK 111, 112, 131
TK 3387	Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ
	TK 3331
	TK 333
Định kỳ, phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác	Các khoản thuế XNK, TTĐB, BVMT được giảm, được hoàn

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác

1.3 Kế toán chi phí

1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hoá đã được xuất bán trong kỳ. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán bao gồm giá mua hàng và các chi phí liên quan đến quá trình mua hàng. Hàng hoá của doanh nghiệp được nhập từ nhiều nguồn, thời điểm khác nhau. Do đó, doanh nghiệp cần áp dụng theo một trong các phương pháp kế toán phù hợp để xác định giá trị vốn của hàng xuất bán.

1.3.1.2 Các phương pháp xác định giá vốn

a) Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lô hàng nhập, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và có thể nhận diện chi tiết giá nhập của từng lô hàng hoá.

b) Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

c) Phương pháp bình quân gia quyền

❖ Bình quân gia quyền cuối kỳ

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo chính sách dự trữ doanh nghiệp áp dụng, kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, hàng nhập trong kỳ và số lượng hàng tồn kho để tính giá đơn vị bình quân. Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại i	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ}}$
--	---	---

❖ Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

Đơn giá bình quân hàng i sau mỗi lần nhập t	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập t} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần nhập t}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập t} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần nhập t}}$
---	---	---

1.3.1.3 Chứng từ sử dụng

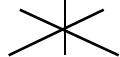
- Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Bảng tổng hợp xuất – nhập – tồn.

1.3.1.4 Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng Tài khoản 632 để hạch toán “ Giá vốn hàng bán ”.

❖ **Kết cấu tài khoản.**

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

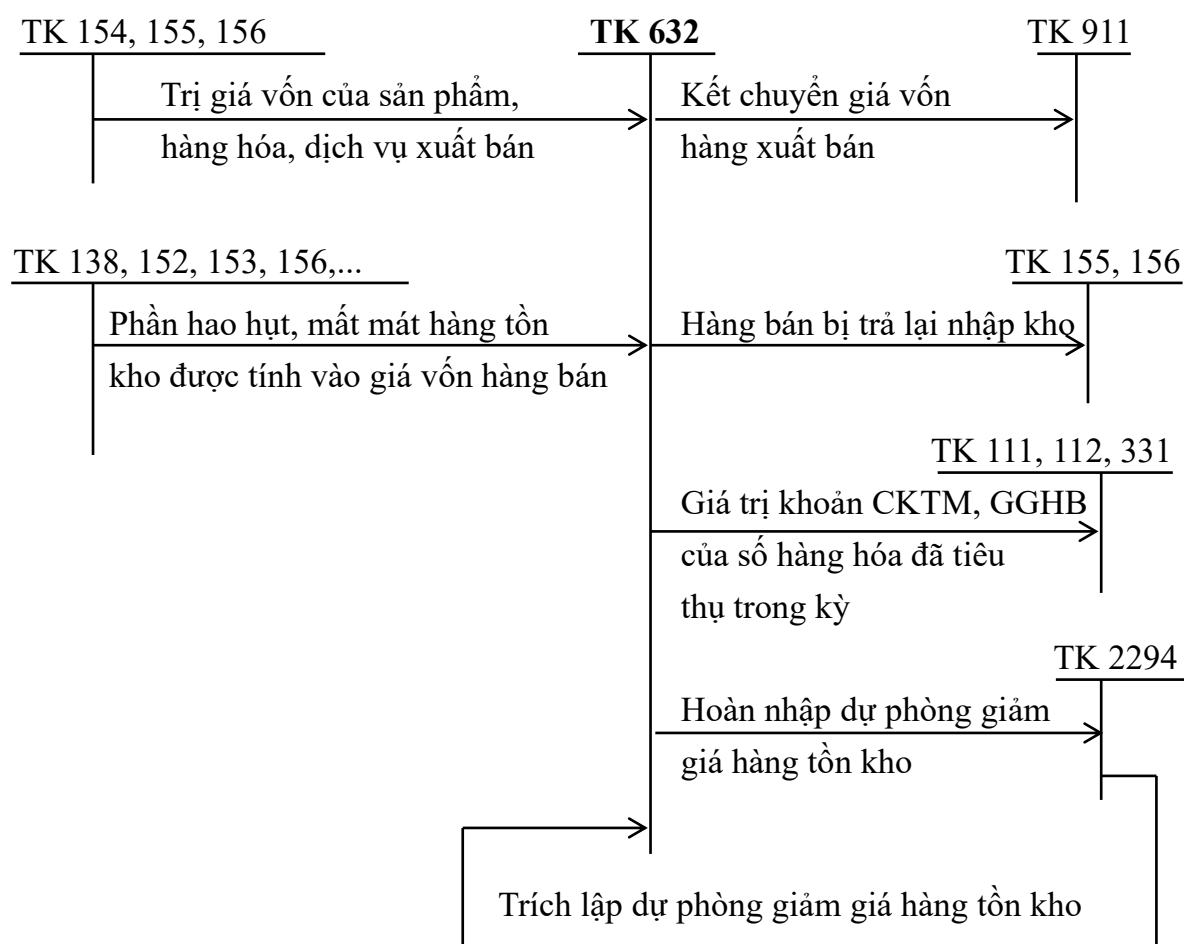


Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.1.5 Phương pháp hạch toán

Do phạm vi khóa luận nên em xin phép chỉ trình bày theo phương pháp kê khai thường xuyên, là phương pháp đang được sử dụng tại doanh nghiệp.

❖ **Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.3.2.1 Nội dung chi phí hoạt động tài chính

Theo điều 63 thông tư 133/2016/TT-BTC chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.2.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ ngân hàng.
- Sổ phụ ngân hàng.
- Ủy nhiệm chi.
- Bảng tính lãi.

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 “Chi phí tài chính”.

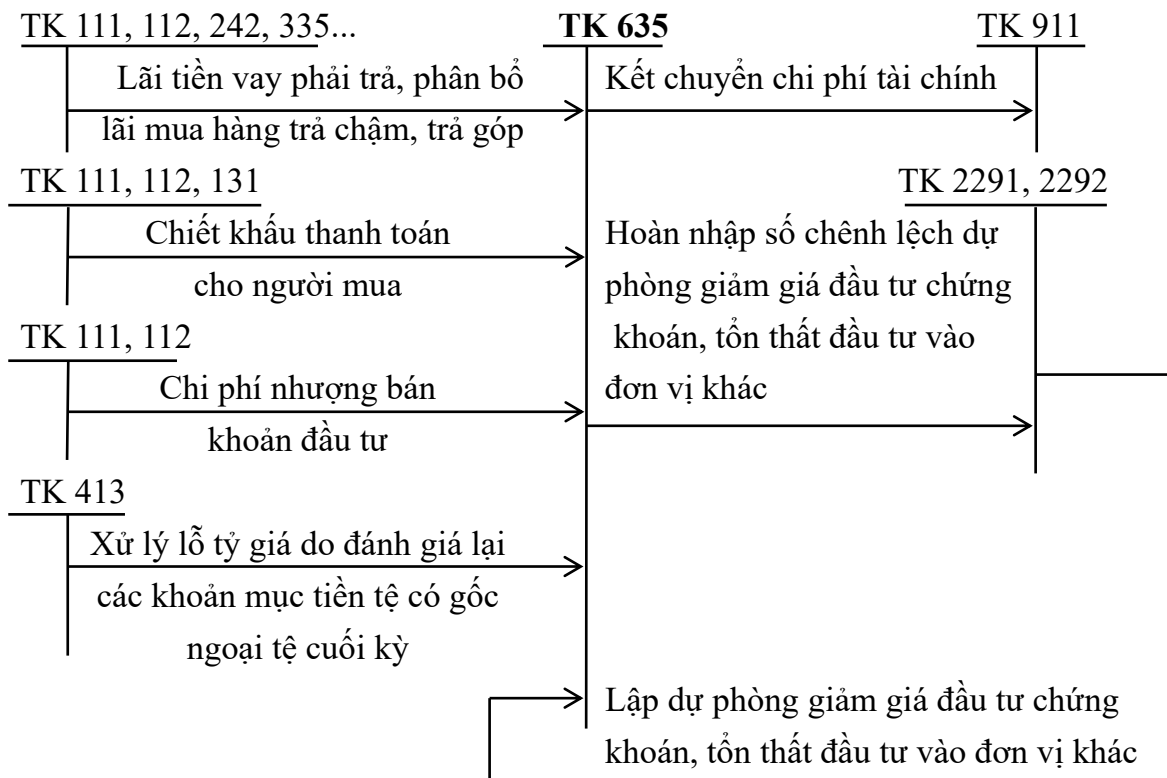
❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái. - Số trích lập dự phòng giảm giá CKKD, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản chi phí tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá CKKD, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính

1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Theo quy định tại điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, chi phí chào hàng, hoa hồng bán hàng ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài...

1.3.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng.
- Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, CCDC.
- Các chứng từ liên quan khác...

1.3.3.3 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 cấp tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

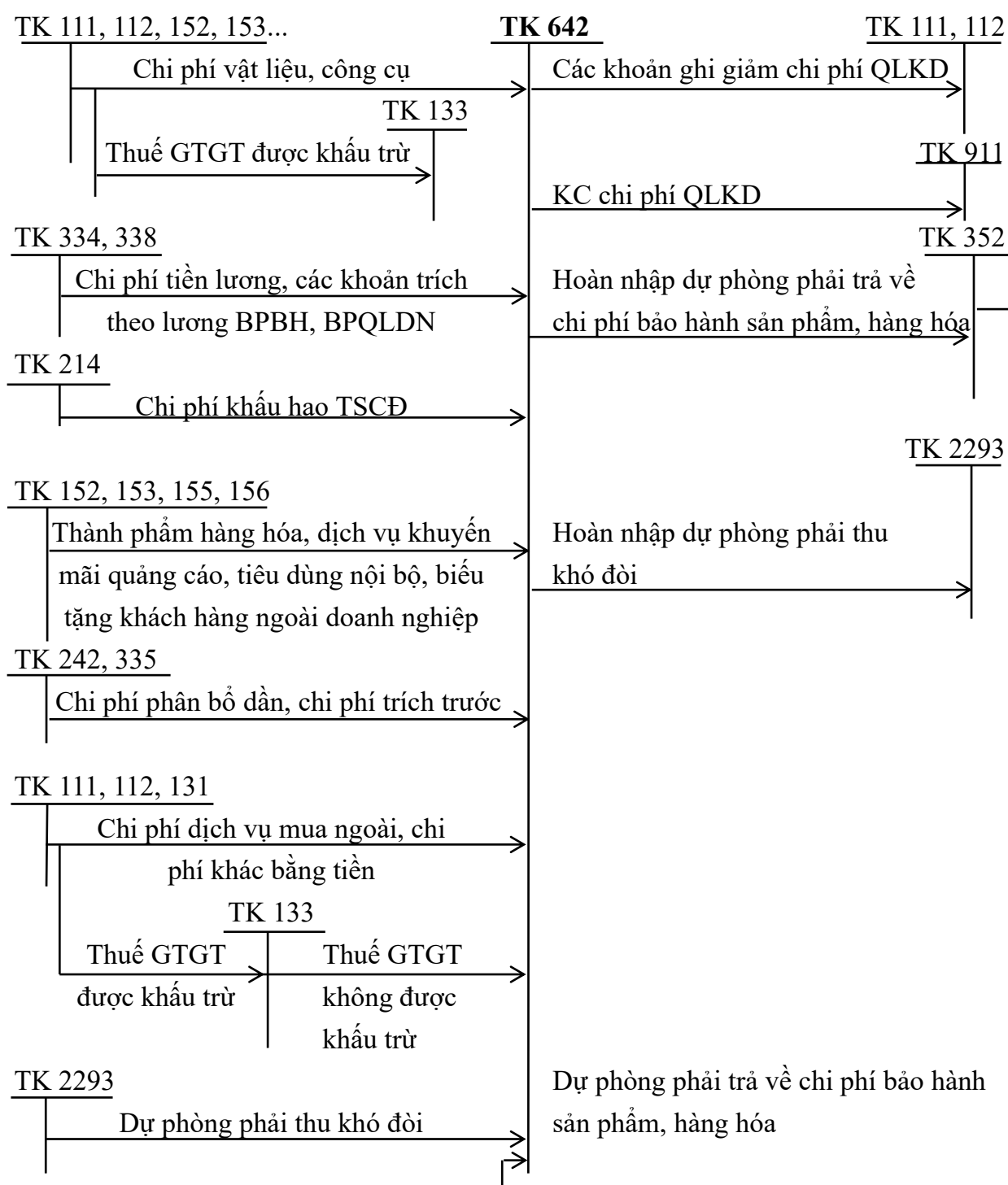
❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".



Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4 Kế toán chi phí khác

1.3.4.1 Nội dung chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí

về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán...

1.3.4.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ.
- Biên bản vi phạm hợp đồng.
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước.

1.3.4.3 Tài khoản sử dụng

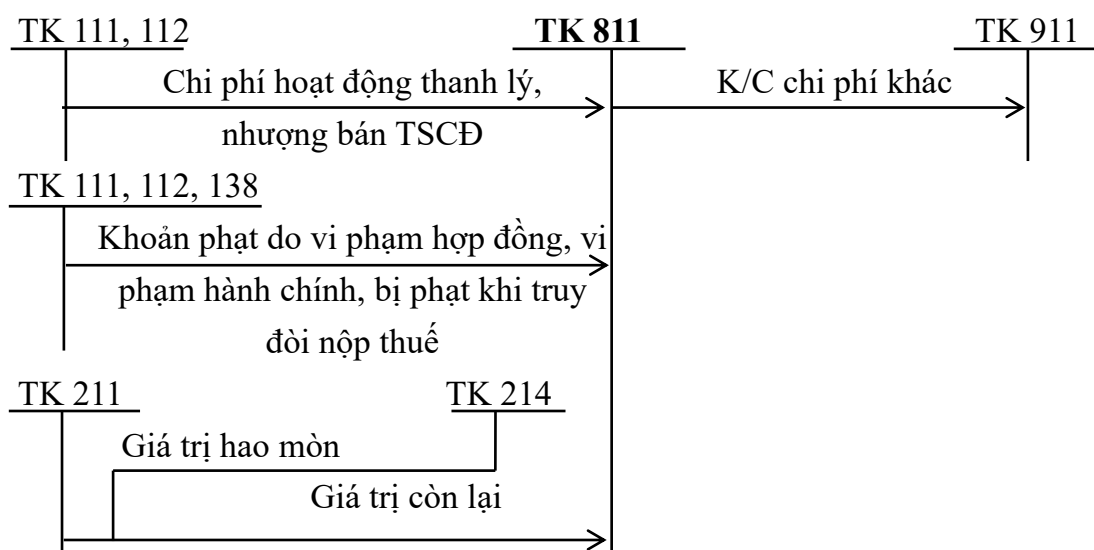
Đề hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác

1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1 Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận lãi hoặc lỗ của một kỳ.

- Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi khoản chi phí được trừ, rồi cộng thêm các khoản thu nhập khác.

Theo quy định tại điều 10 của luật thuế TNDN số 67/2025/QH15

❖ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp sau:

- Thuế suất 15%: Áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

- Thuế suất 17%: Áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% là tổng doanh thu của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước liền kề. Việc xác định tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Thuế suất từ 25% - 50%: Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. Căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng hợp đồng dầu khí.

- Thuế suất 50%: Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm. Trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%.

- Căn cứ theo Điều 7 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right]$

- Trong đó, thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm phần thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác. Thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left[\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} \right] + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.3.5.2 Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN)(TT80/2021).
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế,...
- Các chứng từ khác liên quan.

1.3.5.3 Tài khoản sử dụng

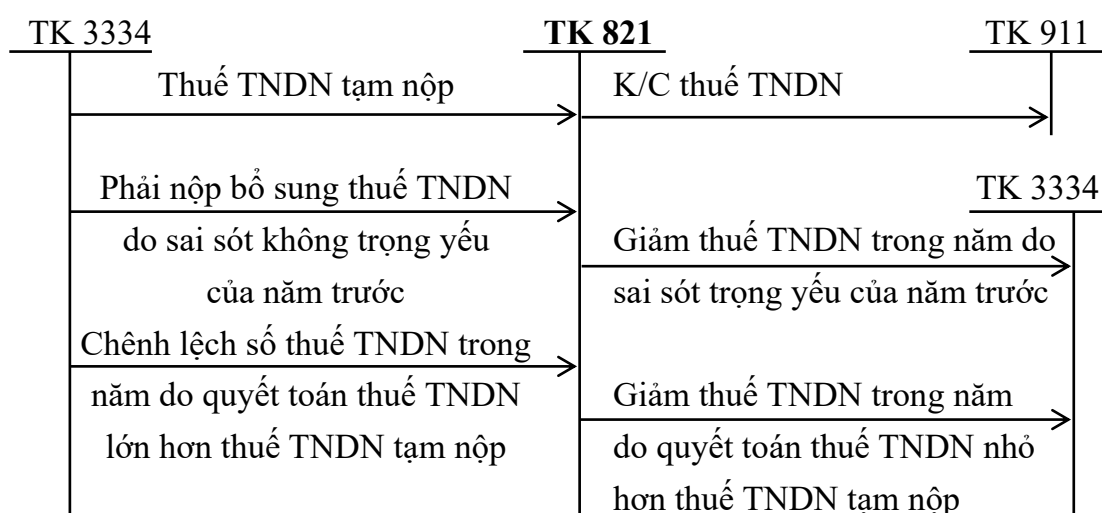
Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.4.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	--	---	-------------------

- Trong đó, chi phí thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

Chi phí thuế TNDN	=	Thu nhập tính thuế	x	Thuế suất thuế TNDN
-------------------	---	--------------------	---	---------------------

- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
--	---	---	---	----------------

- Trong đó, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (kết quả hoạt động kinh doanh) được xác định theo công thức:

Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh
--------------------------------------	---	----------------------------	---	------------------	---	-------------------------------	---	-------------------	---	----------------------------

- Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

- Trong đó lợi nhuận khác (kết quả hoạt động khác) được tính theo công thức:

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

1.4.3 Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 “*xác định kết quả kinh doanh*”.

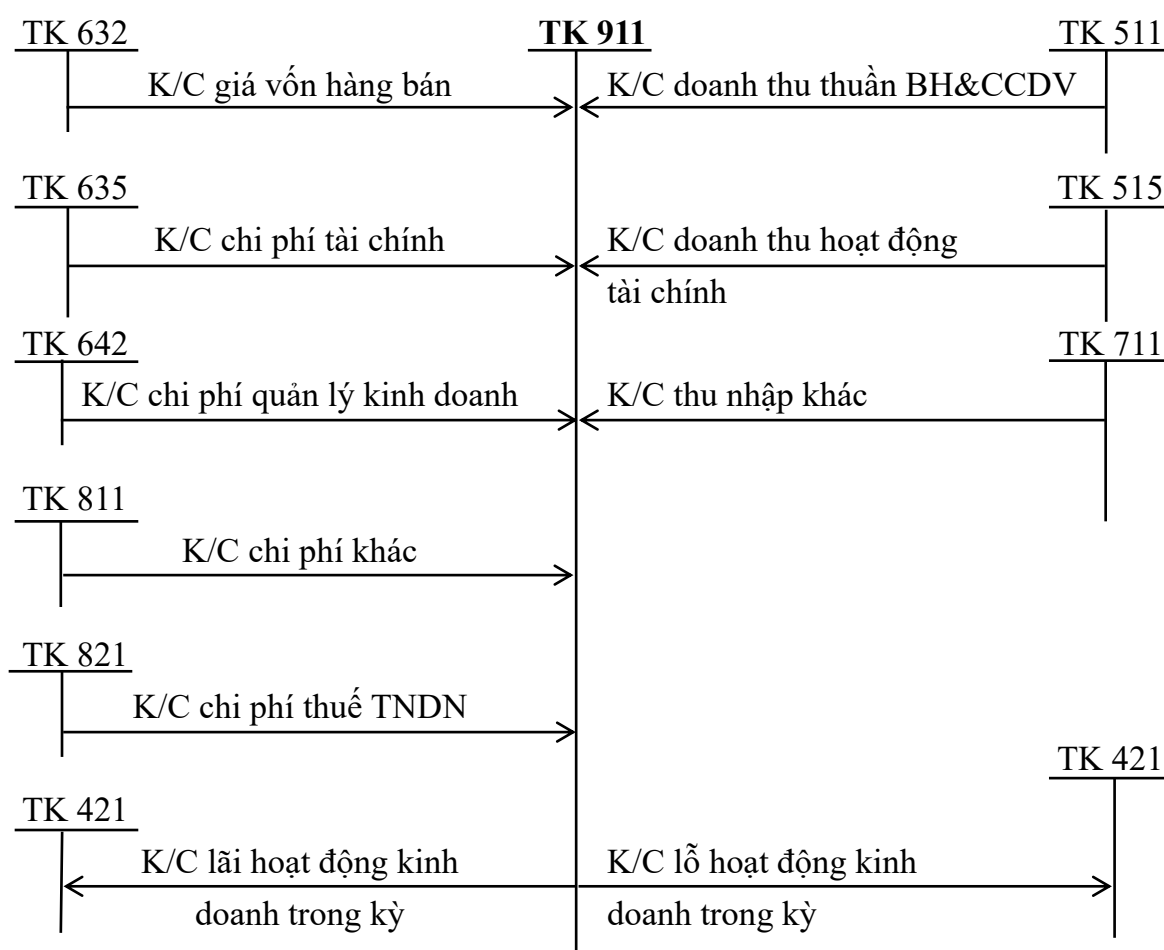
❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.



Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.4.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.1 Thông tin khái quát về đơn vị

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP.
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAP TRADING & ENGINEERING COMPANY LIMITED.
- Mã số thuế: 0401539430.
- Địa chỉ trụ sở chính: 08 Phan Văn Định, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: 0935242077.
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng.
- Giám đốc: Đoàn Thị Phú.
- Ngày cấp giấy phép và hoạt động: 16/05/2013.
- Quản lý bởi: Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên.
- Ngành nghề chính: Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, thiết bị phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí.

2.1.2 Quá trình hình thành phát triển tại đơn vị

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty được đăng ký lần đầu vào ngày 16/05/2013, hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, với mã số doanh nghiệp 0401539430. Đến ngày 06/04/2023, công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ 5 nhằm cập nhật thông tin và hoàn thiện cơ cấu quản lý.

Trải qua 13 năm hoạt động Công ty đã không ngừng mở rộng hoạt động kinh doanh phục vụ cả nội thành Đà Nẵng và các khu vực lân cận. Với đội ngũ kỹ thuật viên giàu kinh nghiệm cùng trang thiết bị hiện đại, công ty luôn đáp ứng nhanh chóng và chính xác nhu cầu của khách hàng.

Công ty luôn thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần nâng cao đời sống và thúc đẩy sự phát triển của Thành phố Đà Nẵng nói riêng và nền kinh tế thị trường nói chung.

2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.3.1 Chức năng của Công ty

- Kinh doanh, mua bán các thiết bị và hệ thống phòng cháy chữa cháy như: đầu báo cháy, trung tâm báo cháy, chuông, còi, đèn báo cháy và các thiết bị liên quan, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật bao gồm lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống báo cháy, hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khách hàng nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả.

- Tổ chức quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, tài sản của doanh nghiệp nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, kế toán và thuế theo quy định của Nhà nước, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật liên quan trong quá trình hoạt động.

2.1.3.2 Nhiệm vụ của Công ty

- Thực hiện hoạt động kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, tuân thủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ kỹ thuật phòng cháy chữa cháy.

- Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ, đồng thời xây dựng và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ kỹ thuật trong quá trình lắp đặt và bảo trì hệ thống báo cháy, đáp ứng yêu cầu an toàn và kỹ thuật theo quy định của cơ quan chức năng.

- Tổ chức công tác kế toán, thống kê, quản lý tài chính một cách chặt chẽ; ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ tiền lương, thưởng, phúc lợi và các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp khác đối với Nhà nước, tham gia các hoạt động xã hội và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức sản xuất tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật SAP tổ chức hoạt động sản xuất – kinh doanh theo mô hình kết hợp giữa thương mại và cung cấp dịch vụ kỹ thuật, không tổ chức sản xuất trực tiếp mà chủ yếu thực hiện mua – bán thiết bị phòng cháy chữa cháy và cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo trì hệ thống báo cháy cho khách hàng.

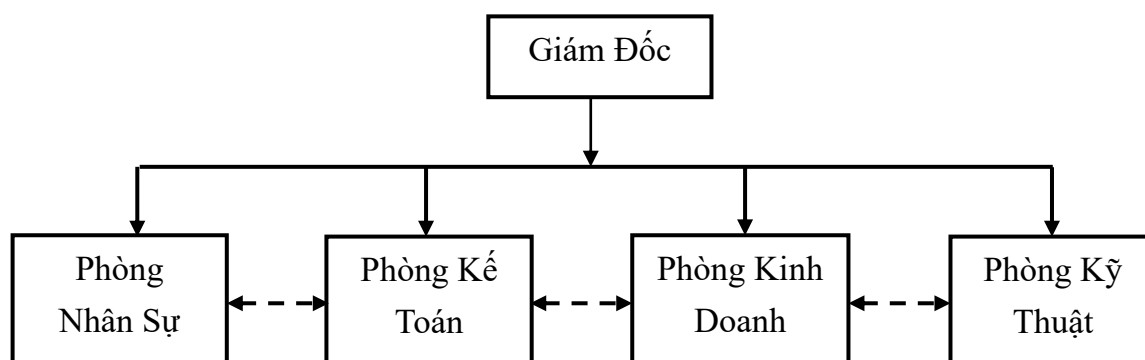
Đối với hoạt động kinh doanh thương mại, công ty thực hiện mua thiết bị phòng cháy chữa cháy từ các nhà cung cấp, sau đó lưu kho và phân phối theo đơn đặt hàng của khách hàng. Quy trình kinh doanh đơn giản, tập trung vào các khâu: ký hợp đồng – xuất kho – giao hàng – nghiệm thu – thanh toán.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, công ty tổ chức các đội kỹ thuật chuyên trách thực hiện công việc lắp đặt, kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống báo cháy tại công trình của khách hàng. Quá trình cung cấp dịch vụ diễn ra theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, bao gồm các bước: tiếp nhận yêu cầu – khảo sát – lập phương án kỹ thuật – thực hiện bảo trì – nghiệm thu và thanh toán.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.5.1 Khái quát bộ máy quản lý tại Công ty

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP được tổ chức khoa học nhằm đảm bảo sự điều hành thông suốt, chuyên môn hóa cao trong các lĩnh vực kinh doanh, kỹ thuật và quản lý nội bộ. Công ty được tổ chức thành các phòng ban chức năng cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức của Công ty

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo $\longrightarrow$

Quan hệ phối hợp $\longleftrightarrow$

2.1.5.2 Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận

❖ Giám đốc:

Là người lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm chung điều hành các hoạt động hàng ngày công ty. Giám đốc có quyền tuyển dụng nhân sự, quyết định các chính sách đãi ngộ (lương, thưởng, phụ cấp) của nhân viên, chủ động xây dựng và triển khai các dự án trong kinh doanh. Đại diện pháp nhân của công ty có quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, đồng thời chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

❖ Phòng nhân sự:

Tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức, chiến lược phát triển nguồn nhân lực và các chính sách liên quan đến quản lý, sử dụng lao động trong doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí và điều động nhân sự phù hợp với nhu cầu hoạt động và yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp. Quản lý hồ sơ nhân sự, hợp đồng lao động, theo dõi tình hình biến động lao động. Xây dựng và thực hiện các chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các chính sách phúc lợi cho người lao động, phối hợp với phòng Kế toán trong công tác thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

❖ Phòng kế toán:

Tổ chức công tác kế toán tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành. Cung cấp kịp thời, nhanh chóng và đầy đủ các báo cáo kế toán về hoạt động kinh doanh. Đồng thời, đưa ra các ý kiến đóng góp hỗ trợ Giám đốc trong việc tìm ra giải pháp tối ưu cho các vấn đề một cách hiệu quả.

❖ Phòng kinh doanh:

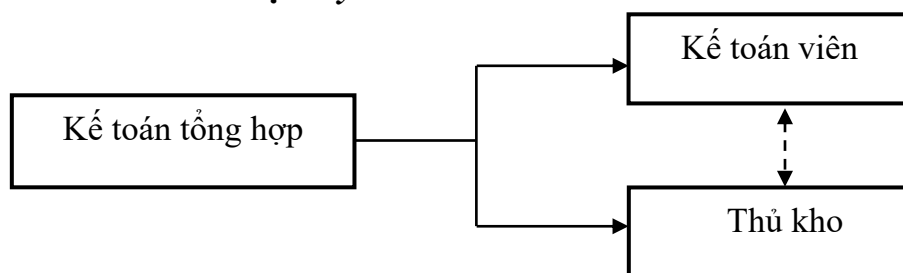
Xây dựng các kế hoạch kinh doanh, các chiến lược bán hàng, tiếp thị sản phẩm và đưa ra các định hướng kinh doanh trong tương lai, phân tích thị trường để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới. Tiếp thị, nghiên cứu thị trường và các đối thủ cạnh tranh để đưa ra mức giá bán hợp lý, thực hiện các chương trình bán hàng. Xây dựng và duy trì mối quan hệ với khách hàng, đồng thời tìm kiếm những khách hàng tiềm năng.

❖ Phòng kỹ thuật:

Bộ phận này thực hiện các kế hoạch, chịu trách nhiệm về kỹ thuật lắp đặt, sửa chữa các thiết bị cho khách hàng. Tham mưu giúp việc cho giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật. Hỗ trợ phòng kinh doanh bàn giao, giao nhận hàng hóa. Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, tính năng bảo hành của các thiết bị công nghệ. Hỗ trợ lắp đặt thiết bị, bảo trì sản phẩm.

2.1.6 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo $\longrightarrow$

Quan hệ phối hợp $\longleftrightarrow$

2.1.6.2 Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận

❖ Kế toán tổng hợp:

Hướng dẫn, kiểm tra nếu có phát hiện sai sót chấn chỉnh kịp thời các kế toán viên. Định kỳ đối chiếu giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp, đảm bảo các tài khoản kế toán cân đối. Trực tiếp lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế và báo cáo quản trị định kỳ theo quy định của nhà nước và yêu cầu của công ty. Cung cấp số liệu và giải trình cho cơ quan Thuế hoặc Hội đồng quản trị khi có yêu cầu.

❖ Kế toán viên:

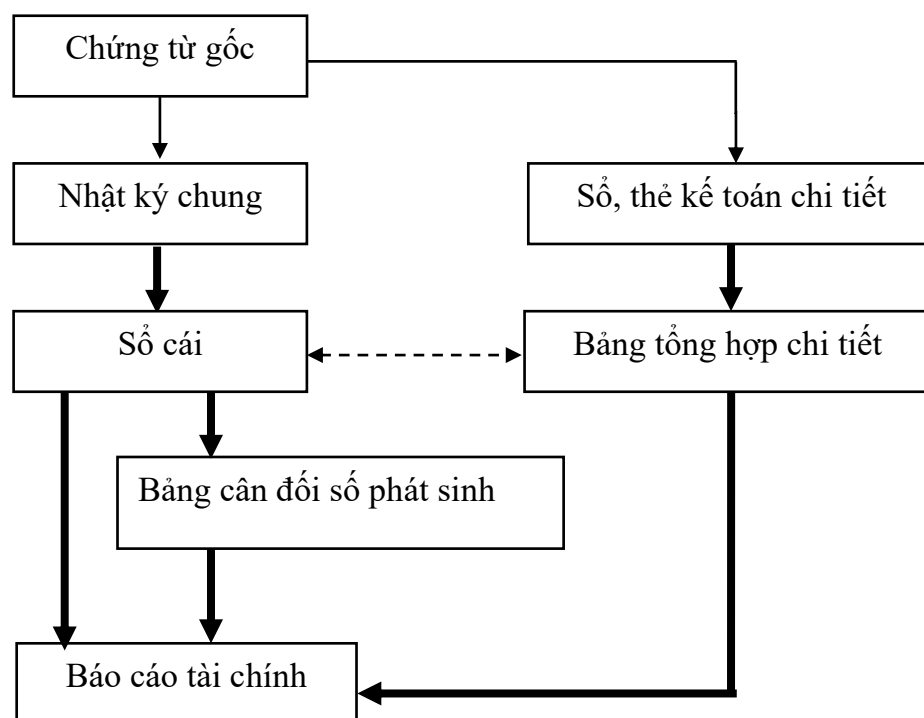
Tiếp nhận hóa đơn, chứng từ đầu vào, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của chứng từ trước khi hạch toán. Thực hiện nhập liệu các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày (Thu, chi, mua hàng, bán hàng, công nợ, tính lương...), vào phần mềm kế toán. Theo dõi sát sao công nợ phải thu và phải trả, đơn đốc thu hồi nợ và lên kế hoạch thanh toán. Ghi chép chi tiết sự tăng, giảm của hàng hóa, vật tư, công cụ, tài sản cố định. Định kỳ đối chiếu số liệu tồn kho trên sổ sách với số liệu thực tế từ thủ kho. Cung cấp số liệu chi tiết để kế toán tổng hợp lên báo cáo cuối kỳ.

❖ Thủ kho:

Theo dõi số lượng và đơn giá hàng nhập, xuất vào sổ theo dõi nhập – xuất – tồn. Kiểm kê thường xuyên, lập báo cáo xuất – nhập – tồn, đối chiếu tồn kho với sổ theo dõi của kế toán bán hàng.

2.1.7 Hình thức kế toán tại Công ty

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô hoạt động và đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” đồng thời đã sử dụng phần mềm Smart Pro trong tổ chức công tác kế toán của công ty.



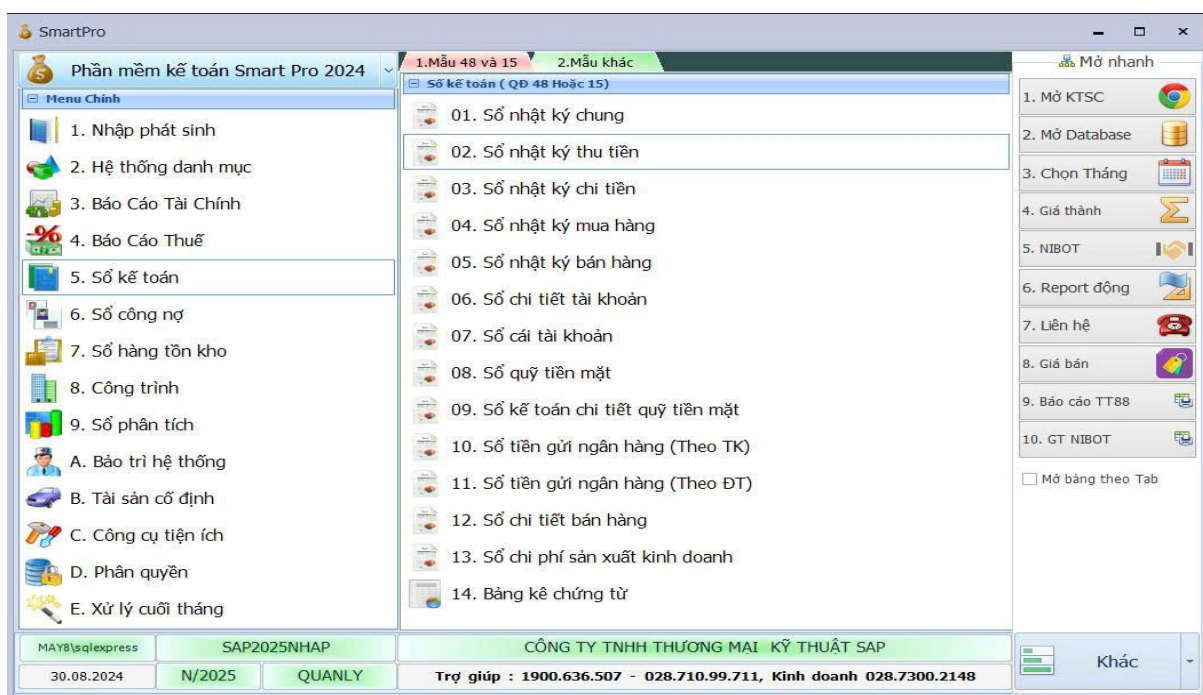
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán

Ghi chú:

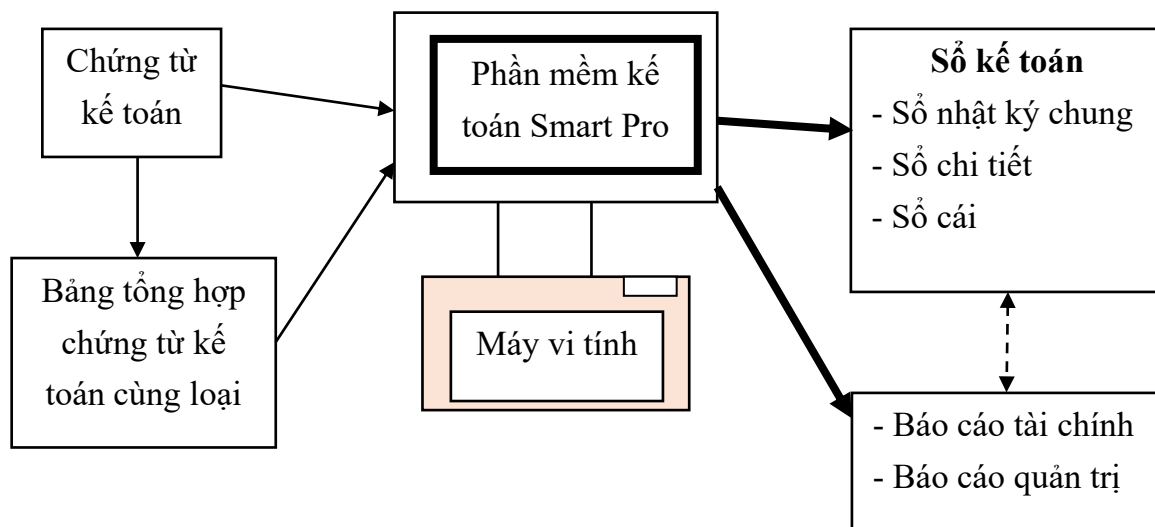
Ghi hằng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$



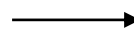
Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Smart Pro



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán trên phần mềm kế toán Smart Pro

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung trên phần mềm kế toán Smart Pro

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ đã được kiểm tra “tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp” làm căn cứ xác định và ghi nhận vào TK nợ và TK có trên phần mềm kế toán Smart Pro theo từng phần hành đã được thiết kế sẵn.

- Ngay sau khi ghi nhận trên phần mềm, dữ liệu kế toán được cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán tiến hành khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Phần mềm tự động đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết.

- Cuối cùng, kế toán sẽ in sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, đóng thành quyển, đối chiếu số liệu với các sổ tổng hợp, sổ chi tiết và lưu trữ chứng từ theo quy định pháp luật.

2.1.8 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán tuân theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng.
- Nguyên tắc ghi nhận: Giá gốc.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp đường thẳng.
- Thời gian trích khấu hao: được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm).
- Kỳ kế toán theo năm.

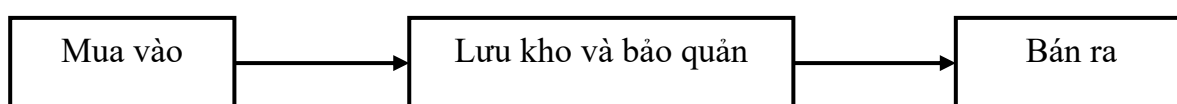
2.2 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.1 Đặc điểm quá trình kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP là công ty kinh doanh với ngành nghề chính là buôn bán thiết bị phòng cháy chữa cháy ngoài ra ngành nghề phụ công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy cụ thể như sau:

❖ Buôn bán thiết bị phòng cháy chữa cháy

Với đặc điểm của một công ty hoạt động kinh doanh là mua vào và bán ra nên công tác tổ chức kinh doanh của Công ty là tổ chức quy trình luân chuyển hàng hoá. Công ty áp dụng phương thức kinh doanh mua bán qua kho. Quy trình thực hiện luân chuyển của công ty được thực hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển hàng hóa

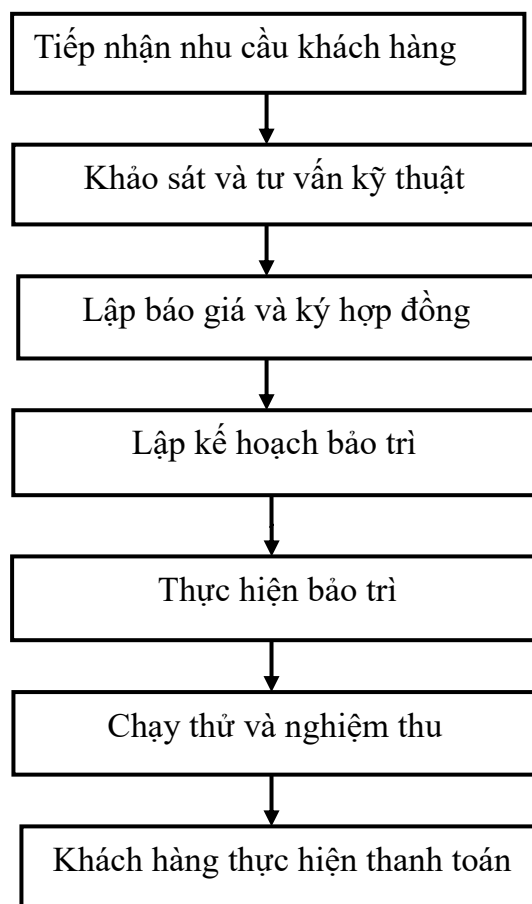
Để đáp ứng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh của mình Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP có các hàng hóa để cung cấp cho khách hàng. Dưới đây là bảng liệt kê một số hàng hóa tiêu biểu tại Công ty:

Mã danh mục	Tên danh mục	ĐVT
1CWMXMBK	Bộ mạch của tủ báo cháy có chức năng điều khiển, MHCW-MX-MBK	Cái
BOGIAOTIEP	Bộ giao tiếp RS232 (ECO232)	Chiếc
BOLAPTRINH	Bộ lập trình (CF800PROG)	Chiếc
BOLUUDIEN5A1200L	Bộ lưu điện (UPS), model:5A12300I, công suất: 1200VA/650W	Bộ
BOLUUDIEN5E2200UIE	Bộ lưu điện (UPS), model:5E2200UI, công suất:1200VA/1200W	Bộ
CAB300	Đế đầu báo địa chỉ	Cái
CAB300.CIR301.CAP32	Đầu báo khói địa chỉ kèm đế và đèn báo phòng. Mã hàng: CAP320	Cái
CAB300CAP320	Đầu báo khói địa chỉ kèm đế. Mã hàng: CAP320/CAB300	Bộ
CAH330	Đầu báo nhiệt địa chỉ (CAH330)	Chiếc
CAH330.CAB300.CIR30	Đầu báo nhiệt địa chỉ kèm đế và đèn báo phòng. Mã hàng: CAH330	Cái
CAH330CAB300	Đầu báo nhiệt địa chỉ kèm đế. Mã hàng CAH330.CAB300	Bộ
CAP320	Đầu báo khói địa chỉ. Mã hàng: CAP320	Cái
CAP320.	Đầu báo khói quang địa chỉ	Cái
CAPT340	Đầu báo khói nhiệt kết hợp địa chỉ. Mã hàng CAPT340	Cái
CAS380	Đế còi	Cái
CAS381	Còi báo cháy treo tường loại địa chỉ (CAS381)	Chiếc
CASB383	Còi kết hợp đèn báo cháy địa chỉ CASB383	Cái
CB2E	Đế đầu báo thường (CB2E)	Chiếc
CBG370S	Nút nhấn khẩn địa chỉ CBG370S	Cái
CF1100NC	Trung tâm báo cháy địa chỉ 1 loop gồm network card (CF1100NC)	Chiếc
CF30004GNC	Tủ trung tâm báo cháy 4 loop bao gồm card mạng	Cái
CFB6D24	Chuông báo cháy 6inch. Mã hàng: CFB6D24	Cái

Bảng 2.1: Bảng một số tên hàng hóa được trích từ kho hàng hóa

❖ Dịch vụ bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy

Khi khách hàng có nhu cầu bảo trì hệ thống báo cháy, khách hàng liên hệ qua số điện thoại hoặc đến trực tiếp cửa hàng. Nhân viên tiếp nhận nhu cầu của khách hàng, sau đó bộ phận kỹ thuật tiến hành khảo sát hiện trạng và tư vấn giải pháp phù hợp. Trên cơ sở kết quả khảo sát, công ty lập báo giá và ký kết hợp đồng dịch vụ bảo trì với khách hàng. Tiếp theo, kế hoạch bảo trì chi tiết được xây dựng và phê duyệt trước khi đội ngũ kỹ thuật triển khai công việc bảo trì theo đúng phạm vi đã thỏa thuận. Sau khi bảo trì hoàn tất, hệ thống được chạy thử và nghiệm thu, lập biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành. Cuối cùng, công ty phát hành hóa đơn và khách hàng thực hiện thanh toán theo điều khoản hợp đồng.



Sơ đồ 2.6: Quy trình bảo trì hệ thống báo cháy

2.2.2 Kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu, Giấy báo có.

Bên cạnh đó Công ty còn sử dụng một số chứng từ khác như: hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng...

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Và sử dụng tài khoản chi tiết 5111 để hạch toán doanh thu bán hàng hóa, tài khoản chi tiết 5113 để hạch toán doanh

thu cung cấp dịch vụ. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết tài khoản 5111, 5113.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 511.

➤ *Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại Công ty:*

- Nghiệp vụ phát sinh số 1: bán hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng

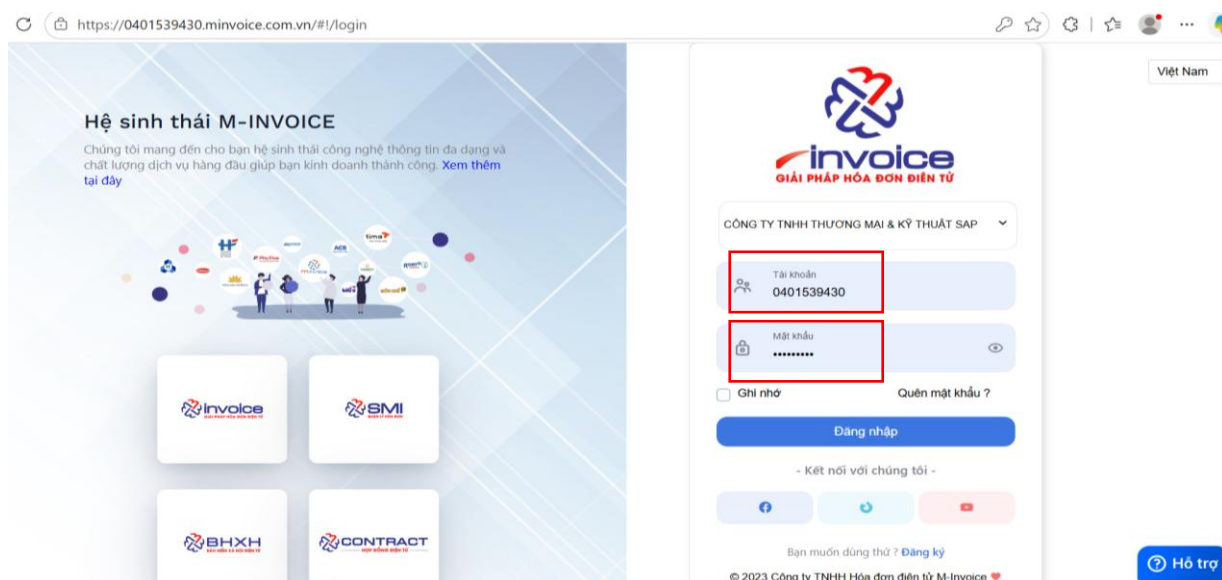
Ngày 05/12/2025 Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Banico chuyển khoản trả trước tiền mua hàng cho Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP. Ngày 08/12/2025 Công ty tiến hành xuất kho hàng hóa bán cho Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Banico theo hóa đơn số 182. Tổng giá trị thanh toán của đơn hàng là 9.616.320 VND, trong đó đã bao gồm thuế suất GTGT 8%.

Sau khi Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Banico xác nhận đồng ý mua hàng và hoàn tất việc thỏa thuận thanh toán, kế toán tiến hành lập hoá đơn điện tử số 182.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán liên quan đến nghiệp vụ:**

- Khi khách hàng đặt hàng, nhân viên kinh doanh sẽ tiến hành lập đơn đặt hàng. Bộ phận kho kiểm tra số lượng và xuất hàng hóa gửi cho khách hàng. Sau khi hoàn tất bàn giao, kế toán sẽ lập hoá đơn GTGT thông qua phần mềm M-invoice theo các bước như sau:

Bước 1: Kế toán vào trang <https://www.minvoice.com.vn/#!/login> tiến hành nhập mã số thuế, mật khẩu của công ty sau đó bấm đăng nhập.



Hình 2.2: Giao diện đăng nhập M-invoice

Bước 2: Tại mục quản lý lập, phát hành và xử lý hóa đơn → bấm chọn thêm (F4) để lập hóa đơn.

Bước 3: Sau đó kế toán dựa vào thông tin mà khách hàng cung cấp tiến hành nhập đầy đủ thông tin của khách hàng cũng như loại hàng hóa mà khách hàng mua.

Bước 4: Khi nhập đầy đủ thông tin, bấm lưu (F10) và gửi qua email cho khách hàng kiểm tra lại thông tin một lần nữa sau đó bấm chữ ký số vào để ký hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế.

+

Hóa đơn giá trị gia tăng

?

Thông tin hóa đơn

Ngày lập

08/12/2023

Ký hiệu

1C25TSA

Số hóa đơn

Mã tiền tệ

VND

Tỷ giá

1,00

HT thanh toán

TM/CK

Số đơn hàng

Email người bán

sap@sapvn.com.vn

SDT người bán

STK người bán

NH người bán

Mã cửa hàng

Tên cửa hàng

Thông tin khách hàng

Mã số thuế

2300641953

Mã đối tượng

Tên người mua

Email

Tên đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ BANICO

Địa chỉ

Lô 29 và lô 31, đường Lạc Long Quân, Phường Kinh Bắc và, Phường Vũ Ninh, Tỉnh

STK người mua

NH người mua

Căn cước công dân

Số hộ chiếu

Mã đơn vị quan hệ ngân sách

Chi tiết hóa đơn

Thêm dòng (F9)

Xóa dòng (F8)

Sao chép (F7)

Hóa đơn chiết khấu

Sửa giá trị tiền thuế, tổng tiền

Tính thuế suất theo tổng chi tiết từng mặt hàng

Chọn hàng hóa từ ký hiệu

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tiền trước thuế	Thuế suất	Tiền thuế	Ti
1	CAP320	Đầu bảo khối địa chỉ. Mã hàng : CAP320.	Cái	14,000	636.000,00	8.904.000	8%	712.320	

Loại thuế

Tiền chiết khấu

Thành tiền trước thuế

Tiền thuế

Tổng tiền sau thuế

+

Tổng cộng hàng hóa, dịch vụ

0,00

8.904.000,00

712.320,00

?

Hỗ trợ

Hình 2.3: Giao diện lập hóa đơn tại M-invoice

- Cuối cùng ta có hóa đơn GTGT như sau:

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 08 tháng 12 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: 00E04ADC5450444ACBB55827B79C2158B6

Ký hiệu: **1C25TSA**

Số: **182**

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP**

Mã số thuế : **0401539430**

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiêu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : Email: sap@sapvn.com.vn

Số tài khoản : -

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Banico

Mã số thuế : 2300641953

Địa chỉ : Lô 29 và lô 31, đường Lạc Long Quân, phường Kinh Bắc và, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : TM/CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đầu báo khói địa chỉ. Mã hàng : CAP320.	Cái	14	636.000	8.904.000
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					8.904.000
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 712.320
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					9.616.320

Số tiền bằng chữ: Chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Ngày ký: 08/12/2025 15:07:24

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn> Mã tra cứu: **D62274BD2377A889**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-Invoice - MST: 0106926495- SĐT: 0901 80 16 18)

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 182 ngày 08/12/2025

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 182 kế toán nhập liệu vào phần mềm như sau:

Vào giao diện Smart Pro → kế toán chọn phần hành **Nhập phát sinh** → Tại loại chứng từ chọn **HDBR** → Sau đó nhập đầy đủ thông tin mã khách hàng, số hóa đơn, ngày hóa đơn... và thông tin hàng hóa bán cho khách hàng như hình 2.5. Sau khi nhập xong thông tin → bấm **F12** để lưu chứng từ.

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại ctđ: HOBR Mã KH: 2300641953 Seri HD: 1C2STA Số HD: 182 Ngày HD: 08/12/25 HD VAT: R SIT: 2

Số ctđ: 005/12 Ngày ctđ: 08/12/25

Đến giá: Doanh thu bán hàng

TK Ng	Phải thu của khách hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Ng	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ BANICO		0
TK Có	Doanh thu bán hàng hóa		0
ĐTPN Có	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ BANICO		
HH Xuất	Đầu bảo khối địa chỉ Mã hàng : CAP320		

Số lượng	Đơn giá	Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
cái	14.000	636.000,00	8.904,000	8	33311	712,320

TT	TK Hàng	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% Ck	Chiết khấu	Loại thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	Ghi chú	Nhà
1	1561	CAP320	Đầu bảo khối địa chỉ Mã hàng : CAP320	cái	14.000	636.000	8.904,000	0	0	R	33311	8	712,320	9,616,320	

Tiền hàng: 8,904,000
Tiền thuế: 712,320
Tổng T. toán: 9,616,320

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa đóng Lưu đóng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.5: Giao diện hạch toán hóa đơn bán hàng số 182 ngày 08/12/2025

Vì Công ty Cổ phần kỹ nghệ Banico trả trước tiền hàng bằng tiền gửi ngân hàng nên ngày 05/12/2025 căn cứ vào sao kê ngân hàng (**Trình bày phụ lục 3.14**) kế toán sẽ nhập liệu vào phần mềm và sẽ có chứng từ ngân hàng như sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành ph
MST : 0401539430

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG
Ngày 5 Tháng 12 Năm 2025

Số : **012/12**
Nợ : 1121-VCB746
Có : 131

Họ tên người nhận tiền : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ BANICO
Địa chỉ : Lô 29 và lô 31, đường Lạc Long Quân, Phường Kinh Bắc và, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Lý do chi : Thu tiền khách hàng

Số tiền : **9.616.320** Chín triệu sáu trăm mười sáu ngàn ba trăm hai mươi đồng

Kèm theo :

Ngày 5 Tháng 12 Năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
ĐOÀN THỊ PHÚ	PHẠM THỊ NHƯ HẢI		PHẠM THỊ NHƯ HẢI	

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Hình 2.6: Chứng từ ngân hàng theo HD số 182

- Nghiệp vụ phát sinh số 2: cung cấp dịch vụ bảo trì chưa thu tiền

Ngày 22/05/2025 Công ty cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống báo cháy và âm thanh di tán cho Công ty Cổ Phần Bất động sản Syrena Phú Quốc theo hóa đơn số 60. Tổng giá trị thanh toán của đơn hàng là 129.600.000 VND, trong đó đã bao gồm thuế suất GTGT 8%. Khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

Sau khi Công ty Cổ Phần Bất động sản Syrena Phú Quốc xác nhận đồng ý mua hàng và hoàn tất việc thỏa thuận thanh toán, kế toán tiến hành lập hoá đơn điện tử số 60.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán liên quan đến nghiệp vụ:

(Vì các bước quy trình lập hoá đơn giống nghiệp vụ phát sinh số 1 nên em xin phép không lặp lại).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG						Ký hiệu: 1C25TSA Số: 60
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)						
Ngày 22 tháng 05 năm 2025						
Mã của cơ quan thuế: 00926E25F523C845CDA65CDB3A0F8B745B						
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP						
Mã số thuế : 0401539430						
Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam						
Điện thoại : Email: sap@sapvn.com.vn						
Số tài khoản : -						
Họ tên người mua hàng :						
Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SYRENA PHÚ QUỐC						
Mã số thuế : 1701515256						
Địa chỉ : Tổ 3, khu phố 7, Phường An Thới, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam						
Số tài khoản :						
Hình thức thanh toán : TM/CK						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
1	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống Báo cháy và âm thanh di tán - Đợt 3 - HĐ INTERCONTINENTALPQ-SAP/2024.	Lần	1	120.000.000	120.000.000	
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					120.000.000	
Thuế suất GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT:	9.600.000	
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					129.600.000	
Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng						
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)			
			Signature Valid CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP Ngày ký: 22/05/2025 14:32:29			
Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn Mã tra cứu: 9150EFD1992C3A62						
(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-Invoice - MST: 0106926495- SĐT: 0901 80 16 18)						

Hình 2.7: Hoá đơn GTGT số 60 ngày 22/05/2025

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 60, kế toán nhập liệu lên phần mềm như sau:

The screenshot shows the 'NHẬP PHÁT DÍNH' (Invoice Entry) window. At the top, there are fields for 'Mã KH' (1701515256), 'Seri HD' (1C25TA), 'Số HD' (60), 'Ngày HD' (22/05/25), 'HD VAT' (R), and 'STT' (2). Below these are fields for 'Loại chữ' (S0), 'Số chữ' (60), and 'Ngày chữ' (22/05/25). The 'Diễn giải' (Description) field contains 'Doanh thu cung cấp dịch vụ'. The 'Số dư cuối Ngày' (End of Day Balance) and 'Số dư cuối Tháng' (End of Month Balance) are both 0. The 'TK Nợ' (Debit Account) is 131 and 'ĐTPN Nợ' (Debit Party) is 1701515256. The 'TK Có' (Credit Account) is 5113 and 'ĐTPN Có' (Credit Party) is 1701515256. The 'Thành tiền VND' (Amount in VND) is 120,000,000. The 'Thuế VND' (Tax VND) is 9,600,000. The 'Tổng tiền' (Total Amount) is 129,600,000. The table below shows one line item with 'Diễn giải' (Doanh thu cung cấp dịch vụ), 'TK Nợ' (131), 'ĐTPN Nợ' (1701515256), 'TK Có' (5113), 'ĐTPN Có' (1701515256), 'Thành tiền VND' (120,000,000), '% CK' (0), 'Chiết khấu' (0), 'Loại thuế' (R), 'TK Thuế' (33311), '% TS' (8), 'Tiền thuế VND' (9,600,000), 'Tổng tiền' (129,600,000), 'Mã C.Trình' (129,600,000), 'Tên công trình' (129,600,000), 'Mã hợp đồng' (129,600,000), and 'Ngày H.đồng' (129,600,000). The bottom right shows 'Tiền hàng' (120,000,000), 'Tiền thuế' (9,600,000), and 'Tổng T. toán' (129,600,000). The bottom status bar shows 'Record 1 of 1' and various icons for navigation and printing.

Hình 2.8: Giao diện hạch toán hóa đơn bán hàng số 60 ngày 22/05/2025

* Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

➤ Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu:

Trong kỳ, Công ty phát sinh khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại. Đây là giá trị hàng hóa đã tiêu thụ nhưng được khách hàng trả lại và được Công ty chấp nhận theo các điều kiện quy định trong hợp đồng. Khoản hàng bán bị trả lại được ghi nhận làm giảm doanh thu bán hàng, góp phần xác định chính xác doanh thu thuần và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Trình tự ghi sổ:

- **Nghiệp vụ phát sinh số 3:** Ngày 23/12/2025 chi nhánh Công ty TNHH Tích hợp hệ thống NHT xuất hóa đơn trả lại hàng cho Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP theo hóa đơn số 35. Với giá chưa VAT 4.785.900 VND, thuế suất 8%.

Hóa đơn GTGT số 35 (**Được trình bày ở phụ lục 01**).

Căn cứ vào hóa đơn trả lại hàng số 35 → kế toán vào phần hành **Nhập phát sinh** → chọn loại chứng từ **HTL** → và ghi nhận giá trị hàng trả lại, điền đầy đủ thông tin sẽ có giao diện như sau:

The screenshot displays the 'NHẬP PHÁT SINH' (Input/Output) window in a software application. The window is divided into several sections. At the top, there are tabs for '4. Copy', '3. Khác', '2. Thông tin khách hàng', and '1. Nhập'. The '1. Nhập' tab is selected. Below the tabs, there are input fields for 'Loại chữ' (HTL), 'Mã KH' (0401849168-001), 'Seri HD' (1C25TNT), 'Số HD' (35), 'Ngày HD' (23/12/25), 'HD VAT' (R), and 'STT' (4). There are also fields for 'Số chữ' (001), 'Ngày' (23/12/25), and 'Diễn giải' (Hàng trả lại). A table shows account entries: TK Ng 5111 (Doanh thu bán hàng hóa), ĐTPN Ng 0401849168-001 (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT), VTHH Ng MIU872 (Module cho đầu bảo thường. Mã hàng: MIU872), TK Có 331 (Phải trả cho người bán), and ĐTPN Có 0401849168-001 (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT). A summary table shows: Số lượng (3.000), Đơn giá (837,400.00), Tiền Vnd (2,512,200), TS (8), TK Thuế (33311), Thuế VND (200,976), and Tổng tiền (2,713,176). A detailed table lists items: 1. 331, 0401849168-001, 5111, 0401849168-001, MIU872, Module cho đầu bảo thường. Mã hàng: MIU872, Cái, 3.000, 837,400, 2,512,200, 0, 0, R. 2. 331, 0401849168-001, 5111, 0401849168-001, ULMCOMS, Module điều khiển-U/L, Cái, 3.000, 757,900, 2,273,700, 0, 0, R. On the right, a summary shows: Tiền hàng (4,785,900), Tiền thuế (382,872), and Tổng T. toán (5,168,772). The bottom bar has buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), and a Windows logo.

Hình 2.9: Giao diện hạch toán hóa đơn số 35 ngày 23/12/2025

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 5111, 5113. **Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 94, 96** sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 511.

❖ Quy trình lấy sổ chi tiết TK 5111, 5113, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511.

📁 Sổ chi tiết TK 5111, 5113

(Sổ chi tiết TK 5113 trình tự lấy số tương tự như lấy số chi tiết TK 5111 nên em xin phép không lặp lại).

- Đầu tiên, vào mục **Sổ kế toán** → chọn **Sổ nhật ký chung** → chọn Ngày **01/01/2025-31/12/2025** → Sau đó bấm in.

- Tương tự vào **Sổ kế toán** → chọn **Sổ cái tài khoản** → chọn tài khoản **511** → chọn **Ngày 01/01/2025-31/12/2025** → Sau đó bấm in.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Bảng 2.2: Số chi tiết TK 5111

Sổ chi tiết TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
03/01/25	HD.003/01	03/01/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống báo cháy và âm thanh	131	0	150.000.000
03/01/25	HD.004/01	03/01/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống chữa cháy bếp ANSUL-DOT2-HD010124.HDKT.SAP.PREMIER RESIDENCES PQ	131	0	84.000.000
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	445.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
22/05/25	HD.001/05	22/05/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống Báo cháy và âm thanh di tản - Đợt 3 - HĐ INTERCONTINENTALPQ-SAP/2024	131	0	120.000.000
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	120.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
21/08/25	HD.001/08	21/08/25	CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO TRÌ ĐỢT 1 - HỆ THỐNG BÁO CHÁY VÀ CHỮA CHÁY KHÍ FM200 - HĐ 180325/HDKT/SAP-VOCO DN	131	0	91.000.000
31/08/25	KC.03	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	91.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/12/25	HD.003/12	30/12/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì đợt 2 - Gói thầu bảo trì hệ thống Báo cháy và FM200 - Hợp đồng số 180325/HDKT/SAP-VOCO DN.	131	0	91.000.000
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	221.000.000	0
			Cộng phát sinh		1.486.711.600	1.486.711.600
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.3: Sổ chi tiết TK 5113

Sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số S03b-DNN

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
03/01/25	IDBR.001/0	03/01/25	Doanh thu bán hàng	131	0	20.815.000
03/01/25	HD.003/01	03/01/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống báo cháy và âm thanh	131	0	150.000.000
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	129.746.200	0
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	445.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
22/05/25	HD.001/05	22/05/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống Báo cháy và âm thanh di tản - Đợt 3 - HD INTERCONTINENTALPQ-SAP/2024	131	0	120.000.000
23/05/25	IDBR.012/0	23/05/25	Doanh thu bán hàng	131	0	1.689.900
31/05/25	KC.02	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	3.506.650.320	0
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	120.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
28/08/25	IDBR.013/0	28/08/25	Doanh thu bán hàng	131	0	75.608.600
31/08/25	KC.02	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	656.347.980	0
31/08/25	KC.03	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	91.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
28/11/25	IDBR.021/1	28/11/25	Doanh thu bán hàng	131	0	122.210.000
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	7.283.023.670	0
...	...	...	...	...	...	...
08/12/25	IDBR.005/1	08/12/25	Doanh thu bán hàng	131	0	8.904.000
13/12/25	IDBR.006/1	13/12/25	Doanh thu bán hàng	131	0	19.663.000
23/12/25	HTL.001	23/12/25	Hàng trả lại	331	4.785.900	0
24/12/25	IDBR.020/1	24/12/25	Doanh thu bán hàng	131	0	48.005.760
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	626.492.860	0
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	221.000.000	0
			CỘNG PHÁT SINH		21.216.400.222	21.216.400.222
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		21.216.400.222	21.216.400.222

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI
Bảng 2.4: Sổ cái TK 511

ĐOÀN THỊ PHÚ

2.2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

➤ *Nội dung doanh thu hoạt động tài chính:*

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP chỉ hoạt động trong lĩnh vực bán hàng và cung cấp dịch vụ nên doanh thu tài chính chủ yếu từ lãi thu được từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo có.
- Sao kê ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng TK 515. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết tài khoản 515.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 515.

➤ *Trình tự ghi sổ:*

- Vào cuối mỗi tháng, kế toán nhận được sổ phụ của ngân hàng.
- Kế toán căn cứ vào Giấy báo có lãi tiền gửi, Sổ phụ ngân hàng hoặc sao kê tài khoản ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán Smart Pro. Kế toán điền đầy đủ thông tin về số tiền theo trên giấy báo có hoặc sao kê ngân hàng. Sau khi nhập liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhập số liệu lên các sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản, sổ cái tài khoản 515.

- **Nghiệp vụ phát sinh số 1:** Công ty nhận được sao kê tài khoản ngân hàng Vietcombank về các giao dịch ngân hàng trong tháng 11/2025 của công ty, trong các giao dịch trong tháng 11, có ngày 25/11/2025 công ty nhận được lãi tiền gửi với số tiền là 102.660 đồng. Dựa vào sao kê tháng 11 của ngân hàng (**Được trình bày ở phụ lục 3.2**), kế toán hạch toán vào phần mềm Smart Pro về việc thu lãi tiền gửi tháng 11/2025 → Sau đó nhấn F12 để lưu.

NHẬP PHÁT SINH

Loại ctr: CTNH Mã KH: 0401539430 Seri HD: Số HD: Ngày HD: 25/11/25 HD VAT: X STT: 1

Số ctr: 047/11 Ngày ctr: 25/11/25

Diễn giải: Lãi nhập vốn

TK Nợ	TK Có	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
1121-VCB746	TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746		0.00
ĐTPN Nợ	ĐTPN Có		
0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		
YTCP Nợ	YTCP Có		
515	Doanh thu hoạt động tài chính		0.00
ĐTPN Nợ	ĐTPN Có		
0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
102,660		1331	0	102,660

Tỷ giá	Tiền USD
0.00	0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình	Tên công trình	Mã hợp đồng	Ngày H.đ
1			25/11/25	Lãi nhập vốn	1121...	515	102,660		0	102,660	0401539430	0401539...				

Tiền hàng: 102,660
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 102,660

Record 1 of 1

Tiếp Mỏ KTSC Ab Mở Sửa đóng Lưu đóng List Phóng to Khác View (Ctrl+F) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.10: Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi ngày 25/11/2025

Sau khi nhập liệu ta sẽ có chứng từ ngân hàng trên phần mềm Smart Pro.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Hồ Chí Minh
MST : 0401539430

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG

Ngày 25 Tháng 11 Năm 2025

Số : **047/11**

Nợ : 1121-VCB746

Có : 515

Họ tên người nhận tiền : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chi : Lãi nhập vốn

Số tiền : **102,660** Một trăm lẻ hai ngàn sáu trăm sáu mươi đồng

Kèm theo :

Ngày 25 Tháng 11 Năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

ĐOÀN THỊ PHÚ

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

Hình 2.11: Chứng từ ngân hàng ngày 25/11/2025

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 515. Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 96 sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 515.

Sổ chi tiết tài khoản 515

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		0	0
25/01/25	CTNH.030/01	25/01/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
25/01/25	CTNH.032/01	25/01/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	100.147
25/01/25	CTNH.033/01	25/01/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	17.126
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	117.289	0
...	...	...	...	...	...	...
25/05/25	CTNH.019/05	25/05/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	8.869
25/05/25	CTNH.020/05	25/05/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	232.999
31/05/25	CTNH.024/05	31/05/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
31/05/25	KC.04	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	241.884	0
...	...	...	...	...	...	...
25/08/25	CTNH.032/08	25/08/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	106.313
25/08/25	CTNH.036/08	25/08/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	11.448
30/08/25	CTNH.045/08	30/08/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
31/08/25	KC.04	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	117.777	0
...	...	...	...	...	...	...
25/11/25	CTNH.047/11	25/11/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	102.660
25/11/25	CTNH.049/11	25/11/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	5.340
29/11/25	CTNH.054/11	29/11/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	108.016	0
31/12/25	CTNH.050/12	31/12/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	88.827
31/12/25	CTNH.051/12	31/12/25	Lãi nhập vốn	1-VCB	0	4.603
31/12/25	CTNH.052/12	31/12/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	93.446	0
			Cộng phát sinh		1.278.862	1.278.862
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.5: Sổ chi tiết TK 515

Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số S03b-DNN

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0401539430

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :515-Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
25/01/25	CTNH.030/0	25/01/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
25/01/25	CTNH.032/0	25/01/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	100.147
25/01/25	CTNH.033/0	25/01/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	17.126
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	117.289	0
...	...	...	...	...	...	...
25/05/25	CTNH.019/0	25/05/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	8.869
25/05/25	CTNH.020/0	25/05/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	232.999
31/05/25	CTNH.024/0	31/05/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
31/05/25	KC.04	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	241.884	0
...	...	...	...	...	...	...
25/08/25	CTNH.032/0	25/08/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	106.313
25/08/25	CTNH.036/0	25/08/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	11.448
30/08/25	CTNH.045/0	30/08/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
31/08/25	KC.04	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	117.777	0
...	...	...	...	...	...	...
25/11/25	CTNH.047/1	25/11/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	102.660
25/11/25	CTNH.049/1	25/11/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	5.340
29/11/25	CTNH.054/1	29/11/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	108.016	0
31/12/25	CTNH.050/1	31/12/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	88.827
31/12/25	CTNH.051/1	31/12/25	Lãi nhập vốn	21-VCB7	0	4.603
31/12/25	CTNH.052/1	31/12/25	Lãi nhập vốn	21-TEC	0	16
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	93.446	0
			CỘNG PHÁT SINH		1.278.862	1.278.862
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.278.862	1.278.862

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.6: Sổ cái TK 515

2.2.2.3 Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

Trong năm 2025 này công ty không phát sinh khoản thu nhập khác nào. Nên em xin phép không trình bày trong bài.

2.2.3 Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

➤ Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty:

Gồm 2 nội dung:

- Giá vốn hàng bán.
- Giá vốn cung cấp dịch vụ.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho, bảng tổng hợp chi tiết nhập xuất tồn...
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng:

Công ty sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 632.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 632.

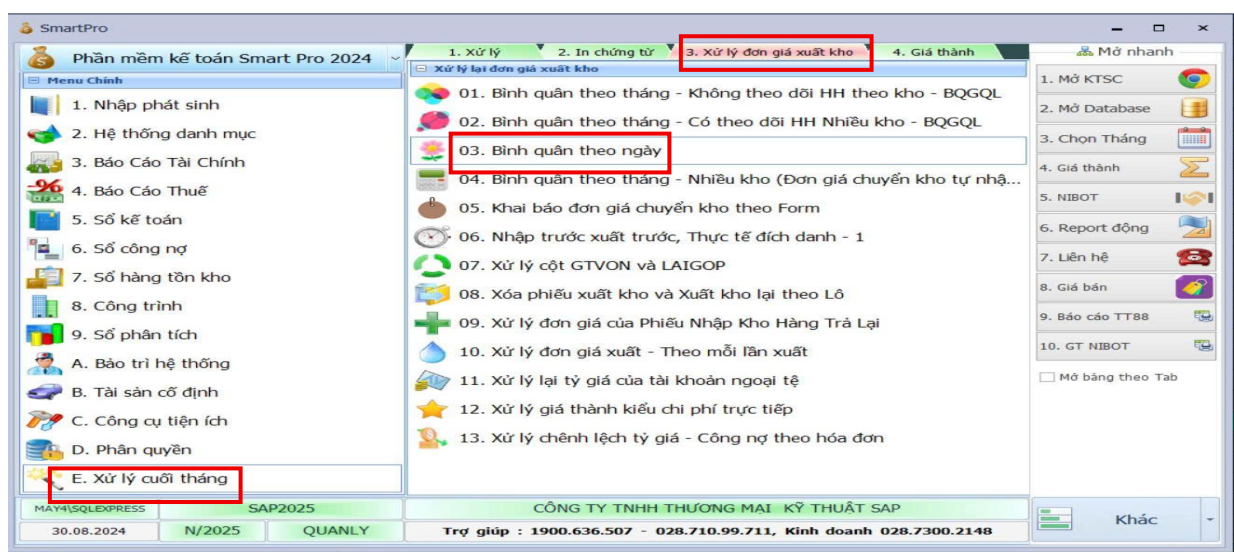
➤ Phương pháp tính giá xuất kho tại Công ty

a) Giá vốn hàng hóa

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, việc nhập xuất được ghi nhận hàng ngày khi các nghiệp vụ phát sinh. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm). Sau khi phát sinh nghiệp vụ nhập kho hàng hóa kế toán tiến hành tính lại giá xuất kho trên phần mềm kế toán SmartPro theo thứ tự các bước sau:

- **Nghiệp vụ phát sinh số 1:** Tính giá xuất kho của Hóa đơn GTGT số 182 ngày 08/12/2025 xuất kho bán hàng cho Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Banico (**Nghiệp vụ phát sinh số 1 phần doanh thu**).

- Trên giao diện phần mềm kế toán SmartPro → bấm chọn “**Xử lý cuối tháng**” → sau đó chọn “**Xử lý đơn giá xuất kho**” → tiếp đến chọn “**Bình quân theo ngày**”.



Hình 2.12: Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm SmartPro

- Màn hình sẽ hiển thị → kế toán nhập ngày bắt đầu là **01/12/2025** đến ngày **31/12/2025** → rồi bấm chọn “**Chọn tất cả**” → sau đó bấm “**Xử lý**”.

Sau khi bấm xử lý xong thì đơn giá xuất kho tự động cập nhật lên phiếu xuất kho, theo như hóa đơn số 182 ngày 08/12/2025 thì sẽ có phiếu xuất kho như sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, 1 (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/-BTC) MST : 0401539430 Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính)				Mẫu số 02 - VT			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 8 tháng 12 năm 2025				Số : 182 Nợ : 632 Có : 1561			
Người nhận hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ BANICO							
Theo hóa đơn số : 182 Ngày : 08/12/25							
Xuất tại kho : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ BANICO							
Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 182,08/12/25							
STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Đầu báo khói địa chỉ. Mã hàng : CAP320	CAP320	cái	14.00	372,281	5,211,930	
Tiền hàng						5,211,930	
Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Năm triệu hai trăm mười một ngàn chín trăm ba mươi đồng Số chứng từ gốc kèm theo :							
Ngày 8 tháng 12 năm 2025							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	

Hình 2.13: Phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT số 182

Tính giá xuất kho bình quân thời điểm

- Để xem bảng tổng hợp và chi tiết nhập xuất tồn:

Kế toán vào phần hành **Sổ hàng tồn kho** -> chọn **Chi tiết (thẻ kho)** -> chọn hàng hoá **Đầu báo khói địa chỉ. Mã hàng: CAP320**-> nhấn **Xem** sẽ xuất hiện Sổ hợp và chi tiết nhập xuất tồn của hàng hóa.

TỔNG HỢP VÀ CHI TIẾT NHẬP XUẤT TỒN

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Tài khoản : 1561 - Giá mua hàng hóa

Chứng từ			Hóa đơn		Mã	TK	Mã	Tên hàng hóa	ĐVT	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Đơn
Loại	Số	Ngày	Số	Ngày	TK	Đ.Ú	HH			SL	GT	SL	GT	SL	GT	giá
Tồn đầu kỳ								CAP320	Đầu báo khối địa chỉ. Mã hàng : CAP320	cái				1.906.000	707.448.247	371.169
PXX	166	19/11/25	166	19/11/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 166,19/11/25	cái			4.000	1.484.676	1.906.000	707.448.247	371.169
PNK	001	24/11/25	2514	24/11/25	1561	331	CAP320	Mua hàng nhập kho	cái	2.586.000	964.836.600			4.492.000	1.672.284.847	372.281
PXX	171	24/11/25	171	24/11/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 171,24/11/25	cái			1.832.000	682.018.219	2.660.000	990.266.628	372.281
PXX	172	26/11/25	172	26/11/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 172,26/11/25	cái			40.000	14.891.227	2.620.000	975.375.401	372.281
PXX	174	27/11/25	174	27/11/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 174,27/11/25	cái			10.000	3.722.807	2.610.000	971.652.594	372.281
PXX	177	01/12/25	177	01/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 177,01/12/25	cái			51.000	18.986.315	2.559.000	952.666.279	372.281
PXX	180	03/12/25	180	03/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 180,03/12/25	cái			51.000	18.986.315	2.508.000	933.679.964	372.281
PXX	181	04/12/25	181	04/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 181,04/12/25	cái			3.000	1.116.842	2.505.000	932.563.122	372.281
PXX	182	08/12/25	182	08/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 182,08/12/25	cái			14.000	5.211.930	2.491.000	927.351.192	372.281
PXX	186	16/12/25	186	16/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 186,16/12/25	cái			4.000	1.489.123	2.487.000	925.862.069	372.281
PXX	187	17/12/25	187	17/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 187,17/12/25	cái			5.000	1.861.403	2.482.000	924.000.666	372.281
PXX	188	17/12/25	188	17/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 188,17/12/25	cái			1.000	372.281	2.481.000	923.628.385	372.281
PXX	189	19/12/25	189	19/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 189,19/12/25	cái			60.000	22.336.841	2.421.000	901.291.544	372.281
PXX	190	19/12/25	190	19/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 190,19/12/25	cái			25.000	9.307.017	2.396.000	891.984.527	372.281
PXX	194	19/12/25	194	19/12/25	1561	632	CAP320	Xuất kho theo HD số : 194,19/12/25	cái			26.000	9.679.298	2.370.000	882.305.229	372.281

Bảng 2.7: Số tổng hợp và chi tiết hàng hóa đầu báo khối

Áp dụng công thức tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân thời điểm để tính giá xuất kho của đầu báo khối địa chỉ như sau:

Đơn giá bình quân hàng i sau mỗi lần nhập t	=	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập t	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần nhập t
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập t	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần nhập t

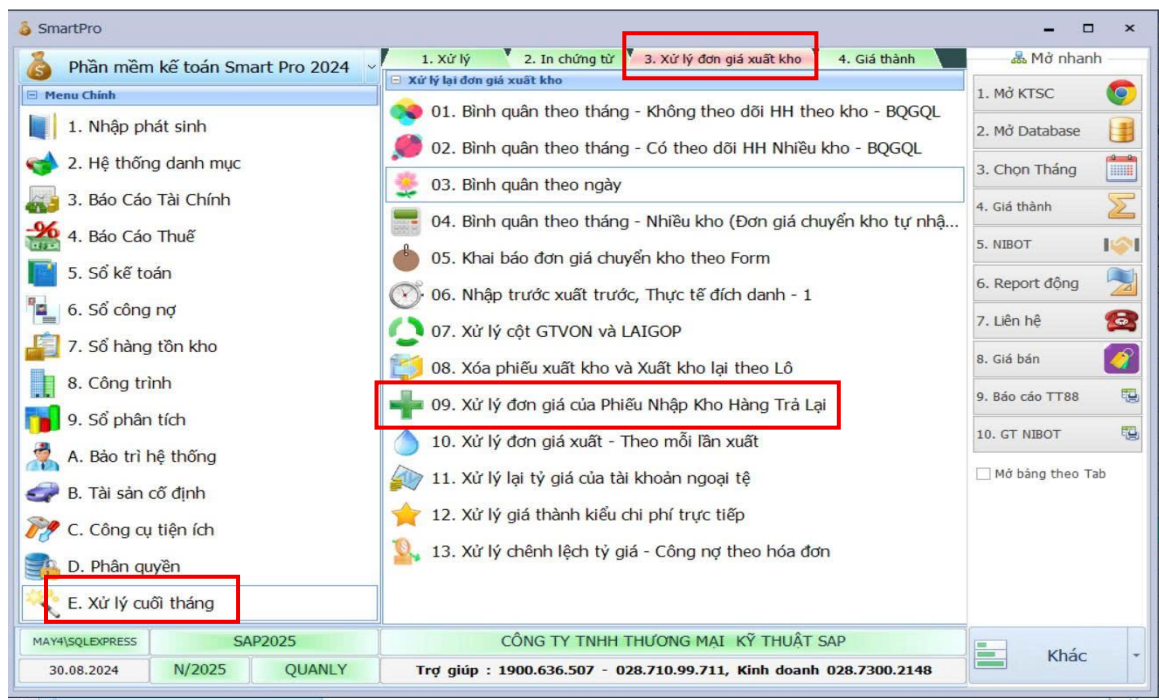
$$\text{Đơn giá bình quân của đầu báo khối sau lần nhập ngày 24/11} = \frac{707.448.247 + 964.836.600}{1.906.000 + 2.586.000} = 372.281 \text{ (VND/cái)}$$

- Nghiệp vụ phát sinh số 2: Nhập kho hàng bán bị trả lại:

Ngày 23/12/2025 chi nhánh Công ty TNHH Tích hợp hệ thống NHT xuất hóa đơn trả lại hàng cho Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP theo hóa đơn số 35 (được trình bày ở phụ lục 3.1). Công ty tiến hành nhập kho hàng hóa bị trả lại.

Sau khi kế toán hạch toán hàng trả lại thì phần mềm kế toán sẽ tự động tạo bút toán nhập kho hàng bán bị trả lại.

Để xử lý đơn giá của phiếu nhập kho hàng trả lại trên phần mềm Smart Pro, kế toán chọn phần hành **Xử lý cuối tháng** -> Chọn **Xử lý đơn giá xuất kho** -> Chọn **Xử lý đơn giá của phiếu nhập kho hàng trả lại** -> Bấm chọn **tháng 12** -> Điền thông tin để xử lý lại đơn giá nhập kho -> Bấm **Xử lý**.



Hình 2.14: Giao diện xử lý đơn giá của phiếu nhập kho hàng trả lại

XL-DG-NK

Xử lý lại ĐƠN GIÁ NHẬP KHO

Chọn tháng

Tháng: 12

Từ ngày: 01/12/25

Đến ngày: 31/12/25

Tài khoản: 1561

Loại C.từ: PNKL

data Năm trước:

TK Nợ PNK: 1561

TK Có PNK: 632

Options

☒ 1. Không theo Kho, Không theo Lô, BQGQL

☐ 2. Có theo Kho, BQGQL

☐ 3. Theo lô, NTXT, HT

☐ 4. Lấy bằng đơn giá xuất kho dựa theo Số hóa đơn

☐ 5. Lấy bằng đơn giá xuất kho dựa theo Số hóa đơn, TKNO, TKCO

☐ 6. Lấy bằng đơn giá của dòng 521-131

Xử lý

Thoát

Hình 2.15: Giao diện xử lý đơn giá của phiếu nhập kho hàng trả lại

Sau khi xử lý đơn giá nhập kho hàng trả lại xong thì giá vốn trên phiếu nhập kho sẽ được chạy lại.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP				Mẫu số 01 - VT		
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, 1				(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/-BTC)		
MST : 0401539430				Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính)		
PHIẾU NHẬP KHO				SỐ : 001		
Ngày 23 tháng 12 năm 2025				Nợ : 1561		
Người giao hàng : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT				Có : 632		
Theo hóa đơn số : 35 Ngày : 23/12/25 -						
Nhập tại kho : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT						
Diễn giải: Nhập kho hàng trả lại theo HĐ số : 35,23/12/25						
STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Module cho đầu báo thường. Mã hàng: MIU872	MIU872	Cái	3,00	590.157	1.770.470
2	Module điều khiển-UL	ULMCOMS	Cái	3,00	513.248	1.539.743
Tiền hàng						3.310.213
Tiền thuế						
Tổng thanh toán						3.310.213
Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Ba triệu ba trăm mười ngàn hai trăm mười ba đồng						
Số chứng từ gốc kèm theo :						
Người lập phiếu (Ký, họ tên)		Người giao hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Ngày 23 tháng 12 năm 2025 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Hình 2.16: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại theo HĐ số 35

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 632. Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 96 sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 632 được trình bày trang 63.

Sổ chi tiết tài khoản 632

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
22/01/25	PXK.007/01	22/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 11,22/01/25	1561	3.500.000	0
22/01/25	PXK.007/01	22/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 11,22/01/25	1561	550.137	0
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	150.432.146	0
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	213.258.506
...	...	...	...	...	...	...
28/08/25	PXK.014/08	28/08/25	Xuất kho theo HĐ số : 110,28/08/25	1561	1.100.275	0
31/08/25	KC.01	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	117.275.386	0
31/08/25	KC.05	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	470.231.743
...	...	...	...	...	...	...
30/10/25	PXK.032/10	30/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 155,30/10/25	1561	12.619.748	0
30/10/25	PXK.032/10	30/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 155,30/10/25	1561	2.200.550	0
31/10/25	KC.01	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	140.514.156	0
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	569.071.936
...	...	...	...	...	...	...
08/12/25	PXK.005/12	08/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 182,08/12/25	1561	5.211.930	0
13/12/25	PXK.006/12	13/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 183,13/12/25	1561	9.103.564	0
23/12/25	PNKL.001	23/12/25	Nhập kho hàng trả lại theo HĐ số : 35,23/12/25	1561	0	1.770.470
23/12/25	PNKL.001	23/12/25	Nhập kho hàng trả lại theo HĐ số : 35,23/12/25	1561	0	1.539.743
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	159.333.770	0
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	508.985.216
			Cộng phát sinh		13.488.512.296	13.488.512.296
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.8: Sổ chi tiết TK 632

b) Giá vốn cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP phát sinh các khoản chi phí để tính giá vốn dịch vụ như: Tiền lương và các khoản trích theo lương tính đưa vào chi phí của bộ phận kỹ thuật, chi phí thuê kho được phân bổ, và các chi phí liên quan khác.

Công ty sử dụng tài khoản 154 để tập hợp các khoản chi phí phát và kết chuyển sang tài khoản 632

- Nghiệp vụ phát sinh số 3: Chi phí lương bộ phận kỹ thuật

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST:0401539430

Mẫu số: 02-LBTL
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 5 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương HD/ tháng	Ngày Công thực tế	Lương Thực tế	Phụ cấp					Tổng lương	TN miễn thuế TNCN	TN chịu thuế TNCN	Các khoản trích đưa vào chi phí				Các khoản trích trừ vào lương				Giảm trừ gia cảnh	TN TT	Khấu trừ thuế TNCN	Thực lĩnh
						Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe	Thăm niên	Chuyên cần				BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng				
I	Bộ phận Văn phòng		88.000.000	416	88.000.000	27.300.000	23.000.000	15.000.000	5.500.000	15.600.000	174.400.000	39.334.624	135.065.376	6.125.000	1.050.000	350.000	7.525.000	2.800.000	525.000	350.000	3.675.000	165.000.000	1.580.000	879.000	169.846.000
01	Đoàn Thị Phú	Giám đốc	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	2.000.000	1.000.000	500.000	1.040.000	11.360.000	3.114.616	8.245.384									11.000.000			11.360.000
02	Trần Đoàn Ái Phương	TP.nhân sự	10.000.000	26	10.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	15.860.000	2.230.000	13.630.000	1.750.000	300.000	100.000	2.150.000	800.000	150.000	100.000	1.050.000	11.000.000	1.580.000	79.000	14.731.000
03	Nguyễn Thái Trúc Linh	NVKD	8.000.000	26	8.000.000						8.000.000		8.000.000											800.000	7.200.000
04	Trần Văn Tâm	NVKD	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
05	Nguyễn Thị Hồng	NV nhân sự	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
06	Phạm Xuân Sơn	Thủ kho	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
07	Phạm Thị Như Hải	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
08	Lê Thị Huệ	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
09	Nguyễn Văn Hiệp	NVKD	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
10	Nguyễn Thị Lê Vy	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
11	Phạm Thị Như Hà	Thủ kho	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
12	Đặng Thị Thủy	Nv nhân sự	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
13	Nguyễn Đình Long	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	10.360.000	2.614.616	7.745.384									11.000.000			10.360.000
14	Lê Nguyễn Minh nguyệt	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	10.360.000	2.614.616	7.745.384									11.000.000			10.360.000
15	Lê Thị Phương Thảo	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	10.360.000	2.614.616	7.745.384									11.000.000			10.360.000
16	Bùi Thị Kim Vi	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	10.360.000	2.614.616	7.745.384									11.000.000			10.360.000
II	Bộ phận Kỹ thuật		65.000.000	286	65.000.000	16.380.000	13.500.000	9.000.000	4.500.000	9.360.000	117.740.000	23.531.544	94.208.456	3.500.000	600.000	200.000	4.300.000	1.600.000	300.000	200.000	2.100.000	99.000.000	0	2.000.000	113.640.000
01	Nguyễn Đăng Triều	TP.Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
02	Phan Nguyễn Anh Huy	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
03	Trần Văn Minh	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
04	Trần Thị Kim Lai	Kỹ thuật	10.000.000	26	10.000.000						10.000.000		10.000.000											1.000.000	9.000.000
05	Trần Thanh Hoàng	Kỹ thuật	10.000.000	26	10.000.000						10.000.000		10.000.000											1.000.000	9.000.000
06	Đặng Quốc Việt	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
07	Trần Thị Thanh Nguyệt	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
08	Nguyễn Thị Hương Liên	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
09	Đặng Công Thiệp	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
10	Khương Minh Nguyệt	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
11	Đinh Đức Diệp	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
	Tổng cộng		153.000.000	702	153.000.000	43.680.000	36.500.000	24.000.000	10.000.000	24.960.000	292.140.000	62.866.168	229.273.832	9.625.000	1.650.000	550.000	11.825.000	4.400.000	825.000	550.000	5.775.000	264.000.000	1.580.000	2.879.000	283.486.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đà Nẵng, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC

Bảng 2.9: Bảng thanh toán tiền lương bộ phận kỹ thuật tháng 5/2025

Kế toán sẽ lập bảng lương tháng 5/2025 sau đó dựa vào bảng lương tiến hành hạch toán lên phần mềm Smart Pro tiền lương trả cho bộ phận kỹ thuật như sau:

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: 0401539430, Seri HD: , Số HD: , Ngày HD: 31/05/25, HD VAT: X, STT: 3

Loại chữ: PKT, Số chữ: 015/05, Ngày chữ: 31/05/25

Diễn giải: Hạch toán tiền lương nhân viên TS/25

Số dư cuối Ngày: 0, Số dư cuối Tháng: 0

TK Nợ: 154, Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

ĐTPN Nợ: 0401539430, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP

YTCP Nợ: ,

TK Có: 334, Phải trả người lao động

ĐTPN Có: 0401539430, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP

Tiền VND: 117,740,000, TS: 1331, Thuế VND: 0, Tổng tiền: 117,740,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/05/25	Hạch toán tiền lương nhân viên TS/25	154	334	117,740,000		0	117,740,000	0401539430	0401539...	

Tiền hàng: 117,740,000, Tiền thuế: 0, Tổng T. toán: 117,740,000

Record 1 of 1

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Hình 2.17: Giao diện hạch toán lương bộ phận kỹ thuật

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương cho người lao động tháng 05/2025. Trong bảng lương kế toán căn cứ vào lương thực tế để tính BHXH, BHYT, BHTN, các khoản trích đưa vào chi phí của doanh nghiệp, trích vào lương của người lao động. Kế toán tiến hành nhập lên phần mềm Smart Pro:

Giao diện hạch toán các khoản trích đưa vào chi phí của doanh nghiệp được trình bày ở phụ lục 3.16, 3.17, 3.18.

- Nghiệp vụ phát sinh số 4: Chi đồng phục cho nhân viên bộ phận kỹ thuật

Ngày 31/05/2025 Công ty chi đồng phục tháng 5 cho bộ phận kỹ thuật bằng tiền mặt → kế toán vào phần hành **Nhập phát sinh** → chọn **PC** sau đó điền đầy đủ thông tin trên phần mềm → Sau đó bấm F12 để lưu.

Hình 2.18: Giao diện hạch toán chi đồng phục bộ phận kỹ thuật

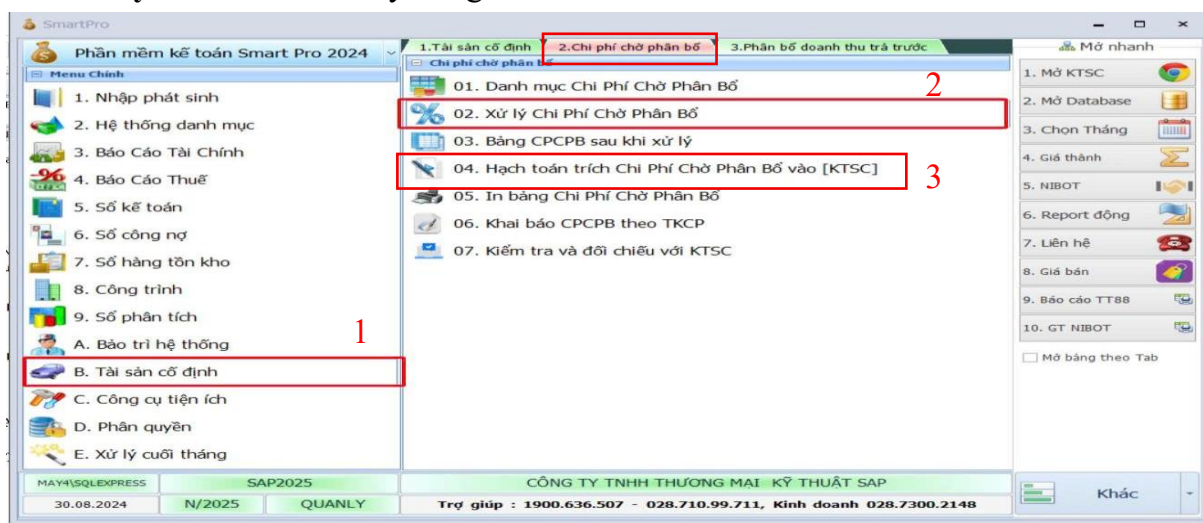
Phiếu chi tiền đồng phục tháng 5/2025 (Trình bày phụ lục 3.15).

- Nghiệp vụ phát sinh số 5: Chi phí chờ phân bổ thuê kho

Ngày 01/01/2025 công ty thuê kho dùng để lưu trữ vật tư hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí thuê kho được phân bổ 12 tháng. Ngày 01/01/2025 kế toán tiến hành đăng ký chi phí chờ phân bổ thuê kho 2025 vào phần mềm:

Hình 2.19: Giao diện chi phí chờ phân bổ thuê kho 2025

- Cuối mỗi tháng để trích chi phí chờ phân bổ, kế toán vào phân hệ “**Tài sản cố định**” → “**Chi phí chờ phân bổ**” → “**Xử lý chi phí chờ phân bổ**” → “**Chọn tháng**” → “**Xử lý**” → Sau khi xử lý xong kế toán thoát ra.



Hình 2.20: Giao diện xử lý chi phí chờ phân bổ

- Kế toán chọn “**Hạch toán chi phí chờ phân bổ**” → “**Chọn tháng**” → “**Hạch toán**”.
- Phần mềm kế toán Smart Pro sẽ tự động hạch toán chi phí chờ phân bổ vào tài khoản chi phí.
- Để xem bảng trích chi phí chờ phân bổ tại mục chi phí chờ phân bổ, chọn **In bảng chi phí chờ phân bổ**.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401539430

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ 12 THÁNG
Năm : 2025

Năm : 2023																		
Mã	Tên tài sản	Có	TK	TK	Ngày	Đầu năm			Khấu hao	Khấu hao trong năm này					Cuối năm			
TS		KH	CP	TS	mua	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Lũy kế khấu hao	1 Tháng	T1	...	T5	...	T12	Tổng khấu hao cả năm	Lũy kế khấu hao	Nguyên giá	Giá trị còn lại
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2026MHB	Máy hút bụi, VS thiết bị	C	6422	242	11/02/22	8.900.000	247.230	8.652.770	247.222	247.230	...	0	...	0	247.230	8.900.000	8.900.000	0
DHCU/CS-	Điều hòa Panasonic CU/CS-RUI8AKH-8	C	6422	242	09/09/25	17.129.630	17.129.630	0	713.735	0	...	0	...	713.735	2.854.940	2.854.940	17.129.630	14.274.690
LOPXE	Lốp 215/50r17 Michelin	C	6421	242	09/04/24	3.009.259	752.311	2.256.948	250.772	250.772	...	0	...	0	752.311	3.009.259	3.009.259	0
MAYIN26	Máy in	C	6422	242	19/09/24	4.681.818	3.121.210	1.560.608	390.152	390.152	...	390.152	...	0	3.121.210	4.681.818	4.681.818	0
MAYLOC	Máy lọc nước A.O.Smith E2	C	6422	242	20/09/25	8.148.148	8.148.148	0	339.506	0	...	0	...	339.506	1.018.518	1.018.518	8.148.148	7.129.630
MAYTINH	Máy tính	C	6422	242	15/07/25	19.898.148	19.898.148	0	829.090	0	...	0	...	829.090	4.974.540	4.974.540	19.898.148	14.923.608
THUEKHC	Thuế kho 2025	C	154	242	01/01/25	240.000.000	240.000.000	0	20.000.000	20.000.000	...	20.000.000	...	20.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	0
THUEVP20	Thuế văn phòng 2025	C	6422	242	01/01/25	300.000.000	300.000.000	0	25.000.000	25.000.000	...	25.000.000	...	25.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
						1.016.177.571	990.124.619	26.052.952	75.111.179	67.457.482		67.745.563		73.553.223	835.289.093	861.342.045	1.016.177.671	154.835.526

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.10: Bảng trích chi phí chờ phân bổ

Sổ chi tiết TK 154

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 154-Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
31/01/25	PKT.009/01	31/01/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T1/25	334	118.160.000	0
31/01/25	PKT.011/01	31/01/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T1/25	3383	2.315.250	0
31/01/25	PKT.013/01	31/01/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T1/25	3384	396.900	0
31/01/25	PKT.015/01	31/01/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T1/25	3385	132.300	0
31/01/25	PKT.021/01	31/01/25	Hạch toán lương tăng ca T1/25	334	5.427.696	0
31/01/25	CPCPB.011/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho 2025 Tháng 1	242	20.000.000	0
31/01/25	PC.037	31/01/25	Chi đồng phục t1/25	1111	4.000.000	0
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632	0	150.432.146
...	...	...	...	...	...	...
22/05/25	PKT.001/05	22/05/25	Hướng dẫn lắp đặt cho hệ thống theo báo giá số A11-20525.CDLT.FoxconnBG 101224 ngày 20/05/2025	331	33.286.000	0
31/05/25	PKT.003/05	31/05/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T5/25	3383	3.500.000	0
31/05/25	PKT.005/05	31/05/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T5/25	3384	600.000	0
31/05/25	PKT.007/05	31/05/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T5/25	3385	200.000	0
31/05/25	PKT.012/05	31/05/25	Hạch toán lương tăng ca T5/25	334	6.923.079	0
31/05/25	PKT.015/05	31/05/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T5/25	334	117.740.000	0
31/05/25	CPCPB.014/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho 2025 Tháng 5	242	20.000.000	0
31/05/25	PC.038	31/05/25	Chi đồng phục T5/25	1111	4.400.000	0
31/05/25	KC.01	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632	0	186.649.079
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		1.725.271.599	1.725.271.599
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.11: Sổ chi tiết TK 154

Sau khi nhập dữ liệu xong, phần mềm tự động cập nhật số liệu vào sổ chi tiết TK 154. Bên cạnh đó sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 94, 95, sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản số cái 154.

Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số S03b-DNN

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0401539430

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
21/01/25	PXK.006/01	21/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 9,21/01/25	1561	5.901.848	0
22/01/25	PXK.007/01	22/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 11,22/01/25	1561	4.050.137	0
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	150.432.146	0
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	213.258.506
...	...	...	...	...	...	...
21/05/25	PXK.011/05	21/05/25	Xuất kho theo HĐ số : 59,21/05/25	1561	31.913.190	0
23/05/25	PXK.012/05	23/05/25	Xuất kho theo HĐ số : 61,23/05/25	1561	1.066.161	0
31/05/25	KC.01	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	186.649.079	0
31/05/25	KC.05	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	2.713.906.381
...	...	...	...	...	...	...
30/10/25	PXK.032/10	30/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 155,30/10/25	1561	14.820.298	0
31/10/25	KC.01	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	140.514.156	0
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	569.071.936
...	...	...	...	...	...	...
08/12/25	PXK.005/12	08/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 182,08/12/25	1561	5.211.930	0
13/12/25	PXK.006/12	13/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 183,13/12/25	1561	9.103.564	0
23/12/25	PNKL.001	23/12/25	Nhập kho hàng trả lại theo HĐ số : 35,23/12/25	1561	0	3.310.213
31/12/25	PXK.025/12	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 203,31/12/25	1561	2.920.119	0
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	159.333.770	0
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	508.985.216
			CỘNG PHÁT SINH		13.488.512.296	13.488.512.296
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		13.488.512.296	13.488.512.296

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.12: Sổ cái TK 632

2.2.3.2 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty

Trong năm 2025 công ty không phát sinh khoản chi phí tài chính nào. Nên em xin phép không trình bày trong bài.

2.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Năm 2025 công ty phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

Các khoản được hạch toán vào “Chi phí bán hàng” bao gồm:

- + Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- + Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa, mua xăng dầu, bảo dưỡng xe,...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ.
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ chi phí trả trước công cụ dụng cụ.
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán chi phí bán hàng của Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng TK 6421 – Chi phí bán hàng. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 6421
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

➤ Trình tự ghi sổ:

📌 Chi phí dịch vụ mua ngoài

- **Nghiệp vụ phát sinh số 1:** Ngày 14/11/2025 Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng dịch vụ bảo dưỡng xe tại Công ty cổ phần DANA theo hóa đơn số 14804, chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Với số tiền chưa VAT là 6.032.620 VND, thuế GTGT 8%.

Hóa đơn GTGT số 14804 (Được trình bày ở phụ lục 3.3)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán sẽ hạch toán vào phần mềm kế toán Smart Pro như sau → tại phần hành **Nhập phát sinh** → chọn **PKT** sau đó điền đầy đủ thông tin trên phần mềm:

NHẬP PHÁT SINH

Loại ctừ: PKT Mã KH: 0400259800 Seri HD: 1C25TAB Số HD: 14804 Ngày HD: 14/11/25 HD VAT: V STT: 2

Số ctừ: 007/11 Ngày ctừ: 14/11/25

Diễn giải: Bảo dưỡng xe

TK Nợ	Chi phí bán hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0400259800	CÔNG TY CỔ PHẦN DANA	
YTCP Nợ			

TK Có	Phải trả cho người bán	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Có	0400259800	CÔNG TY CỔ PHẦN DANA	

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
6,032,620	8	1331	482,610	6,515,230

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1	1C25TAB	14804	14/11/25	Bảo dưỡng xe	6421	331	6,032,620	8	482,610	6,515,230	0400259800	0400259800	

Tiền hàng: 6,032,620
Tiền thuế: 482,610
Tổng T. toán: 6,515,230

Hình 2.21: Giao diện hạch toán chi phí theo hóa đơn số 14804

- **Nghiệp vụ phát sinh số 2:** Ngày 11/11/2025 Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật SAP thuê xe vận chuyển hàng của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ du lịch Thuận Thành theo hóa đơn số 3847. Với số tiền chưa VAT 640.000 VND, thuế GTGT 8%, thanh toán bằng tiền mặt.

Hóa đơn GTGT số 3847 (Được trình bày ở phụ lục 3.4).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 3847 ngày 11/11/2025, kế toán hạch toán vào phần mềm như sau → tại phần hành **Nhập phát sinh** → chọn **PC** sau đó điền đầy đủ thông tin trên phần mềm:

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy / 3. Khác / 2. Thông tin khách hàng / 1. Nhập

Loại chữ: PC Mã KH: 0400515130 Seri HD: 1C2STTT Số HD: 3847 Ngày HD: 11/11/25 HD VAT: V STT: 2

Số chữ: 007/11 Ngày chữ: 11/11/25

Nội dung: Cuộc vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng

TK Nợ: 6421	Chi phí bán hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ: 0400515130	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN T...		
YTCP Nợ:			
TK Có: 1111	Tiền Việt Nam		0
ĐTPN Có: 0400515130	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN T...		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
640,000	8	1331	51,200	691,200

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1	1C2STTT	3847	11/11/25	Cuộc vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2...	6421	1111	640,000	8	51,200	691,200	0400515130	0400515...	

Tiền hàng: 640,000
Tiền thuế: 51,200
Tổng T. toán: 691,200

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+F) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.22: Giao diện hạch toán hóa đơn số 3847 ngày 11/11/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, T
MST : 0401539430

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 11 Tháng 11 Năm 2025

Số : **007/11**
Nợ : 6421,1331

Họ tên người nhận tiền: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN T...**
Địa chỉ : Số 223 Bùi Tấn Diên, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do chi : Cuộc vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng

Số tiền : **691.200**
Kèm theo : Hóa đơn số 3847

Ngày 11 Tháng 11 Năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
ĐOÀN THỊ PHÚ	PHẠM THỊ NHƯ HẢI		PHẠM THỊ NHƯ HẢI	

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu trăm chín mươi một ngàn hai trăm đồng

Hình 2.23: Phiếu chi HĐ số 3847 ngày 11/11/2025

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 6421. Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 96 sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 642 được trình bày trang 78.

Sổ chi tiết tài khoản 6421

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6421-Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	PC.035/01	31/01/25	Xăng RON95-III	1111	545.508	0
31/01/25	KHTS.002/1	31/01/25	Khấu hao Xe ô tô Ford Focus màu trắng Tháng 1	2141	4.268.228	0
31/01/25	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lốp 215/50r17 Michelin Tháng 1	242	250.772	0
31/01/25	CPCPB.004/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lốp xe Tháng 1	242	250.772	0
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	14.142.504
...	...	...	...	...	...	...
29/08/25	PC.032/08	29/08/25	Xăng RON95-III	1111	648.148	0
31/08/25	KC.06	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	2.584.078
...	...	...	...	...	...	...
02/11/25	PC.003/11	02/11/25	Xăng RON 95 mức 3	1111	833.366	0
11/11/25	PC.007/11	11/11/25	Cước vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng	1111	640.000	0
14/11/25	PKT.007/11	14/11/25	Bảo dưỡng xe	331	6.032.620	0
15/11/25	PC.012/11	15/11/25	Xăng RON95 mức 3	1111	740.741	0
29/11/25	PKT.008/11	29/11/25	Cước vận chuyển	331	4.200.000	0
30/11/25	PC.021/11	30/11/25	Xăng RON 95 Mức 5	1111	833.404	0
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	13.280.131
...	...	...	...	...	...	...
19/12/25	PC.017/12	19/12/25	Xăng RON95 Mức 3	1111	648.206	0
27/12/25	PC.022/12	27/12/25	Xăng RON 95 mức 5	1111	833.507	0
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	20.938.573
			Cộng phát sinh		135.142.162	135.142.162
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.13: Sổ chi tiết TK 6421

2.2.3.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” bao gồm:

- + Chi phí nhân viên: Tiền lương nhân viên, các khoản trích theo lương.
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định của bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- + Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ ăn uống, cước chuyển phát...

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Giấy báo nợ.
- + Bảng thanh toán lương, bảng chấm công.
- + Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- + Bảng phân bổ chi phí trả trước công cụ dụng cụ.
- + Các chứng từ liên quan khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- + Sổ chi tiết tài khoản 6422.
- + Sổ nhật ký chung.
- + Sổ cái tài khoản 642.

➤ **Trình tự ghi sổ:**

 Chi phí dịch vụ mua ngoài

- **Nghiệp vụ phát sinh số 1:** Ngày 09/12/2025 công ty chi tiền tiếp khách theo hóa đơn số 57066. Với số tiền chưa VAT 916.000 VND, thuế GTGT 8%. Thanh toán bằng tiền mặt.

Hóa đơn GTGT số 57066 (**Được trình bày ở phụ lục 3.4**).

Căn cứ vào hóa đơn kế toán hạch toán lên phần mềm, trên phần mềm Smart Pro → tại phần hành Nhập phát sinh → chọn PC sau đó điền đầy đủ thông tin trên phần mềm:

4. Copy / 3. Khác / 2. Thông tin khách hàng / 1. Nhập

Mã KH: 0313168515-009 / Seri HD: 1C25MVT / Số HD: 57066 / Ngày HD: 09/12/25 / HD VAT: V / SIT: 2

Loại chữ: PC / Số chữ: 010/12 / Ngày chữ: 09/12/25

Nội dung: Dịch vụ ăn uống

TK Nợ: 6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ: 0313168515-009	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PIZZA 4PS - NHÀ HÀNG PIZZ...		
YTCP Nợ:			
TK Có: 1111	Tiền Việt Nam		0
ĐTPN Có: 0313168515-009	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PIZZA 4PS - NHÀ HÀNG PIZ...		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
916,000	8	1331	73,280	989,280

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1	1C25MVT	57066	09/12/25	Dịch vụ ăn uống	6422	1111	916,000	8	73,280	989,280	0313168515...	0313168...	

Tiền hàng: 916,000
Tiền thuế: 73,280
Tổng T. toán: 989,280

Record 1 of 1

Tiếp / Mở KTSC / Mở / Sửa dòng / Lưu dòng / List / Phóng to / Khác / View (Ctrl+P) / In (Ctrl+I) / Lưu (F12)

Hình 2.24: Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT số 57066 ngày 08/12/2025

Ta sẽ có được Phiếu chi số 010 thanh toán cho hóa đơn số 57066.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành p

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số : 02 - TT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 9 tháng 12 năm 2025

Số : 010/12

Nợ : 6422,1331

Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PIZZA 4PS - NHÀ HÀNG PIZZA 4PS HOÀNG VĂN THỤ

Địa chỉ : 08-10 Hoàng Văn Thụ, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chi : Dịch vụ ăn uống

Số tiền : 989.280

(Viết bằng chữ) : Chín trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi đồng

Kèm theo HD : 57066

Ngày 9 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

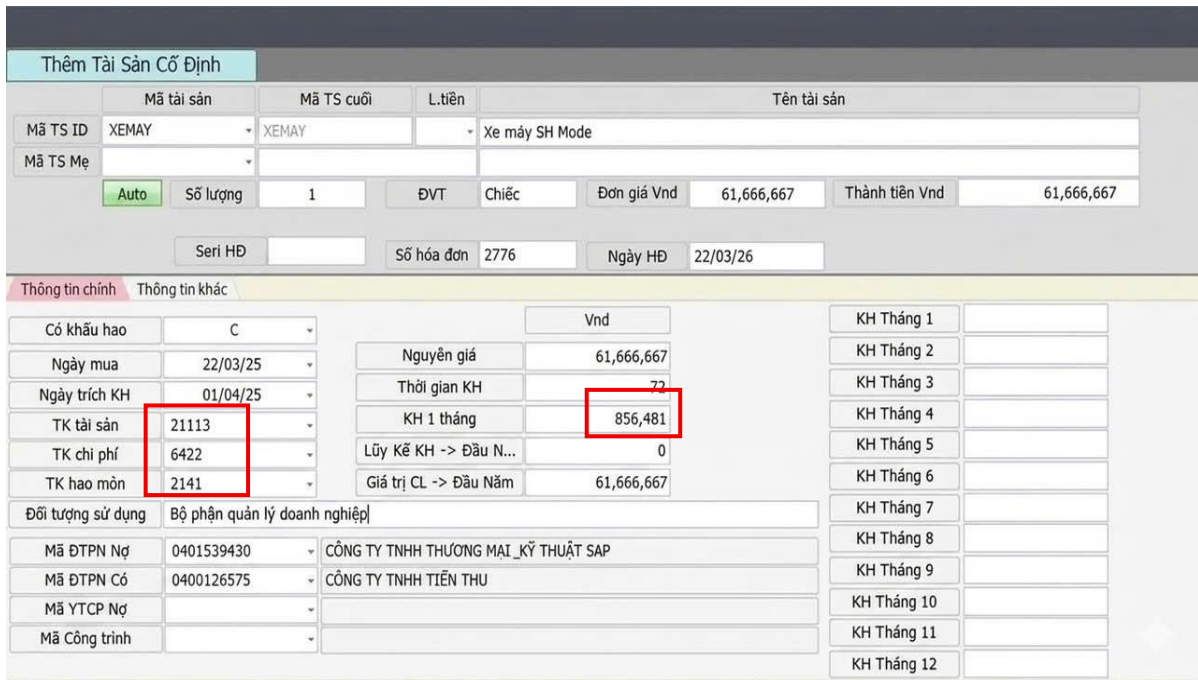
Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Hình 2.25: Phiếu chi tiền dịch vụ ăn uống theo HD số 57066

Chi phí khấu hao tài sản cố định

- **Nghiệp vụ phát sinh số 2:** Ngày 22/03/2025 Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP mua 1 chiếc xe máy SH Mode nhằm mục đích phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp, được kế toán đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ tài sản cố định này là 72 tháng.

- Để hạch toán tăng tài sản cố định trong kỳ, kế toán vào phần hành “**Nhập phát sinh**”, rồi khai báo tăng tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.



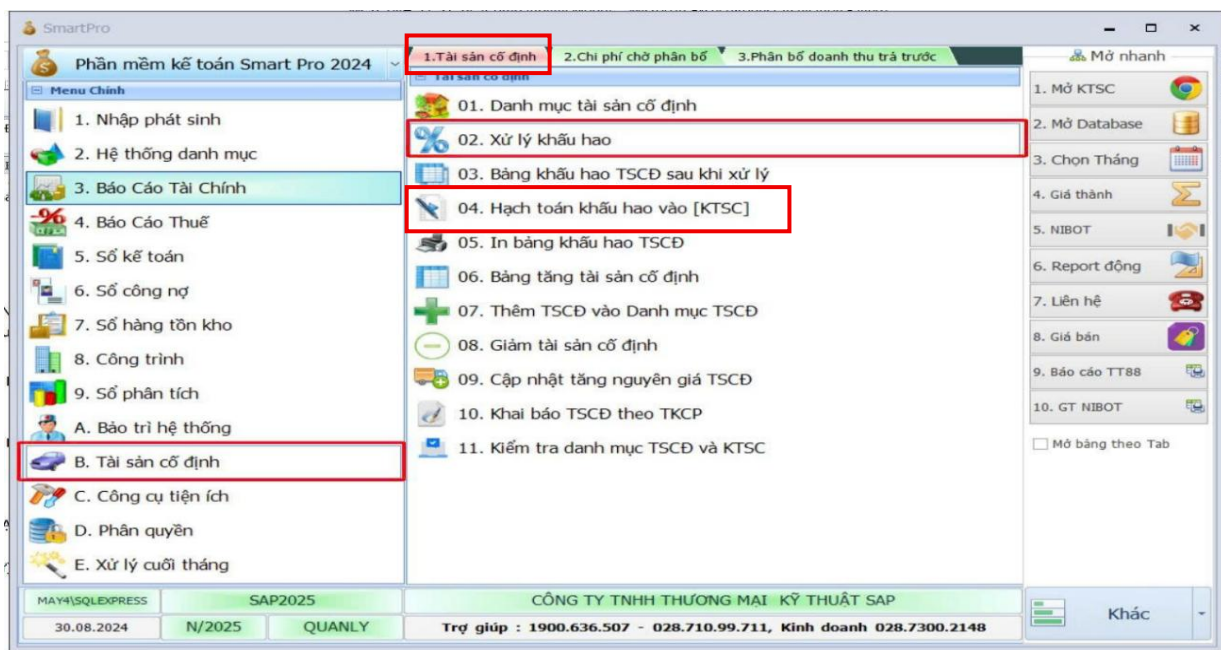
Thêm Tài Sản Cố Định								
Mã tài sản	Mã TS cuối	L.tiền	Tên tài sản					
Mã TS ID	XEMAY	XEMAY	Xe máy SH Mode					
Mã TS Mẹ								
Auto	Số lượng	1	ĐVT	Chiếc	Đơn giá Vnd	61,666,667	Thành tiền Vnd	61,666,667
Seri HD		Số hóa đơn	2776	Ngày HD	22/03/26			
Thông tin chính								
Có khấu hao	C	Vnd						
Ngày mua	22/03/25	Nguyên giá	61,666,667					
Ngày trích KH	01/04/25	Thời gian KH	72					
TK tài sản	21113	KH 1 tháng	856,481					
TK chi phí	6422	Lũy Kế KH -> Đầu N...	0					
TK hao mòn	2141	Giá trị CL -> Đầu Năm	61,666,667					
Đối tượng sử dụng	Bộ phận quản lý doanh nghiệp							
Mã ĐTPN Nợ	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP						
Mã ĐTPN Có	0400126575	CÔNG TY TNHH TIẾN THU						
Mã YTCP Nợ								
Mã Công trình								
				KH Tháng 1				
				KH Tháng 2				
				KH Tháng 3				
				KH Tháng 4				
				KH Tháng 5				
				KH Tháng 6				
				KH Tháng 7				
				KH Tháng 8				
				KH Tháng 9				
				KH Tháng 10				
				KH Tháng 11				
				KH Tháng 12				

Hình 2.26: Giao diện nhập TSCĐ trên phần mềm

- Cuối mỗi tháng, kế toán vào phân hệ “**Tài sản cố định**” → “**Xử lý khấu hao**” → “**Chọn tháng**” → “**Xử lý**” → Sau khi xử lý xong kế toán thoát ra.

- Sau đó chọn “**Hạch toán khấu hao vào [KTSC]**” → “**Chọn tháng**” → “**Hạch toán**”.

Phần mềm kế toán Smart Pro sẽ tự động hạch toán trích khấu hao TSCĐ vào tài khoản chi phí.



Hình 2.27: Giao diện trích khấu hao trên phần mềm

- Để xem bảng trích khấu hao tài sản cố định, tại mục tài sản cố định chọn **In bảng khấu hao TSCĐ**.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm : 2025

Mã TS	Tên tài sản	TK CP	TK mua	Ngày	Đầu năm			Khấu hao 1 Tháng	Khấu hao trong năm này				Cuối năm		
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Lũy kế khấu hao		T1	...	T12	Tổng khấu hao cả năm	Lũy kế khấu hao	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2026XE	Xe ô tô Ford Focus màu trắng □	6421	2111	17/01/17	793.890.909	4.268.228	789.622.681	8.269.697	4.268.228	...	0	4.268.228	793.890.909	793.890.909	0
2026SO	Bộ bàn ghế sofa □	6422	2111	01/02/21	42.000.000	9.100.000	32.900.000	700.000	700.000	...	700.000	8.400.000	41.300.000	42.000.000	700.000
DTSAM	Samsung Galaxy Z Fold7 F966B (12G+512G B) Xanh Navy	6422	21112	17/10/25	41.287.037	41.287.037	0	1.146.862	0	...	1.146.862	3.440.586	3.440.586	41.287.037	37.846.451
XEMAY	Xe máy SH Mode	6422	21113	22/03/25	61.666.667	61.666.667	0	856.481	0	...	856.481	7.708.329	7.708.329	61.666.667	53.958.338
NHAKH	Nhà kho	154	21111	5	557.730.470	557.730.470	0	23.238.770	0	...	23.238.770	69.716.310	69.716.310	557.730.470	488.014.160
				22/4/25	1.496.575.083	674.052.402	822.522.681	34.211.810	4.968.228	...	25.942.113	93.533.453	916.056.134	1.496.575.083	580.518.949

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ HÀI

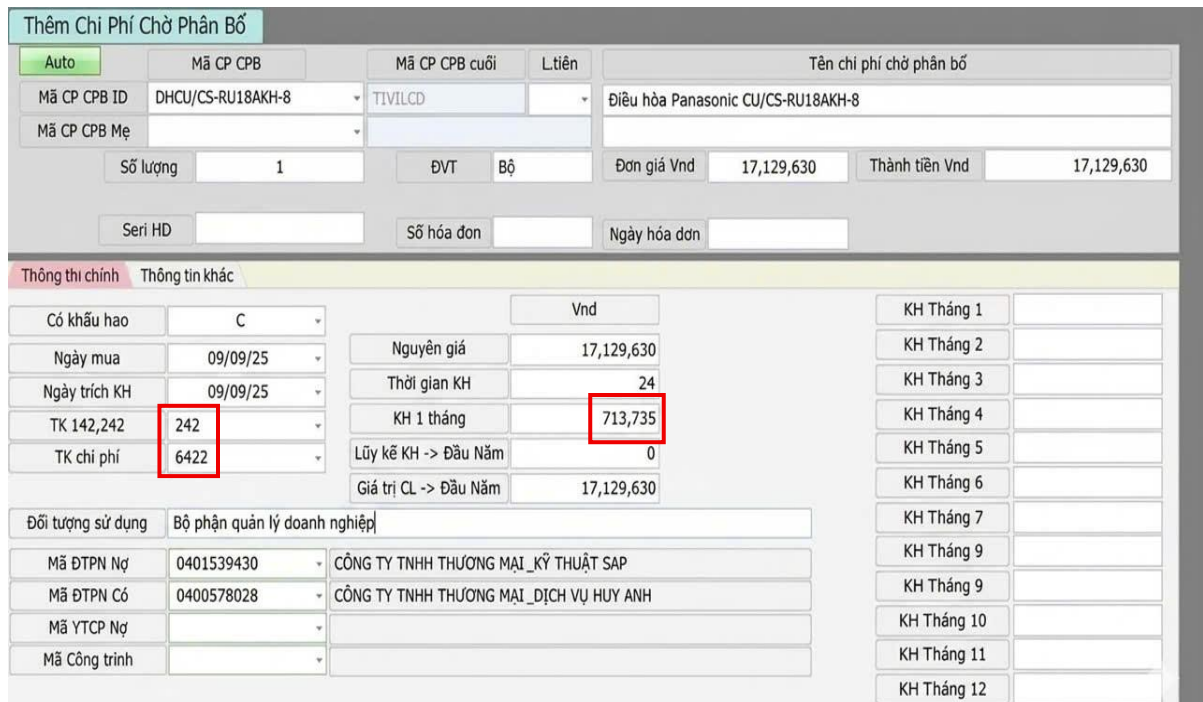
ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.14: Bảng trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2025

Chi phí chờ phân bổ

- **Nghiệp vụ phát sinh số 3:** Ngày 09/09/2025, Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật mua điều hòa Panasonic nhằm mục đích phục vụ tại văn phòng, được kế toán đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ cho công cụ dụng cụ này là 24 tháng. Năm 2025 thì công cụ này sẽ được phân bổ từ tháng 9, ngoài ra còn có 1 số CCDC khác sử dụng cho bộ phận quản lý.

- Để hạch toán mua CCDC, kế toán vào phần hành “**Nhập phát sinh**”, rồi khai báo chi phí chờ phân bổ mà đơn vị mua về dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.



Thông tin chính		Thông tin khác	
Cố khấu hao	C	Vnd	
Ngày mua	09/09/25	Nguyên giá	17,129,630
Ngày trích KH	09/09/25	Thời gian KH	24
TK 142,242	242	KH 1 tháng	713,735
TK chi phí	6422	Lũy kế KH -> Đầu Năm	0
		Giá trị CL -> Đầu Năm	17,129,630
Đối tượng sử dụng	Bộ phận quản lý doanh nghiệp		
Mã ĐTPN Nợ	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	
Mã ĐTPN Có	0400578028	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_DỊCH VỤ HUY ANH	
Mã YTCP Nợ			
Mã Công trình			

Hình 2.28: Giao diện nhập chi phí chờ phân bổ trên phần mềm

- Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện trích chi phí chờ phân bổ. (Các bước trích chi phí chờ phân bổ em có trình bày ở nghiệp vụ phát sinh trang em xin phép không trình bày lại).

- Để xem bảng trích chi phí chờ phân bổ tại mục chi phí chờ phân bổ, chọn **In bảng chi phí chờ phân bổ**.

Bảng trích chi phí chờ phân bổ (Được trình bày ở trang số 60).

 Nghiệp vụ phát sinh số 4: Chi phí lương nhân viên tháng 12/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST:0401539430

Mẫu số: 02-LBTL
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 12 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương HD/tháng	Ngày Công thực tế	Lương Thực tế	Phụ cấp					Tổng lương	TN miễn thuế TNCN	TN chịu thuế TNCN	Các khoản trích đưa vào chi phí				Các khoản trích trừ vào lương				Giảm trừ gia cảnh	Thưởng lễ	Thực lĩnh
						Ấn trả	Điện thoại	Xăng xe	Thâm niên	Chuyên cần				BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng			
I	Bộ phận Văn phòng		93.000.000	440	92.615.385	28.980.000	24.500.000	16.000.000	4.000.000	16.560.000	607.655.385	40.266.544	567.388.841	8.750.000	1.500.000	500.000	10.750.000	4.000.000	750.000	500.000	5.250.000	247.500.000	425.000.000	602.405.385
01	Đoàn Thị Phú	Giám đốc	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	2.000.000	1.000.000	500.000	1.040.000	36.360.000	2.970.385	33.389.615									15.500.000	25.000.000	36.360.000
02	Trần Đoàn Ai Phương	TP.nhân sự	10.000.000	26	10.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	65.860.000	2.710.769	63.149.231	1.750.000	300.000	100.000	2.150.000	800.000	150.000	100.000	1.050.000	15.000.000	50.000.000	64.810.000
03	Nguyễn Thái Trúc Linh	NVKD	8.000.000	26	8.000.000						8.000.000		8.000.000											8.000.000
04	Trần Văn Tâm	NVKD	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615									15.500.000	25.000.000	35.860.000
05	Phạm Thị Như Hải	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	35.335.000
06	Lê Thị Huệ	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	35.335.000
07	Nguyễn Thị Lê Vy	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	35.335.000
08	Phạm Thị Như Hà	Thủ kho	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615									15.500.000	25.000.000	35.860.000
09	Võ Thị Kim Anh	Thủ kho	5.000.000	24	4.615.385	1.680.000	1.500.000	1.000.000		960.000	34.755.385	2.470.385	32.285.000	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	34.230.385
10	Đặng Thị Thủy	Nv nhân sự	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	35.335.000
11	Nguyễn Đình Long	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615									15.500.000	25.000.000	35.360.000
12	Lê Nguyễn Minh nguyệt	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	34.835.000
13	Lê Thị Phương Thảo	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615									15.500.000	25.000.000	35.360.000
14	Nguyễn Thị Hiệp	NVKD	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	34.835.000
15	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615									15.500.000	25.000.000	35.360.000
16	Nguyễn Quốc Nghị	Nv nhân sự	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	34.835.000
17	Phạm Thị Mỹ Hòa	Nv nhân sự	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000		1.040.000	35.360.000	2.470.385	32.889.615									15.500.000	25.000.000	35.360.000
II	Bộ phận Kỹ thuật		15.000.000	78	15.000.000	5.460.000	4.500.000	3.000.000	1.500.000	3.120.000	107.580.000	7.411.155	100.168.845	2.625.000	450.000	150.000	3.225.000	1.200.000	225.000	150.000	1.575.000	65.100.000	75.000.000	106.005.000
01	Nguyễn Đăng Triều	TP.Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	35.335.000
02	Phạm Nguyễn Anh Huy	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	34.100.000	25.000.000	35.335.000
03	Trần Văn Minh	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	35.860.000	2.470.385	33.389.615	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	15.500.000	25.000.000	35.335.000
	Tổng cộng		108.000.000	518	107.615.385	34.440.000	29.000.000	19.000.000	5.500.000	19.680.000	715.235.385	47.677.699	667.557.686	11.375.000	1.950.000	650.000	13.975.000	5.200.000	975.000	650.000	6.825.000	312.600.000	500.000.000	708.410.385

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đà Nẵng, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC

Bảng 2.15: Bảng thanh toán lương tháng 12/2025

Kế toán sẽ lập bảng lương tháng 12/2025 sau đó dựa vào bảng lương hạch toán lên phần mềm Smart Pro các nghiệp vụ phát sinh liên quan → vào phần hành **nhập phát sinh** → chọn **phiếu kế toán** nhập đầy đủ thông tin về lương bộ phận văn phòng.

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại chữ: PKT Mã KH: 0401539430 Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/12/25 HD VAT: X STT: 2

Số chữ: 005/12 Ngày chữ: 31/12/25

Diễn giải: Hạch toán tiền lương nhân viên T12/25

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		
YTCP Nợ			
TK Có	Phải trả người lao động		0
ĐTPN Có	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
182,655,385		1331	0	182,655,385

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/12/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T12/25	6422	334	182,655,385		0	182,655,385	0401539430	0401539...	

Tiền hàng: 182,655,385

Tiền thuế: 0

Tổng T. toán: 182,655,385

Record 1 of 1

Activate Windows

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.29: Giao diện hạch toán lương tháng 12/2025

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại cttr: PKT Mã KH: 0401539430 Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/12/25 HD VAT: X SIT: 2

Số chữ: 016/12 Ngày chữ: 31/12/25

Diễn giải: Hạch toán thưởng cuối năm

TK Nợ: 6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày:	Số dư cuối Tháng:
ĐTPN Nợ: 0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		
YTCP Nợ:			
TK Có: 334	Phải trả người lao động		
ĐTPN Có: 0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
425,000,000		1331	0	425,000,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/12/25	Hạch toán thưởng cuối năm	6422	334	425,000,000		0	425,000,000	0401539430	0401539...	

Tiền hàng: 425,000,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 425,000,000

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Ab Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.30: Giao diện hạch toán tiền thưởng cuối năm

Khoản trích BHXH, BHYT, BHTN cho bộ phận văn phòng đưa vào chi phí doanh nghiệp. Bộ phận văn phòng bao gồm 9 người, kế toán căn cứ vào mức lương tính BHXH, BHYT, BHTN để trích các khoản bảo hiểm.

Giao diện hạch toán các khoản trích theo lương (Phụ lục 3.6, 3.7, 3.8)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ :08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Số : 007/12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	6422	0401539430	3383	0401539430	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T12/25	8.750.000
Tổng cộng						8.750.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

Hình 2.31: Phiếu kế toán trích nộp BHXH

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ :08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Số : 009/12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	6422	0401539430	3384	0401539430	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T12/25	1.500.000
Tổng cộng						1.500.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

Hình 2.32: Phiếu kế toán trích nộp BHYT

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ :08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Số : 011/12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	6422	0401539430	3385	0401539430	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T12/25	500.000
Tổng cộng						500.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

Hình 2.33: Phiếu kế toán trích nộp BHTN

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 6422. Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 97 sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 642.

Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
01/01/25	PKT.007/01	01/01/25	Hạch toán thuế môn bài 2025	3339	4.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	PC.038	30/06/25	Chi đồng phục t6/25	1111	7.200.000	0
30/06/25	PKT.016	30/06/25	Hoàn dự phòng	3524	0	1.209.869.034
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	878.650.921	0
...	...	...	...	...	...	...
09/12/25	PC.010/12	09/12/25	Dịch vụ ăn uống	1111	916.000	0
31/12/25	PKT.005/12	31/12/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T12/25	334	182.655.385	0
31/12/25	PKT.007/12	31/12/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T12/25	3383	8.750.000	0
31/12/25	PKT.009/12	31/12/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T12/25	3384	1.500.000	0
31/12/25	PKT.011/12	31/12/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T12/25	3385	500.000	0
31/12/25	PKT.016/12	31/12/25	Hạch toán thưởng cuối năm	334	425.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KHTS.001/12	31/12/25	Khấu hao Bộ bàn ghế sofa Tháng 12	2141	700.000	0
31/12/25	KHTS.002/12	31/12/25	Khấu hao Samsung Galaxy Z Fold7 F966B (12G+512GB) Xanh Navy Tháng 12	2141	1.146.862	0
31/12/25	KHTS.004/12	31/12/25	Khấu hao Xe máy SH Mode Tháng 12	2141	856.481	0
31/12/25	CPCPB.009/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Điều hòa Panasonic CU/CS-RU18AKH-8 Tháng 12	242	713.735	0
31/12/25	CPCPB.015/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy lọc nước A.O.Smith E2 Tháng 12	242	339.506	0
31/12/25	CPCPB.016/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy tính Tháng 12	242	829.090	0
31/12/25	CPCPB.030/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng 2025 Tháng 12	242	25.000.000	0
31/12/25	PC.038	31/12/25	Chi đồng phục	1111	6.800.000	0
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	0	1.267.351.761
			Cộng phát sinh		5.991.833.216	5.991.833.216
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.16: Sổ chi tiết TK 6422

SỔ CÁI TK 642

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số S03b-DNN

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :642-Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
01/01/25	PKT.007/01	01/01/25	Hạch toán thuế môn bài 2025	3339	4.000.000	0
30/06/25	PC.038	30/06/25	Chi đồng phục t6/25	1111	7.200.000	0
30/06/25	PKT.016	30/06/25	Hoàn dự phòng	3524	0	1.209.869.034
30/06/25	KC.05	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	2.950.907
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	878.650.921	0
11/11/25	PC.007/11	11/11/25	Cước vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng	1111	640.000	0
14/11/25	PKT.007/11	14/11/25	Bảo dưỡng xe	331	6.032.620	0
15/11/25	PC.012/11	15/11/25	Xăng RON95 mức 3	1111	740.741	0
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	13.280.131
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	0	364.927.933
09/12/25	PC.010/12	09/12/25	Dịch vụ ăn uống	1111	916.000	0
31/12/25	PKT.005/12	31/12/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T12/25	334	182.655.385	0
31/12/25	PKT.007/12	31/12/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T12/25	3383	8.750.000	0
31/12/25	PKT.009/12	31/12/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T12/25	3384	1.500.000	0
31/12/25	PKT.011/12	31/12/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T12/25	3385	500.000	0
31/12/25	PKT.016/12	31/12/25	Hạch toán thưởng cuối năm	334	425.000.000	0
31/12/25	CHTS.001/12	31/12/25	Khấu hao Bộ bàn ghế sofa Tháng 12	2141	700.000	0
31/12/25	CHTS.002/12	31/12/25	Khấu hao Samsung Galaxy Z Fold7 F966B (12G+512GB) Xanh Navy Tháng 12	2141	1.146.862	0
31/12/25	CHTS.004/12	31/12/25	Khấu hao Xe máy SH Mode Tháng 12	2141	856.481	0
31/12/25	PCPB.009/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Điều hòa Panasonic CU/CS-RU18AKH-8 Tháng 12	242	713.735	0
31/12/25	PCPB.015/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy lọc nước A.O.Smith E2 Tháng 12	242	339.506	0
31/12/25	PCPB.016/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy tính Tháng 12	242	829.090	0
31/12/25	PCPB.030/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng 2025 Tháng 12	242	25.000.000	0
31/12/25	PC.038	31/12/25	Chi đồng phục	1111	6.800.000	0
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	20.938.573
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	0	1.267.351.761
			CỘNG PHÁT SINH		6.126.975.378	6.126.975.378
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		6.126.975.378	6.126.975.378

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI

PHẠM THỊ NHƯ' HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.17: Sổ cái TK 642

2.2.3.4 Kế toán chi phí khác tại Công ty

➤ *Nội dung chi phí khác:*

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể phát sinh một số khoản chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, nhưng vẫn

ảnh hưởng đến kết quả tài chính. Một trong những khoản chi phí đó là tiền phạt vi phạm hành chính do nộp chậm thuế GTGT theo quy định của cơ quan thuế và khoản chi không có hóa đơn chứng từ.

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi, Giấy báo nợ...
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết tài khoản 811.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 811.

➤ *Trình tự ghi sổ:*

- **Nghiệp vụ phát sinh số 1:** Ngày 06/11/2025 Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật đã nộp số tiền 323.231 VND cho cơ quan thuế do bị xử phạt hành chính về việc nộp chậm thuế GTGT. Công ty đã chuyển tiền nộp phạt bằng tài khoản ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB). (**Giấy nộp tiền và giấy thông báo tiền thuế nợ được trình bày phụ lục 3.12, 3.13**)

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: 0401539430, Seri HD, Số HD, Ngày HD: 06/11/25, HD VAT: X, STT: 1

Loại chữ: CTNH, Số chữ: 019/11, Ngày chữ: 06/11/25

Diễn giải: Phạt chậm nộp

TK Nợ	Chi phí khác	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
811	Chi phí khác		0.00
ĐTPN Nợ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI _KỸ THUẬT SAP		
YTCP Nợ			
TK Có	Tiền gửi ngân hàng VCB 746	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
1121-VCB746	Tiền gửi ngân hàng VCB 746		0.00
ĐTPN Có	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI _KỸ THUẬT SAP		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
323,231		1331	0	323,231

Tỷ giá: 0.00, Tiền USD: 0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			06/11/25	Phạt chậm nộp	811	1121...	323,231		0	323,231	0401539430	0401539...	

Tiền hàng: 323,231, Tiền thuế: 0, Tổng T. toán: 323,231

Record 1 of 1

Thanh toán: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Hình 2.34: Giao diện hạch toán tiền phạt chậm nộp thuế GTGT

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
MST : 0401539430

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG
Ngày 6 Tháng 11 Năm 2025

Số : **019/11**
Nợ : 811
Có : 1121-VCB746

Họ tên người nhận tiền : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chi : Phạt chậm nộp thuế GTGT

Số tiền : **323,231** Ba trăm hai mươi ba ngàn hai trăm ba mươi một đồng

Kèm theo :

Ngày 6 Tháng 11 Năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

ĐOÀN THỊ PHÚ

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Hình 2.35: Chứng từ ngân hàng nộp tiền phạt chậm nộp thuế GTGT

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 811. **Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 96 sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 811.**

Trích sổ chi tiết TK 811

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 811-Chi phí khác

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
	...	...	...	...	...	...
14/08/25	CTNH.015/08	14/08/25	Chi phí loại	1121-V	124.530.000	0
31/08/25	KC.08	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911	0	124.532.428
	...	...	...	...	...	...
06/11/25	CTNH.019/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT	1121-V	323.231	0
06/11/25	CTNH.020/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT	1121-V	105.718	0
06/11/25	CTNH.021/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT	1121-V	117.645	0
06/11/25	CTNH.022/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNDN	1121-V	1.216.340	0
06/11/25	CTNH.023/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNDN	1121-V	580.635	0
06/11/25	CTNH.024/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNDN	1121-V	309.818	0
06/11/25	CTNH.025/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNCN	1121-V	138.375	0
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911	0	2.791.762
			Cộng phát sinh		262.554.067	262.554.067
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.18: Sổ chi tiết TK 811

Trích sổ cái TK 811

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số S03b-DNN

08 Phan Văn Đình, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0401539430

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :811-Chi phí khác

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
...	...	...	...	...	...	...
14/08/25	TNH.015/0	14/08/25	Chi phí loại	21-VCB7	124.530.000	0
31/08/25	KC.08	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911	0	124.532.428
...	...	...	...	...	...	...
06/11/25	TNH.019/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT	21-VCB7	323.231	0
06/11/25	TNH.020/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT	21-VCB7	105.718	0
06/11/25	TNH.021/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT	21-VCB7	117.645	0
06/11/25	TNH.022/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNDN	21-VCB7	1.216.340	0
06/11/25	TNH.023/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNDN	21-VCB7	580.635	0
06/11/25	TNH.024/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNDN	21-VCB7	309.818	0
06/11/25	TNH.025/1	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế TNCN	21-VCB7	138.375	0
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911	0	2.791.762
			CỘNG PHÁT SINH		262.554.067	262.554.067
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		262.554.067	262.554.067

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.19: Sổ cái TK 811

2.2.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ Nội dung thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

➤ Chứng từ và sổ sách sử dụng:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN, Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (03-1A/TNDN), giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

- Sổ chi tiết tài khoản TK 821.

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 821.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ *Trình tự ghi sổ:*

- Căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm bằng cách lập tờ khai theo mẫu 03/TNDN- TT80/2021. Sau đó tiến hành nộp tờ khai trên hệ thống <https://dichvucong.gdt.gov.vn>.

- Toàn bộ chi phí trong tài khoản 811 chính là khoản chi không được trừ khi tính thuế TNDN (bao gồm các khoản: Chi phí do bị phạt chậm nộp thuế GTGT, TNCN, TNDN; Chi mua túi xách dùng cho cá nhân; Chi đi du lịch nước ngoài không có hóa đơn chứng từ; Chi nộp tiền thuế truy thu của năm 2022 và năm 2023).

- Sau khi xác định được số thuế TNDN phải nộp là 627.170.065 VND, kế toán vào phần mềm hạch toán số tiền thuế phải nộp như sau:

The screenshot shows a software interface for entering tax data. At the top, there are tabs for '4. Copy', '3. Khác', '2. Thông tin khách hàng', and '1. Nhập'. The main form has several input fields: 'Loại chữ' (PKT), 'Mã KH' (0401539430), 'Seri HD', 'Số HT' (627,170,065), 'Ngày HT' (31/12/25), 'HT VAT' (X), and 'STT' (2). Below these, there are fields for 'Số chữ', 'Ngày', and 'Thành tiền'. A table with columns 'TK Nợ', 'Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp', 'ĐTPN Nợ', 'CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI _KỸ THUẬT SAP', 'YTCP Nợ', 'TK Có', 'Thuế thu nhập doanh nghiệp', 'ĐTPN Có', and 'CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI _KỸ THUẬT SAP' is visible. At the bottom, there is a summary table with columns 'Tiền VND', 'TS', 'TK Thuế', 'Thuế VND', and 'Tổng tiền'. The values are: Tiền VND: 627,170,065; TS: 1331; Thuế VND: 0; Tổng tiền: 627,170,065. A table with columns 'TT', 'Seri HD', 'Số HT', 'Ngày HT', 'Diễn giải', 'TK Nợ', 'TK Có', 'Thành tiền VND', '% TS', 'Tiền thuế VND', 'Tổng Tiền', 'ĐTPN Nợ', 'ĐTPN Có', and 'Mã C.Trình' is also present. The first row shows: 1, , 627,170,065, 31/12/25, Thuế tdn, 821, 3334, 627,170,065, 0, 627,170,065, 0401539430, 0401539430, and Mã C.Trình. At the bottom right, there are fields for 'Tiền hàng' (627,170,065) and 'Tiền thuế' (0). The bottom status bar shows 'Record 1 of 1' and '627,170,065'.

Hình 2.36: Giao diện nhập liệu chi phí thuế TNDN

Sau khi hạch toán đúng và đủ trên phần mềm Smart Pro, kế toán tiến hành vào phần mềm Smart Pro → tại phần hành “Báo cáo tài chính” → chọn các báo cáo xuất ra.

Dựa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC, tiến hành vào phần mềm HTKK để lập tờ khai. Đăng nhập MST công ty sau đó chọn “Thuế thu nhập doanh nghiệp” → Chọn “Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)” → “Tờ khai lần đầu” → Chọn phụ lục “03-1A/TNDN” → Bấm “Đồng ý”.

Sau đó tiến hành nhập các số liệu vào phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Số liệu sẽ tự động cập nhật lên tờ khai thuế TNDN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

Mẫu số: 03/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

[07] Mã số thuế: 0401539430

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	3.426.681.611
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	262.554.067
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	262.554.067
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	3.689.235.678
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	3.689.235.678
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	3.689.235.678
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

84

4	Thu nhập tính thuế (TNNT) (C4=C1-C2-C3)	C4	3.689.235.678
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	3.689.235.678
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	3.689.235.678
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	627.170.065
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	627.170.065
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	627.170.065
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	627.170.065
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	196.972.364
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		196.972.364
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	196.972.364
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	430.197.701
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	430.197.701
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	430.197.701
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐOÀN THỊ PHÚ

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 627.170.065 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
Ngày ký: 03/04/2026 17:39:36.

Hình 2.37: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025

Đi kèm với tờ khai quyết toán thuế TNDN là phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

PHỤ LỤC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng) <i>(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)</i>				Mẫu số: 03-1A/TNDN (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025				
[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP				
[03] Mã số thuế: 0401539430				
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam				
STT (1)	Chi tiêu (2)	Mã chi tiêu (3)	Số tiền (4)	
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	21.216.400.222	
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	4.785.900	
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0	
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0	
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	4.785.900	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	1.278.862	
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	1.278.862	
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	17.523.657.506	
a	Giá vốn hàng bán	[13]	13.485.202.083	
b	Chi phí bán hàng	[14]	135.142.162	
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	3.903.313.261	
5	Chi phí tài chính	[16]	0	
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0	
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	3.689.235.678	
7	Thu nhập khác	[19]	0	
8	Chi phí khác	[20]	262.554.067	
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(262.554.067)	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	3.426.681.611	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

ĐOÀN THỊ PHÚ

Ghi chú: Số liệu chi tiêu [22] được tổng hợp vào chi tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP**
Ngày ký: 03/04/2026 17:39:36.

Hình 2.38: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin được yêu cầu tại 02 biểu mẫu: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tờ khai quyết toán thuế TNDN, nhấn vào ô “Ghi” và đợi màn hình hiển thị thông báo “Đã ghi dữ liệu thành công!” → Tiến hành kết xuất dữ liệu file XML về máy và nộp tờ khai.

Để nộp tờ khai, kế toán truy cập vào trang Dịch vụ công thuế nhà nước tại: dichvucong.gdt.gov.vn.

Hướng dẫn các bước nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN (Phụ lục 3.9)

Hướng dẫn tra cứu tờ khai quyết toán thuế TNDN (Phụ lục 3.11)

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết TK 821. Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày trang 97 sau khi lên sổ nhật ký chung số liệu được trích theo tài khoản sổ cái 821.

Sổ chi tiết TK 821

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế tndn	3334	627.170.065	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911	0	627.170.065
			Cộng phát sinh		627.170.065	627.170.065
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.20: Sổ chi tiết TK 821

Sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S03b-DNN

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế tndn	3334	627.170.065	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911	0	627.170.065
			CỘNG PHÁT SINH		627.170.065	627.170.065
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		627.170.065	627.170.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.21: Sổ cái TK 821

2.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

➤ Nội dung xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả đạt được cuối cùng từ việc hoạt động kinh doanh và cũng từ các hoạt động khác của công ty sau một thời gian nhất định, và nó được biểu hiện thông qua số tiền lãi hoặc lỗ.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kết chuyển.

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

- Các tài khoản liên quan: 511, 515, 421, 632, 642, 811, 821.

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 911.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 911.

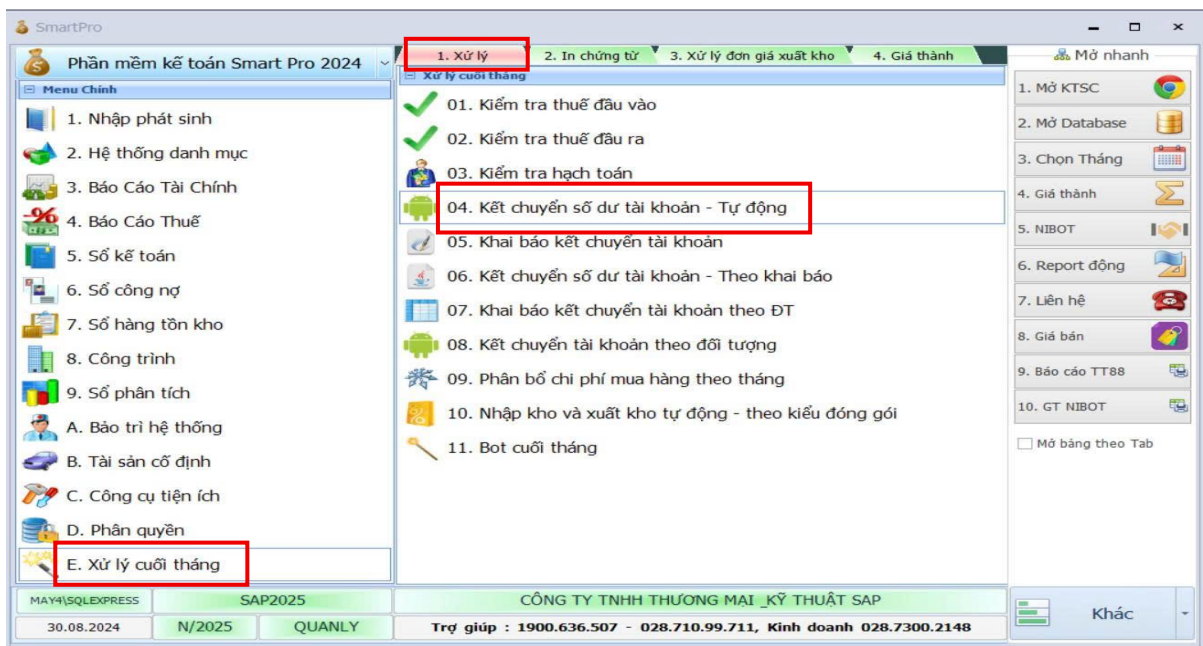
➤ Trình tự ghi sổ:

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản 5111, 5113, 515, 632, 6421, 6422, 811, 821 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối kỳ bằng bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm kế toán Smart Pro. Sau đó, dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 911.

- Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu chi phí trên phần mềm như sau:

+ Trên giao diện phần mềm kế toán Smart Pro, kế toán chọn “**Xử lý cuối tháng**” → Tại mục “**Xử lý**” → Chọn “**Kết chuyển số dư tài khoản – Tự động**”.



Hình 2.39: Giao diện kết chuyển số dư các tài khoản cuối kỳ

Sau đó phần mềm hiện lên giao diện sau, kế toán tích chọn nhiều tháng, bấm N, tại phần tùy chọn thì kế toán tích vào **“Có kết chuyển thuế GTGT”** và **“Có kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632”**, sau đó bấm **“OK”**.

- Sau khi bấm hoàn thành xong kết chuyển cuối kỳ, kế toán xem bút toán kết chuyển cuối kỳ tại **Sổ chứng từ gốc** → Tại **Chứng từ** chọn **KC**. Các bút toán kết chuyển cuối kỳ được hiển thị như sau:

Tháng	N	Năm	Database	SAP2025	Diễn giải	TK Ng	Đ	Y	M	TK Có	M	T	S	Thành tiền VND	% CK	%C...	Chiết
0	KC		01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang...	632				154			0	150,432,146	0	0	
0	KC		02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111				911			0	129,746,200	0	0	
0	KC		03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113				911			0	445,000,000	0	0	
0	KC		04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515				911			0	117,289	0	0	
0	KC		05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911				632			0	213,258,506	0	0	
0	KC		06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911				6421			0	15,344,840	0	0	
0	KC		07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911				6422			0	324,116,815	0	0	
0	KC		08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911				811			0	833	0	0	
0	KC		09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang...	911				4212			0	22,142,495	0	0	
0	KC		01	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang...	632				154			0	132,274,606	0	0	
0	KC		02	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111				911			0	1,616,237,576	0	0	
0	KC		03	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515				911			0	83,522	0	0	
0	KC		04	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911				632			0	1,287,323,012	0	0	
0	KC		05	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911				6421			0	10,483,712	0	0	
0	KC		06	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911				6422			0	279,462,665	0	0	
0	KC		07	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911				811			0	15,990,000	0	0	
0	KC		08	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang...	911				4212			0	23,061,709	0	0	
0	KC		01	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang...	632				154			0	149,432,146	0	0	
0	KC		02	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111				911			0	2,940,557,584	0	0	
0	KC		03	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515				911			0	127,887	0	0	
0	KC		04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911				632			0	2,146,440,766	0	0	
0	KC		05	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911				6421			0	16,363,553	0	0	
0	KC		06	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911				6422			0	51,652,783,795	0	0	

Hình 2.40: Giao diện xem phiếu kết chuyển trên phần mềm

Sau khi bút toán kết chuyển tự động được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện vào sổ chi tiết TK 911, sổ nhật ký chung (**Được trình bày trang 98**) sau đó sang sổ cái TK 911.

SỔ chi tiết TK 911

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 911-Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		0	0
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	129.746.200
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	445.000.000
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	117.289
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	213.258.506	0
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	14.142.504	0
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	325.319.151	0
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	833	0
31/01/25	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	22.142.495	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	626.492.860
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	221.000.000
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	93.446
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	508.985.216	0
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	20.938.573	0
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1.267.351.761	0
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	1	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	821	627.170.065	0
31/12/25	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	1.576.859.310
			Cộng phát sinh		24.442.023.542	24.442.023.542
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

PHAM THI NHƯ HẢI

Kế toán trưởng

PHAM THI NHƯ HẢI

Giám đốc

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 2.22: Sổ chi tiết TK 911

Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số S03b-DNN

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0401539430

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :911-Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	22.142.495	0
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	KC.08	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	23.061.709	0
...	...	...	...	...	...	...
31/03/25	KC.07	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	430.520.873	0
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	KC.09	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	127.036.886
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.09	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	561.623.637	0
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.07	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	805.345.828	0
...	...	...	...	...	...	...
31/07/25	KC.09	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	181.939.622	0
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	KC.09	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	232.087.154
...	...	...	...	...	...	...
30/09/25	KC.07	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	414.496.087
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	86.647.120	0
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	3.038.709.699	0
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	626.492.860
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	221.000.000
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	93.446
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	508.985.216	0
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	20.938.573	0
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1.267.351.761	0
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	1	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	821	627.170.065	0
31/12/25	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	1.576.859.310
			CỘNG PHÁT SINH		24.442.023.542	24.442.023.542
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		24.442.023.542	24.442.023.542

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.23: Sổ cái TK 911

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
[03] Mã số thuế: 0401539430

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.216.400.222	24.883.758.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.785.900	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		21.211.614.322	24.883.758.401
4. Giá vốn hàng bán	11		13.485.202.083	17.751.256.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.726.412.239	7.132.502.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.278.862	1.488.790
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		4.038.455.423	4.510.671.149
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		3.689.235.678	2.623.319.747
10. Thu nhập khác	31		0	9
11. Chi phí khác	32		262.554.067	52.245.835
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(262.554.067)	(52.245.826)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.426.681.611	2.571.073.921
14. Chi phí thuế TNDN	51		627.170.065	524.663.951
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		2.799.511.546	2.046.409.970

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)
PHẠM THỊ NHƯ HẢI

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
ĐOÀN THỊ PHÚ

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
Ngày ký: 24/03/2026 13:49:56.

Hình 2.41: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mẫu số: S03A-DNN

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0401539430

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01/2025	PKT.006/01	01/01/25	Chuyển lãi đầu năm 2025		2.046.409.970	2.046.409.970
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	2.046.409.970	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211		2.046.409.970
01/01/2025	PKT.007/01	01/01/25	Hạch toán thuế môn bài 2025		4.000.000	4.000.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	4.000.000	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339		4.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		22.142.495	22.142.495
			Xác định kết quả kinh doanh	911	22.142.495	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		22.142.495
...	...	...	...	...	...	...
28/02/2025	KC.08	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		23.061.709	23.061.709
			Xác định kết quả kinh doanh	911	23.061.709	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		23.061.709
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	KC.07	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		430.520.873	430.520.873
			Xác định kết quả kinh doanh	911	430.520.873	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		430.520.873
...	...	...	...	...	...	...
30/04/2025	KC.09	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		127.036.886	127.036.886
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	127.036.886	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		127.036.886
...	...	...	...	...	...	...
22/05/2025	HD.001/05	22/05/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống Báo cháy và âm thanh di tản - Dợt 3 - HD INTERCONTINENTALPQ-SAP/2024		129.600.000	129.600.000
			Phải thu của khách hàng	131	129.600.000	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		120.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		9.600.000
31/05/2025	CPCPB.014/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho 2025 Tháng 5		20.000.000	20.000.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	20.000.000	
			Chi phí trả trước	242		20.000.000
31/05/2025	KHTS.002/5	31/05/25	Khấu hao Xe máy SH Mode Tháng 5		856.481	856.481
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	856.481	
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141		856.481
31/05/2025	PC.038	31/05/25	Chi đồng phục T5/25		10.800.000	10.800.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	6.400.000	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	4.400.000	
			Tiền Việt Nam	1111		10.800.000

31/05/2025	PC.055/05	31/05/25	Cước chuyển phát		1.660.826	1.660.826
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.537.802	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	123.024	
			Tiền Việt Nam	1111		1.660.826
31/05/2025	PKT.003/05	31/05/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T5/25		3.500.000	3.500.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	3.500.000	
			Bảo hiểm xã hội	3383		3.500.000
31/05/2025	PKT.005/05	31/05/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T5/25		600.000	600.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	600.000	
			Bảo hiểm y tế	3384		600.000
31/05/2025	PKT.007/05	31/05/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T5/25		200.000	200.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	200.000	
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		200.000
31/05/2025	PKT.015/05	31/05/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T5/25		117.740.000	117.740.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	117.740.000	
			Phải trả người lao động	334		117.740.000
31/05/2025	KC.01	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632		186.649.079	186.649.079
			Giá vốn hàng bán	632	186.649.079	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154		186.649.079
31/05/2025	KC.09	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		561.623.637	561.623.637
			Xác định kết quả kinh doanh	911	561.623.637	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		561.623.637
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	KC.07	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		805.345.828	805.345.828
			Xác định kết quả kinh doanh	911	805.345.828	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		805.345.828
...	...	...	...	...	...	...
31/07/2025	KC.09	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		181.939.622	181.939.622
			Xác định kết quả kinh doanh	911	181.939.622	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		181.939.622
31/08/2025	KC.09	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		232.087.154	232.087.154
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	232.087.154	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		232.087.154
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	KC.07	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		414.496.087	414.496.087
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	414.496.087	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		414.496.087
...	...	...	...	...	...	...
22/10/2025	CTNH.033/10	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN năm 2025		200.000.000	200.000.000
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	200.000.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1-VCB		200.000.000
31/10/2025	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		86.647.120	86.647.120
			Xác định kết quả kinh doanh	911	86.647.120	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		86.647.120

06/11/2025	CTNH.019/11	06/11/25	Phạt chậm nộp thuế GTGT		323.231	323.231
			Chi phí khác	811	323.231	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1-VCB		323.231
11/11/2025	PC.007/11	11/11/25	Cước vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng		691.200	691.200
			Chi phí bán hàng	6421	640.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	51.200	
			Tiền Việt Nam	1111		691.200
14/11/2025	PKT.007/11	14/11/25	Bảo dưỡng xe		6.515.230	6.515.230
			Chi phí bán hàng	6421	6.032.620	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	482.610	
			Phải trả cho người bán	331		6.515.230
25/11/2025	CTNH.047/11	25/11/25	Lãi nhập vốn		102.660	102.660
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1-VCB	102.660	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		102.660
...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	HDBR.005/12	08/12/25	Doanh thu bán hàng		9.616.320	9.616.320
			Phải thu của khách hàng	131	9.616.320	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		8.904.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		712.320
08/12/2025	PXK.005/12	08/12/25	Xuất kho theo HD số : 182,08/12/25		5.211.930	5.211.930
			Giá vốn hàng bán	632	5.211.930	
			Giá mua hàng hóa	1561		5.211.930
23/12/2025	HTL.001	23/12/25	Hàng trả lại		5.168.772	5.168.772
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	4.785.900	
			Thuế GTGT đầu ra	33311	382.872	
			Phải trả cho người bán	331		5.168.772
23/12/2025	PNKL.001	23/12/25	Nhập kho hàng trả lại theo HD số : 35,23/12/25		3.310.213	3.310.213
			Giá mua hàng hóa	1561	3.310.213	
			Giá vốn hàng bán	632		3.310.213
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	CPCPB.009/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Điều hòa Panasonic CU/CS-RU18AKH-8 Tháng 12		713.735	713.735
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	713.735	
			Chi phí trả trước	242		713.735
31/12/2025	CPCPB.015/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy lọc nước A.O.Smith E2 Tháng 12		339.506	339.506
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	339.506	
			Chi phí trả trước	242		339.506
31/12/2025	CPCPB.016/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy tính Tháng 12		829.090	829.090
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	829.090	
			Chi phí trả trước	242		829.090
31/12/2025	CPCPB.029/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho 2025 Tháng 12		20.000.000	20.000.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	20.000.000	
			Chi phí trả trước	242		20.000.000

31/12/2025	CPCPB.030/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng 2025 Tháng 12		25.000.000	25.000.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	25.000.000	
			Chi phí trả trước	242		25.000.000
31/12/2025	KHTS.001/12	31/12/25	Khấu hao Bộ bàn ghế sofa Tháng 12		700.000	700.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	700.000	
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141		700.000
31/12/2025	KHTS.002/12	31/12/25	Khấu hao Samsung Galaxy Z Fold7 F966B (12G+512GB) Xanh Navy Tháng 12		1.146.862	1.146.862
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.146.862	
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141		1.146.862
31/12/2025	KHTS.004/12	31/12/25	Khấu hao Xe máy SH Mode Tháng 12		856.481	856.481
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	856.481	
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141		856.481
31/12/2025	PKT.005/12	31/12/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T12/25		182.655.385	182.655.385
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	182.655.385	
			Phải trả người lao động	334		182.655.385
31/12/2025	PKT.007/12	31/12/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T12/25		8.750.000	8.750.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	8.750.000	
			Bảo hiểm xã hội	3383		8.750.000
31/12/2025	PKT.009/12	31/12/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T12/25		1.500.000	1.500.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.500.000	
			Bảo hiểm y tế	3384		1.500.000
31/12/2025	PKT.011/12	31/12/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T12/25		500.000	500.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	500.000	
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		500.000
31/12/2025	PKT.016/12	31/12/25	Hạch toán thưởng cuối năm		425.000.000	425.000.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	425.000.000	
			Phải trả người lao động	334		425.000.000
31/12/2025	PKT.017/12	31/12/25	Hạch toán thưởng cuối năm		75.000.000	75.000.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	75.000.000	
			Phải trả người lao động	334		75.000.000
31/12/2025	PKT.020/12	31/12/25	Thuế tndn		627.170.065	627.170.065
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	627.170.065	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		627.170.065
31/12/2025	PKT.021/12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133		410.870.319	410.870.319
			Thuế GTGT đầu ra	33311	410.870.319	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331		410.870.319
31/12/2025	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632		159.333.770	159.333.770
			Giá vốn hàng bán	632	159.333.770	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154		159.333.770

31/12/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		626.492.860	626.492.860
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	626.492.860	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		626.492.860
31/12/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113		221.000.000	221.000.000
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	221.000.000	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		221.000.000
31/12/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		93.446	93.446
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	93.446	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		93.446
31/12/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		508.985.216	508.985.216
			Xác định kết quả kinh doanh	911	508.985.216	
			Giá vốn hàng bán	632		508.985.216
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		20.938.573	20.938.573
			Xác định kết quả kinh doanh	911	20.938.573	
			Chi phí bán hàng	6421		20.938.573
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1.267.351.761	1.267.351.761
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.267.351.761	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1.267.351.761
31/12/2025	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821		627.170.065	627.170.065
			Xác định kết quả kinh doanh	911	627.170.065	
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821		627.170.065
31/12/2025	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		1.576.859.310	1.576.859.310
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	1.576.859.310	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.576.859.310
			Tổng cộng		166.053.182.986	166.053.182.986

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

PHẠM THỊ NHƯ HẢI

ĐOÀN THỊ PHÚ

Bảng 2.24: Sổ nhật ký chung năm 2025

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công Ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

Sau quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại công ty, em đã có cơ hội để áp dụng kiến thức được các thầy cô giáo truyền đạt ở trường. Sau đây là những nhận xét và đánh giá của em đưa ra nhằm hoàn thiện tốt hơn về công tác kế toán của công ty Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

3.1.1 Ưu điểm

Về bộ máy quản lý:

Ban lãnh đạo công ty có trình độ chuyên môn cao nên công tác quản lý và điều hành công ty tương đối tốt.

Bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn nhẹ, được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân phối chặt chẽ, được chỉ đạo từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý công ty.

Về hạch toán ban đầu:

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu của Bộ Tài Chính quy định. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán ghi chép một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời vào sổ sách kế toán. Các chứng từ đều có xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ sách kế toán sau này.

Về hình thức kế toán:

Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức “ Nhật ký chung”, đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi và dễ áp dụng. Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và sổ chi tiết để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro theo thông tư 133, phần mềm này dễ sử dụng, không quá phức tạp phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ như Công

ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP. Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, hỗ trợ kết xuất báo cáo ra Excel dễ dàng.

Về quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình kế toán được tiến hành chặt chẽ ăn khớp với nhau từ khâu lập chứng từ ban đầu đến khâu tổng hợp chi phí, doanh thu để xác định kết quả kinh doanh lúc cuối kỳ và lập báo cáo.

Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu chính xác, kịp thời, đầy đủ và là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Về tổ chức kế toán chi phí: công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty góp phần cung cấp thông tin kịp thời và chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh các ưu điểm đã nêu trên, công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như sau:

Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821)

Khi tạm nộp thuế TNDN số tiền tạm nộp trong năm được hạch toán vào Nợ TK 821, Có TK 3334 và nộp tiền Nợ TK 3334, Có TK 1121 mà kế toán không hạch toán như vậy, kế toán chỉ hạch toán nộp tiền là Nợ TK 3334, Có TK 1121.

Về chi phí

Đối với khoản chi phí thuê kho phát sinh trong năm 2025, kho được sử dụng nhằm mục đích lưu trữ hàng hóa trước khi thực hiện phân phối cho khách hàng. Đây là khoản chi phí phục vụ trực tiếp cho hoạt động bán hàng của doanh nghiệp, không liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất hay cung cấp dịch vụ. Do đó, việc kế toán hạch toán khoản chi phí này vào TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chưa thực sự phù hợp.

Đối với lương của nhân viên kinh doanh kế toán đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Việc hạch toán lương nhân viên kinh doanh vào TK 6422 không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo kết quả kinh doanh tuy nhiên nó phản ánh sai về chi phí nhân viên của bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Về tài khoản chi tiết

Công ty không mở nhiều tài khoản chi tiết điều này giúp cho việc tìm kiếm và kiểm tra lại hạch toán chi tiết của từng nghiệp vụ trên sổ sẽ bị gián đoạn, mất thời gian, và việc hạch toán chi phí của hoạt động tiêu thụ hàng hoá và hoạt động cung cấp dịch vụ vào chung 1 tài khoản dẫn đến việc cuối tháng khó đánh giá được mảng nào đang hoạt động hiệu quả hơn.

Về xác định kết quả kinh doanh

Công ty nên phân tách rõ ràng kết quả kinh doanh theo từng mảng hoạt động đó là hoạt động bán hàng hoá và hoạt động cung cấp dịch vụ. Việc xác định này giúp cho doanh nghiệp đánh giá chính xác hiệu quả của từng lĩnh vực đó, để từ đó giúp cho công ty chú trọng hơn về lĩnh vực đó và phát triển hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

3.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

Qua những ưu nhược điểm trên, dưới đây là một số đề xuất nhằm giúp hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

a) Hoàn thiện thuế TNDN

- Khi tạm nộp thuế TNDN năm 2025 định khoản thêm bút toán như sau:

Nợ TK 821: 196.972.364

Có TK 3334: 196.972.364

Đối với khoản tiền ghi trên sổ tạm nộp thuế TNDN năm 2025 kế toán hạch toán 200.000.000 VND, theo em nên tách riêng ra với khoản tiền nộp bổ sung thuế TNDN của năm 2022 và 2023 để tránh bị nhầm lẫn.

+ Tạm nộp thuế TNDN năm 2025:

Nợ TK 3334: 196.972.364

Có TK 1121: 196.972.364

- Cuối kỳ hạch toán số thuế TNDN còn phải nộp thêm:

Nợ TK 821: 430.197.701

Có TK 3334: 430.197.701

Sổ chi tiết TK 821 – Chi phí thuế TNDN trình bày như sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
22/10/25	PKT.008/10	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN năm 2025	3334	196.972.364	
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế TNDN còn phải nộp	3334	430.197.701	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911	0	627.170.065
			Cộng phát sinh		627.170.065	627.170.065
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Bảng 3.1: Sổ chi tiết TK 821

b) Hoàn thiện chi phí

- Qua quá trình nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp, nhận thấy khoản chi phí thuê kho phát sinh trong năm 2025 được sử dụng nhằm mục đích lưu trữ hàng hóa trước khi phân phối cho khách hàng. Do đó, khoản chi phí này có bản chất là chi phí phục vụ hoạt động bán hàng và nên được hạch toán vào **chi phí bán hàng TK 6421**. Để điều chỉnh lại việc hạch toán, trước hết kế toán thực hiện bút toán giảm khoản chi phí thuê kho đã phân bổ vào TK 154 12 tháng là 240.000.000. Sau đó phân bổ vào chi phí TK 6421.

Như vậy TK giá vốn hàng bán và TK chi phí bán hàng sẽ thay đổi như sau:

- **Sổ chi tiết TK 632** Giá vốn hàng bán sẽ giảm xuống 240.000.000 (Phụ lục 3.19)

- **Sổ chi tiết TK 6421** Chi phí bán hàng sẽ tăng lên 240.000.000 (Phụ lục 3.20)

- **Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** thay đổi ở mục [13] Giá vốn hàng bán và [14] Chi phí bán hàng.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH
 Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương
 mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc
 phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số
 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ
 THUẬT SÁP

[03] Mã số thuế: 0401539430

Mẫu số: 03-
 1A/TNDN
 (Ban hành kèm
 theo Thông tư
 số 80/2021/TT-
 BTC ngày 29
 tháng 9 năm
 2021 của Bộ
 trưởng Bộ Tài
 chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	21.216.400.222
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	4.785.900
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	4.785.900
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	1.278.862
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	1.278.862
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	17.523.657.506
a	Giá vốn hàng bán	[13]	13.245.202.083
b	Chi phí bán hàng	[14]	375.142.162
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	3.903.313.261
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	3.689.235.678
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	262.554.067
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(262.554.067)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	3.426.681.611

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 24 tháng 05 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ

Họ và tên:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ

Hình 3.1: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT SÁP
[03] Mã số thuế: 0401539430

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016 của
Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.216.400.222	24.883.758.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.785.900	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		21.211.614.322	24.883.758.401
4. Giá vốn hàng bán	11		13.245.202.083	17.751.256.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.966.412.239	7.132.502.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.278.862	1.488.790
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		4.278.455.423	4.510.671.149
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		3.689.235.678	2.623.319.747
10. Thu nhập khác	31		0	9
11. Chi phí khác	32		262.554.067	52.245.835
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(262.554.067)	(52.245.826)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.426.681.611	2.571.073.921
14. Chi phí thuế TNDN	51		627.170.065	524.663.951
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		2.799.511.546	2.046.409.970

Lập ngày 31 tháng 05 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
ĐOÀN THỊ PHÚ

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Hình 3.2: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

=> Việc chỉnh sửa chi phí thuê kho qua TK 6421 làm cho Giá vốn hàng bán ở mã số 11 của Công ty giảm xuống 240.000.000 đồng. Điều đó dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ở mã số 20 tăng lên 240.000.000 đồng. Đồng thời chi phí quản lý kinh doanh cũng tăng lên 240.000.000 làm cho Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế mã số 50, Chi phí thuế TNDN mã số 51, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp mã số 60 vẫn không thay đổi giá trị.

- Về chi phí lương: Kế toán nên tổng hợp bảng lương của từng bộ phận rồi tách riêng ra, hạch toán lương và các khoản trích theo lương nhân viên kinh doanh vào TK 6421.

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 5 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương HD/ tháng	Ngày Công thực tế	Lương Thực tế	Phụ cấp					Tổng lương	TN miễn thuế TNCN	TN chịu thuế TNCN	Các khoản trích dự vào chi phí				Các khoản trích từ vào lương				Giảm trừ gia cảnh	TNTT	Khấu trừ thuế TNCN	Thực lĩnh
						Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe	Thăm nuôi	Chuyến càn				BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng				
I	Bộ phận kinh doanh		18.000.000	78	18.000.000	3.640.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000	2.000.000	29.720.000	5.229.232	24.490.768	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	22.000.000	0	800.000	28.395.000
01	Nguyễn Thái Trúc Linh	NVKD	8.000.000	26	8.000.000						8.000.000		8.000.000											800.000	7.200.000
02	Trần Văn Tâm	NVKD	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384									11.000.000			10.860.000
03	Nguyễn Văn Hiệp	NVKD	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
II	Bộ phận Văn phòng		70.000.000	338	70.000.000	23.660.000	20.000.000	13.000.000	4.500.000	13.520.000	144.680.000	34.105.392	110.574.608	5.250.000	900.000	300.000	6.450.000	2.400.000	450.000	300.000	3.150.000	143.000.000	1.580.000	79.000	141.451.000
01	Đoàn Thị Phú	Giám đốc	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	2.000.000	1.000.000	500.000	1.040.000	11.360.000	3.114.616	8.245.384									11.000.000			11.360.000
02	Trần Đoàn Ai Phương	TP nhân sự	10.000.000	26	10.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	15.860.000	2.220.000	13.630.000	1.750.000	300.000	100.000	2.150.000	800.000	150.000	100.000	1.050.000	11.000.000	1.580.000	79.000	14.731.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
III	Bộ phận Kỹ thuật		65.000.000	226	65.000.000	16.380.000	13.500.000	9.000.000	4.500.000	9.360.000	117.740.000	23.531.544	94.208.456	3.500.000	600.000	200.000	4.300.000	1.600.000	300.000	200.000	2.100.000	99.000.000	0	2.000.000	113.640.000
01	Nguyễn Đình Triều	TP Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
02	Phan Nguyễn Anh Huy	Kỹ thuật	5.000.000	26	5.000.000	1.820.000	1.500.000	1.000.000	500.000	1.040.000	10.860.000	2.614.616	8.245.384	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000			10.335.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng		135.000.000	624	135.000.000	40.040.000	33.500.000	22.000.000	9.000.000	22.880.000	262.420.000	57.636.936	204.783.064	8.750.000	1.500.000	500.000	10.750.000	4.000.000	750.000	500.000	5.250.000	242.000.000	1.580.000	2.079.000	255.091.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đã nâng ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC

Bảng 3.2: Bảng thanh toán tiền lương tháng 05/2025

c) Về mở thêm tài khoản chi tiết

Công ty nên mở thêm nhiều tài khoản chi tiết sẽ giúp khi tìm kiếm và kiểm tra chi tiết sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn. Cụ thể:

- Đối với tài khoản 154:
 - + Tài khoản 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
 - + Tài khoản 1542: Chi phí nhân công trực tiếp
 - + Tài khoản 1543: Chi phí sản xuất chung
- Đối với tài khoản 632:
 - + Tài khoản 6321: Giá vốn hàng hóa
 - + Tài khoản 6323: Giá vốn dịch vụ
- Đối với tài khoản 911:
 - + Tài khoản 9111: Xác định kết quả kinh doanh bán hàng
 - + Tài khoản 9112: Xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập tại Công Ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP em nhận thấy công tác kế toán tại doanh nghiệp nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu ghi nhận và phản ánh kết quả kinh doanh đúng theo quy định hiện hành, cụ thể: Doanh thu được ghi nhận đầy đủ, đúng thời điểm và phù hợp với nguyên tắc kế toán. Chi phí được tập hợp tương đối đầy đủ, tuy nhiên một số khoản vẫn còn phân loại chưa chính xác làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh theo từng kỳ. Việc xác định kết quả kinh doanh thực hiện theo đúng quy trình. Việc tổ chức kế toán đúng bản chất doanh thu và chi phí là yếu tố then chốt để xác định chính xác kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

Và Công ty sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro theo thông tư 133, phần mềm này rất dễ sử dụng, không quá phức tạp phù hợp với doanh nghiệp như công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP. Phần mềm kế toán Smart Pro theo thông tư 133, giúp cho khối lượng công việc của kế toán được giảm nhẹ và xử lý số liệu được chính xác, dễ theo dõi hơn.

Bài báo cáo tốt nghiệp là kết quả nỗ lực học tập và tìm hiểu thực tế của em. Tuy nhiên do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn, bài làm khó tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô và đơn vị thực tập để hoàn thiện hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
2. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.
3. Các văn bản: Luật kế toán, các Thông tư và Nghị định.
4. Các bài khoá luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

PHỤ LỤC



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TNT
Số: 35

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 23 tháng 12 năm 2025

MCCQT: 00C1F5E113DEF04A1D8FA446705ED42673

Tên người bán: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT

Mã số thuế: 0401849168-001

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 21 Đường số 1, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0901.233.233

Số tài khoản: 110002855450 Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Sài Gòn

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401539430

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê: Ngày bán kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Module giám sát đầu báo thường. Mã hàng : MIU872.	Cái	3	837.400		8%	2.512.200
2	Hàng hóa, dịch vụ		Module điều khiển. Mã hàng : ULMCO M-S.	Cái	3	757.900		8%	2.273.700

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	4.785.900	382.872

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	4.785.900
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	382.872
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	5.168.772
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Năm triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT

Ký ngày: 2025-12-23 10:05:42

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Phụ lục 3.1: Hóa đơn GTGT số 35 ngày 23/12/2025



SAO KÊ TÀI KHOẢN
STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name: CT TNHH MTV TM & KY
Số tài khoản/ Account number: 0041000169746
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán

Ngày thực hiện/ Date: 03/12/2025
Kênh giao dịch/ Trans.Channel: VCB DigiBiz
Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có)/ Number of Joint account holders (if any): 1

Địa chỉ/ Address: 08 PHAN VAN DINH, LIEN CHIEU, DA NANG
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh: 0401539430

CIF: 7401640

Loại tiền/ Currency: VND

Từ/ From: 31/10/2025

Đến/ To: 02/12/2025

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 424,388,259 VND

(Bằng chữ/ Inwords:) Bốn trăm hai mươi tư triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm năm mươi chín đồng

STT No.	Ngày ¹ / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực ² / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
40	20/11/2025 / 5022 - 42961	20/11/2025		92,659,779	618,663,793	VCBSH. C767151125030132.ICP 0209/04071128114903
41	21/11/2025 / 5139 - 62708	21/11/2025	570,661,906		48,001,887	IBBIZ004970208.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
42	21/11/2025 / 9920 - 00006	21/11/2025		69,600,000	117,601,887	THUAT SAP THANH 1002/Bim Kien Giang Single: 00004381125
43	24/11/2025 / 5009 - 03339	24/11/2025		131,986,800	249,588,687	1124.BO:CTY CP SUN YOSBTAJWY GROUP TH
44	25/11/2025 / 5423 - 28107	25/11/2025		11,385,036	260,973,723	ANH TOAN TIEN MUA KHOANKE BAO CHAM
45	25/11/2025 / 9702 - 0000658309	25/11/2025		102,660	261,076,383	INTEREST PAYMENT
46	26/11/2025 / 5426 - 49127	26/11/2025		7,992,000	269,068,383	5550B11AW8MHT4.H B:CTY TSC THANH VCBSH. CHO CTY KV
47	27/11/2025 / 5022 - 13187	27/11/2025		44,436,210	313,504,593	VCBSH. C796261125104554.ICP 0209/04071128114903
48	28/11/2025 / 5211 - 00255	28/11/2025		33,279,336	346,783,929	20251001319485.255.11 4906 THANH TACU.CT
49	29/11/2025 / 5424 - 35843	29/11/2025		71,221,156	418,005,085	5550B11AW8MHT4.H y EC thanh toan thiet bi BGG04
50	01/12/2025 / 5139 - 63213	01/12/2025	7,191,345		410,813,740	IBBIZ0049703213.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
51	01/12/2025 / 5139 - 62561	01/12/2025	4,536,000		406,277,740	IBBIZ0049702301.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
52	01/12/2025 / 5139 - 64422	01/12/2025	3,752,568		402,525,172	IBBIZ0049704422.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
53	01/12/2025 / 5425 - 34346	01/12/2025		51,873,750	454,398,922	5550B11AW8MHT4.H CHO SAP HANG
54	01/12/2025 / 5423 - 33280	01/12/2025		2,060,640	456,459,562	5550B11AW8MHT4.H T CHO SAP HANG
55	01/12/2025 / 5425 - 34507	01/12/2025		6,939,778	463,399,340	5550B11AW8MHT4.H CHO SAP HANG
56	01/12/2025 / 5425 - 05763	01/12/2025		745,000	464,144,340	5550B11AW8MHT4.H VAN CANH TRANSFER 011225

Tổng số/ Total: 39,756,081 VND

Số dư cuối kỳ/ Closing balance: 464,144,340 VND

(Bằng chữ/ Inwords:) Bốn trăm sáu mươi tư triệu một trăm bốn mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi đồng

Ngày¹: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch

Ngày hiệu lực²: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!

VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai
VIETCOMBANK – Together for the future

Phụ lục 3.2: Sao kê ngân hàng tháng 11/2025



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TAB
Số: 14804

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 14 tháng 11 năm 2025

MCCQT: 00E490BA17F2AC4CD6B2DD44548EF93ED6

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN DANA

Mã số thuế: 0400259800

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 02363646555

Số tài khoản: 5610004649 NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401539430

Mã ĐVCQHVNSSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Nhớt máy 5W30	Lít	4,1	213.200		8%	874.120
2	Hàng hóa, dịch vụ		Lọc nhớt	Cái	1	222.000		8%	222.000
3	Hàng hóa, dịch vụ		Dung dịch vệ sinh phanh h	Chai	0,5	150.000		8%	75.000
4	Hàng hóa, dịch vụ		Su chân máy RH	Cái	1	2.259.000		8%	2.259.000
5	Hàng hóa, dịch vụ		Bình ắc quy 60Ah	CÁI	1	1.640.500		8%	1.640.500
6	Hàng hóa, dịch vụ		Bảo dưỡng 65.000km, b áo dưỡng phanh 4 bánh + Cân hơi. Thay su chân máy RH, bình điện	Giờ	2,6	370.000		8%	962.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	6.032.620	482.610

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	6.032.620
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	482.610
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	6.515.230
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn hai trăm ba mươi đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
DANA
Ký ngày: 2025-11-14 14:56:57

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Phụ lục 3.3: Hóa đơn GTGT số 14804 ngày 14/11/2025



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TTT
Số: 3847

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

MCCQT: 00D9F24B9E80ED45E883A074A18A1B1D21

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH THUẬN THÀNH

Mã số thuế: 0400515130

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: Số 223 Bùi Tấn Diên, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 02363.23.23.23

Số tài khoản: 19121 23 23 23 666 Ngân hàng Techcombank chi nhánh Thanh Khê Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401539430

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hoá đặc trưng	Dịch vụ vận chuyển BKS phương tiện vận chuyển: 43C-20086	Cước vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng.	Chuyến	1	640.000		8%	640.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	640.000
8%	640.000	51.200	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	51.200
Tổng tiền phí				
Tổng tiền chiết khấu thương mại				
Tổng tiền thanh toán bằng số				691.200
Tổng tiền thanh toán bằng chữ				Sáu trăm chín mươi một nghìn, hai trăm đồng

Phụ lục 3.4: Hóa đơn GTGT số 3847 ngày 11/11/2025



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MV
Số: 57066

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 09 tháng 12 năm 2025

MCCQT: M1-25-UI7SM-00612415950

Tên người bán: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PIZZA 4PS - NHÀ HÀNG PIZZA 4PS HOÀNG VĂN THU

Mã số thuế: 0313168515-009

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 08-10 Hoàng Văn Thu, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401539430

Mã ĐVCQHVNSSN:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Ghi chú, diễn giải		Dịch vụ ăn uống theo bill số 415950 - 09/12/2025	DV	0	0	0		0
2	Hàng hóa, dịch vụ		Món Pizza 3 loại phô mai nhà làm	Phần	1	99.000	0	8%	99.000
3	Hàng hóa, dịch vụ		Món Pizza Hải sản sốt cà chua cay với phô mai hun khói	Phần	1	137.000	0	8%	137.000
4	Hàng hóa, dịch vụ		Món Mực sốt xoài	Phần	1	164.000	0	8%	164.000
5	Hàng hóa, dịch vụ		Mì Ý bò bằm và phô mai hun khói nhà làm	Phần	1	168.000	0	8%	168.000
6	Hàng hóa, dịch vụ		Món Cơm Ý Risotto mực với cà chua sấy khô và sốt Aioli nhà làm	Phần	1	165.000	0	8%	165.000
7	Hàng hóa, dịch vụ		Nước chanh xanh	Phần	2	42.000	0	8%	84.000
8	Hàng hóa, dịch vụ		Dưa hấu	Phần	1	57.000	0	8%	57.000
9	Hàng hóa, dịch vụ		Nước uống La Vie	Phần	1	42.000	0	8%	42.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	916.000	73.280

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	916.000
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	73.280
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	989.280
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Chín trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi đồng chẵn/.

Phụ lục 3.5: Hóa đơn GTGT số 57066 ngày 09/12/2025

NHẬP PHÁT SINH

Loại chữ: PKT Mã KH: 0401539430 Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/12/25 HD VAT: X SIT: 2

Số chữ: 007/12 Ngày chữ: 31/12/25

Diễn giải: Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T12/25

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	
YTCP Nợ			
TK Có	3383	Bảo hiểm xã hội	0
ĐTPN Có	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
8,750,000		1331	0	8,750,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/12/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T12/25	6422	3383	8,750,000		0	8,750,000	0401539430	0401539	

Tiền hàng: 8,750,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 8,750,000

Record 1 of 1

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Phụ lục 3.6: Giao diện hạch toán các khoản trích BHXH theo lương

NHẬP PHÁT SINH

Loại chữ: PKT Mã KH: 0401539430 Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/12/25 HD VAT: X SIT: 4

Số chữ: 009/12 Ngày chữ: 31/12/25

Diễn giải: Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T12/25

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	
YTCP Nợ			
TK Có	3384	Bảo hiểm y tế	0
ĐTPN Có	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
1,500,000		1331	0	1,500,000

...	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/12/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T12/25	6422	3384	1,500,000		0	1,500,000	0401539430	0401539	

Tiền hàng: 1,500,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 1,500,000

Record 1 of 1

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Phụ lục 3.7: Giao diện hạch toán các khoản trích BHYT theo lương

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: 0401539430, Seri HD, Số HD, Ngày HD: 31/12/25, HD VAT: X, STT: 0

Loại chữ: PKT, Số chữ: 011/12, Ngày chữ: 31/12/25

Diễn giải: Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T12/25

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp		0
ĐTPN Nợ	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	
YTCP Nợ			
TK Có	3385	Bảo hiểm thất nghiệp	0
ĐTPN Có	0401539430	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP	

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
500,000		1331	0	500,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/12/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T12/25	6422	3385	500,000		0	500,000	0401539430	0401539430	

Tiền hàng: 500,000, Tiền thuế: 0, Tổng T. toán: 500,000

Record 1 of 1

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa dòng, Lưu dòng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Phụ lục 3.8: Giao diện hạch toán các khoản trích BHTN theo lương

HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Công Ty TNHH Thương Mại & Kỹ Thuật Sap

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TRA CỨU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên/Mã thủ tục hành chính: Tên/Mã thủ tục hành chính

Tổ khai: 03/TNDN - Tổ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)

Loại Người Nộp Thuế: ---Tất cả---

Loại thủ tục hành chính: ---Tất cả---

Mức độ: ---Tất cả---

Tìm kiếm

Trang 1/1 — Tổng số bản ghi: 2 (223 TTHC)

STT	Mã	Tên thủ tục	Mức độ	Cơ quan thực hiện	Nộp hồ sơ
1	1.008346	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	
2	1.010948	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	

Phụ lục 3.9: Hướng dẫn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN

HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Hành chính phục vụ
 Cục Thuế - Bộ Tài chính

Công Ty TNHH Thương Mại & Kỹ Thuật Sap

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ KHÁC | TRA CỨU HỒ SƠ | ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ | TIN TỨC | GIỚI THIỆU | TRỢ GIÚP

01 Nộp XML | 02 Tài liệu đính kèm | 03 Kết quả

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)

Chưa chọn tệp

Chọn tệp

Quay lại | Ký hồ sơ | Tiếp tục

**File lớn hơn 5MB vui lòng ký offline bằng tool ký CTSigningHub trước khi Nộp hồ sơ

CỤC THUẾ - HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính
 Địa chỉ: Số 1A - Nguyễn Công Trứ - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội
 Ghi rõ nguồn "https://www.dichvucong.gdt.gov.vn" khi phát hành thông tin từ website này

Hỗ trợ: (024) 39712555
 Điện thoại: Tổng đài hỗ trợ 024.730.55999
 nhánh 1
 Thư điện tử: nhomhttdt@gdt.gov.vn

Phụ lục 3.10: Hướng dẫn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN

HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Hành chính phục vụ
 Cục Thuế - Bộ Tài chính

Công Ty TNHH Thương Mại & Kỹ Thuật Sap

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ KHÁC | TRA CỨU HỒ SƠ | ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ | TIN TỨC | GIỚI THIỆU | TRỢ GIÚP

Tra cứu hồ sơ đã nộp trên DVC | Tra cứu hồ sơ đã nộp

TRA CỨU HỒ SƠ ĐÃ NỘP
 TRA CỨU HỒ SƠ LƯU TRỮ
 TRA CỨU PHẢN ÁNH

Tra cứu hồ sơ đã nộp trên DVC

Loại thủ tục hành chính: ---Tất cả---
 Tên thủ tục hành chính: ---Tất cả---

Tờ khai: 03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TN...
 Mã hồ sơ: Nhập dữ liệu...

Từ ngày: 01/03/2026
 Đến ngày: 31/03/2026

Mã xác nhận: Nhập mã captcha

Tìm kiếm

Trang 1 / 1 - Tổng số bản ghi: 1

STT	Thao tác	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Tờ khai	K
1		000.501.18.GT2-260324-25010900169696	1.008346 - Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)	

CỤC THUẾ - HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính
 Địa chỉ: Số 1A - Nguyễn Công Trứ - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội
 Ghi rõ nguồn "https://www.dichvucong.gdt.gov.vn" khi phát hành thông tin từ website này

Hỗ trợ: (024) 39712555
 Điện thoại: Tổng đài hỗ trợ 024.730.55999
 nhánh 1
 Thư điện tử: nhomhttdt@gdt.gov.vn

Phụ lục 3.11: Hướng dẫn tra cứu tờ khai quyết toán thuế TNDN

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: 20251106506544602
Số: 20251106506544602

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250349619579

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mã số thuế: 0401539430

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Quận/Huyện:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Tỉnh, TP:

Quận/Huyện:

trích TK số: 00041000169746

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐

TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Khu vực XIII - PGD số 2

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: AGR Liên Chiểu

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Phường Liên Chiểu - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Ký thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	1122025349619461	00/12/9999	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.		323,231	854	4931
Tổng tiền					323,231		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM HAI MƯƠI BA NGHÌN HAI TRĂM BA MƯƠI MỘT ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓	Người ký :	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
	Ngày ký :	06/11/2025 15:42:27
✓	Người ký :	CỤC THUẾ
	Ngày ký :	06/11/2025 15:41:18
✓	Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
	Ngày ký :	06/11/2025 15:42:52

Phụ lục 3.12: Giấy nộp tiền phạt chậm nộp thuế GTGT

THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THUẾ CƠ SỞ 4
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 56701/TB-TCS4-KDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Lệ, ngày 14 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Tiền thuế nợ

Cơ quan thuế thông báo đến: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mã số thuế: 0401539430

Địa chỉ nhận thông báo: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 2.791.762 đồng. Cụ thể như sau:
- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 là: 2.791.762 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng).

Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 10 năm 2025 là: 2.791.762 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 là: 2.791.762 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng);

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 2.791.762 đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: 08 Nguyễn Nhân, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Bộ phận liên hệ: Tổ QLDN 2

3

BẢNG KÊ TONG HỢP SỐ TIỀN THUẾ NỢ

(Kèm theo thông báo số 56701/TB-TCS4-KDT ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế và các khoản thu khác	Tiểu mục	Tổng số tiền thuế nợ		Số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 10	Số tiền thuế nợ bị cưỡng chế
			Tổng số	Số thừa (TCN)		
I	Tiền thuế và các khoản thu khác (không bao gồm tiền chậm nộp)					
1						
II	Tiền chậm nộp		2.791.762		2.791.762	2.791.762
II.1	Tiền chậm nộp tính trên khoản nợ đã thanh toán		2.791.762		2.791.762	2.791.762
1	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	4918	2.106.793		2.106.793	2.106.793
2	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại	4931	546.594		546.594	546.594
3	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	4917	138.375		138.375	138.375
II.2	Tiền chậm nộp tính trên khoản nợ chưa thanh toán					

Phụ lục 3.13: Thông báo tiền thuế nợ



SAO KÊ TÀI KHOẢN
STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name: CT TNHH MTV TM & KY
Số tài khoản/ Account number: 0041000169746
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán

Ngày thực hiện/ Date: 14/01/2026
Kênh giao dịch/ Trans.Channel: VCB DigiBiz
Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có)/ Number of Joint account holders (if any): 1

Địa chỉ/ Address: 08 PHAN VAN DINH, LIEN CHIEU, DA NANG
Mã số thuế/ Đăng ký kinh doanh: 0401539430
Tax Identification No./Business Registration No:

CIF: 7401640
Loại tiền/ Currency: VND

Từ/ From: 30/11/2025

Đến/ To: 01/01/2026

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 418,005,085 VND

(Bằng chữ/ Inwords:) Bốn trăm mười tám triệu không trăm lẻ năm nghìn không trăm tám mươi lăm đồng

STT No.	Ngày ¹ / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực ² / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	01/12/2025 / 5139 - 63213	01/12/2025	7,191,345		410,813,740	IBBLZ6049763213.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
2	01/12/2025 / 5139 - 62561	01/12/2025	4,536,000		406,277,740	IBBLZ6049762561.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
3	01/12/2025 / 5139 - 64422	01/12/2025	3,752,568		402,525,172	IBBLZ6049764422.IBPS. CT TNHH TM & KY THUAT SAP THANH
4	01/12/2025 / 5425 - 34346	01/12/2025		51,873,750	454,398,922	5335IBT1jWQCSIR.TT CHO SAP HANG EATON NGAY 27 11
5	01/12/2025 / 5423 - 33280	01/12/2025		2,060,640	456,459,562	5335IBT1jWQCSVW.T T CHO SAP HANG EATON 29 11 2025-
6	01/12/2025 / 5425 - 34507	01/12/2025		6,939,778	463,399,340	5335IBT1jWQCSPI.TT CHO SAP HANG EATON NGAY 20 11
7	01/12/2025 / 5425 - 05763	01/12/2025		745,000	464,144,340	5335IBT1jWQBPZQ.LE VAN CANH TRANSFER-011225-
8	03/12/2025 / 5423 - 16418	03/12/2025		3,985,200	468,129,540	5337IBT1aWUMVLV5.H B:CTY TSC THANH TOAN CHO CTY KY
9	03/12/2025 / 5136 - 37397	03/12/2025	22,400,000		445,729,540	IBBLZ+BHXH+103+00+T A0858A+04802+dong BHXH+
10	05/12/2025 / 5390 - 97677	05/12/2025		1,515,789,182	1,961,518,722	02009704051205140308 20255P0Q097470.97677.
11	05/12/2025 / 5136 - 86884	05/12/2025		9,616,320	1,971,135,042	140508.THANH TOAN IBBLZ6050086884.BANI CO TT KY THUAT SAP
12	06/12/2025 / 9915 - 17353	06/12/2025	55,000		1,971,080,042	THU PHU DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 11/2025. SDT:

Phụ lục 3.14: Sao kê ngân hàng tháng 12

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số : 02 - TT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 5 năm 2025

Số : 038

Nợ : 6422,154

Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chi : Chi đồng phục T5/25

Số tiền : 10.800.000 (Viết bằng chữ) : Mười triệu tám trăm ngàn đồng

Kèm theo HĐ :

Ngày 31 tháng 5 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Mười triệu tám trăm ngàn đồng

Phụ lục 3.15: Phiếu chi đồng phục tháng 5/2025

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: 0401539430

Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/05/25 HD VAT: X STT: 3

Loại chữ: PKT Số chữ: 003/05 Ngày chữ: 31/05/25

Diễn giải: Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên TS/25

TK Nợ	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0401539430 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		
YTCP Nợ			
TK Có	3383 - Bảo hiểm xã hội		0
ĐTPN Có	0401539430 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
3,500,000		1331	0	3,500,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/05/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên TS/25	154	3383	3,500,000		0	3,500,000	0401539430	0401539...	

Tiền hàng: 3,500,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 3,500,000

Record 1 of 1

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Ngày Thành tiền

Activate Windows

Go to Settings to activate Windows

Print (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 3.16: Giao diện các khoản trích theo lương tháng 5

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: 0401539430

Seri HD: Số HD: Ngày HD: 31/05/25 HD VAT: X STT: 5

Loại chữ: PKT Số chữ: 005/05 Ngày chữ: 31/05/25

Diễn giải: Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên TS/25

TK Nợ	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0401539430 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		
YTCP Nợ			
TK Có	3384 - Bảo hiểm y tế		0
ĐTPN Có	0401539430 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI_KỸ THUẬT SAP		

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
600,000		1331	0	600,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/05/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên TS/25	154	3384	600,000		0	600,000	0401539430	0401539...	

Tiền hàng: 600,000
Tiền thuế: 0
Tổng T. toán: 600,000

Record 1 of 1

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Ngày Thành tiền

Activate Windows

Go to Settings to activate Windows

Print (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 3.17: Giao diện các khoản trích theo lương tháng 5

NHẬP PHÁT SINH

Mã KH: 0401539430

Số chủ: 007/05 Ngày chủ: 31/05/25

Diễn giải: Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên TS/25

TK Nợ: 154 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

ĐTPN Nợ: 0401539430 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI _KỸ THUẬT SAP

YTCP Nợ:

TK Có: 3385 Bảo hiểm thất nghiệp

ĐTPN Có: 0401539430 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI _KỸ THUẬT SAP

Tiền VND: 200,000 TS: 1331 Thuế VND: 0 Tổng tiền: 200,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			31/05/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên TS/25	154	3385	200,000		0	200,000	0401539430	0401539	

Tiền hàng: 200,000
Tiền thuế: 0

Tổng T. toán: 200,000

Record 1 of 1

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Ab, Mở, Sửa, Lưu, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+P), Lưu (Ctrl+F12)

Phụ lục 3.18: Giao diện các khoản trích theo lương tháng 5

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
22/01/25	PXK.007/01	22/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 11,22/01/25	1561	3.500.000	0
22/01/25	PXK.007/01	22/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 11,22/01/25	1561	550.137	0
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	130.432.146	0
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	193.258.506
...	...	...	...	...	...	...
21/05/25	PXK.011/05	21/05/25	Xuất kho theo HĐ số : 59,21/05/25	1561	13.149.718	0
23/05/25	PXK.012/05	23/05/25	Xuất kho theo HĐ số : 61,23/05/25	1561	1.066.161	0
31/05/25	KC.01	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	166.649.079	0
31/05/25	KC.05	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	2.693.906.381
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PXK.026/12	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 204,31/12/25	1561	11.168.421	0
31/12/25	PXK.026/12	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 204,31/12/25	1561	1.633.651	0
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	139.333.770	0
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	488.985.216
			Cộng phát sinh		13.248.512.296	13.248.512.296
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Phụ lục 3.19: Sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401539430

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 6421-Chi phí bán hàng
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		0	0
31/01/25	PC.035/01	31/01/25	Xăng RON95-III	1111	545.508	0
31/01/25	KHTS.002/1	31/01/25	Khấu hao Xe ô tô Ford Focus màu trắng Tháng 1	2141	4.268.228	0
31/01/25	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lốp 215/50r17 Michelin Tháng 1	242	250.772	0
31/01/25	CPCPB.004/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lốp xe Tháng 1	242	250.772	0
31/01/25	CPCPB.005/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho năm 2025	242	20.000.000	0
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	34.142.504
...	...	...	...	...	...	...
29/05/25	PC.050/05	29/05/25	Xăng RON95-III	1111	909.091	0
31/05/25	CPCPB.004/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Lốp xe Tháng 5	242	250.772	0
31/05/25	CPCPB.005/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho năm 2025	242	20.000.000	0
31/05/25	KC.06	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	30.610.338
...	...	...	...	...	...	...
19/12/25	PC.017/12	19/12/25	Xăng RON95 Mức 3	1111	648.206	0
27/12/25	PC.022/12	27/12/25	Xăng RON 95 mức 5	1111	833.507	0
31/12/25	CPCPB.005/5	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê kho năm 2025	242	20.000.000	0
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	40.938.573
			Cộng phát sinh		375.142.162	375.142.162
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHAM THI NHƯ HẢI

PHAM THI NHƯ HẢI

ĐOÀN THI PHÚ

Phụ lục 3.20: Sổ chi tiết TK 6421